

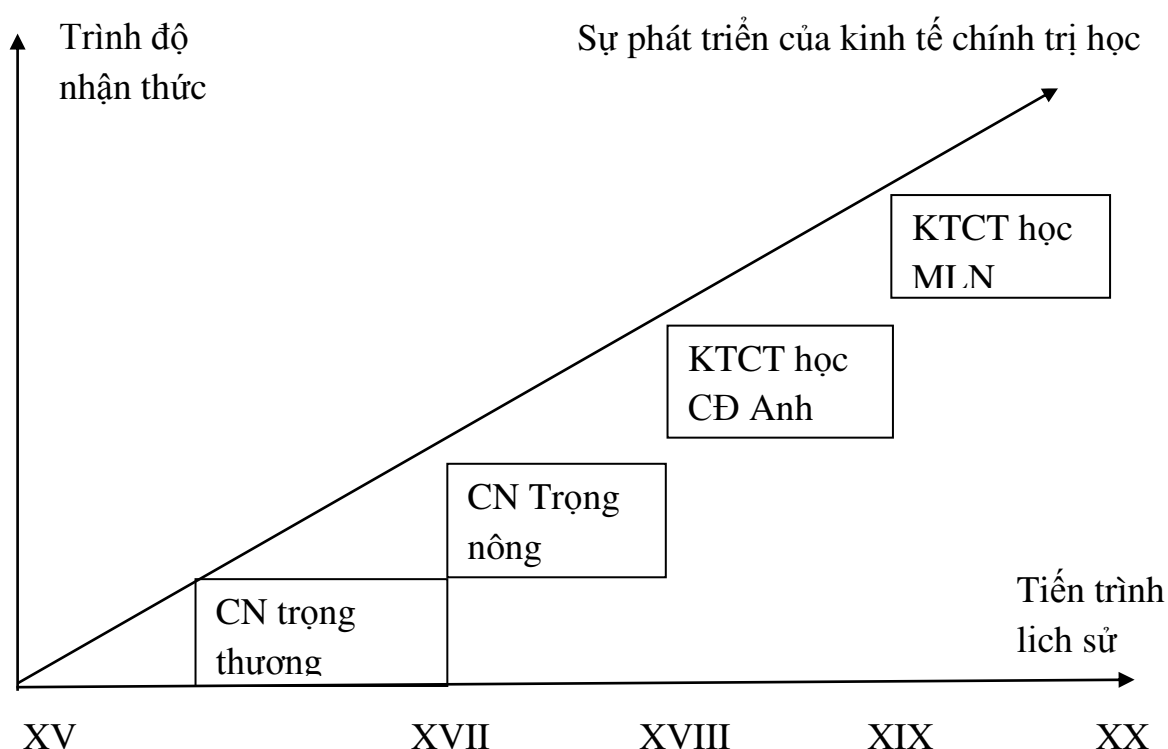
# Chương 1

## ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC MÁC-LÊNIN

### MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

MỤC ĐÍCH	YÊU CẦU
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định rõ đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác-Lênin.</li> <li>- Làm rõ phương pháp nghiên cứu của môn học và vận dụng vào nghiên cứu kinh tế.</li> <li>- Nhận thức đúng chức năng của KTCT Mác-Lênin.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu rõ, nắm vững và vận dụng được những nội dung sau:</li> <li>- Tổng quát về sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị học.</li> <li>- Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác-Lênin.</li> <li>- Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác-Lênin.</li> </ul>

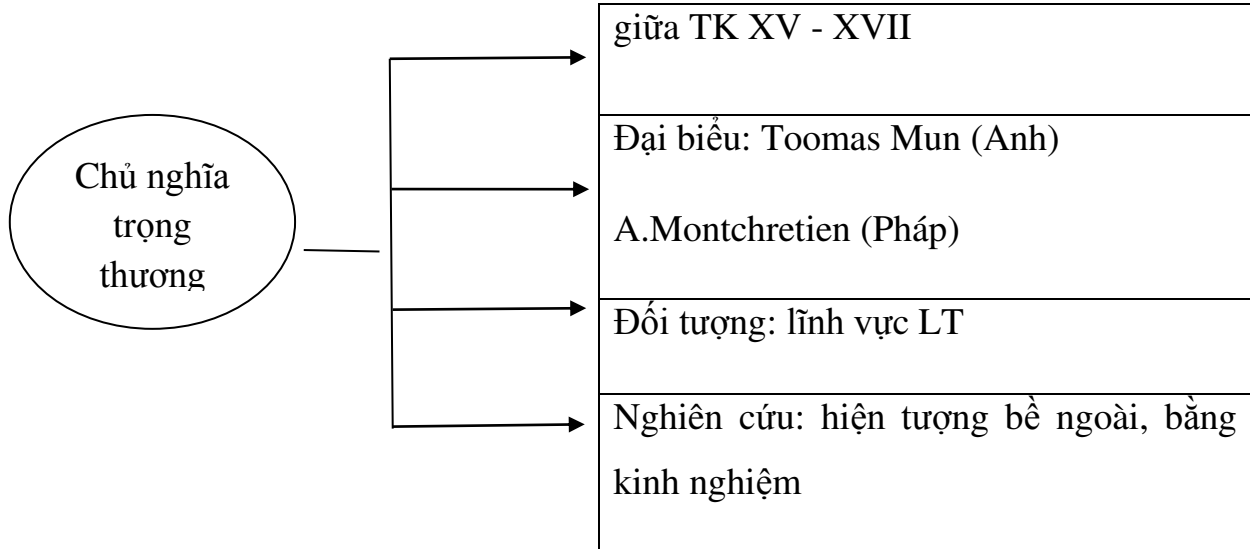
### 1.1. KHÁI QUÁT SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN



### 1.1.1 Chủ nghĩa trọng thương

CN. TT là học thuyết kinh tế đầu tiên về phương thức sản xuất TBCN.

Lý luận của chủ nghĩa trọng thương là cơ sở cho các chính sách của Nhà nước trong thời kỳ ra đời của CNTB.



- Tư tưởng KT cơ bản

+ Lợi nhuận là mục đích là động lực của chủ nghĩa trọng thương.

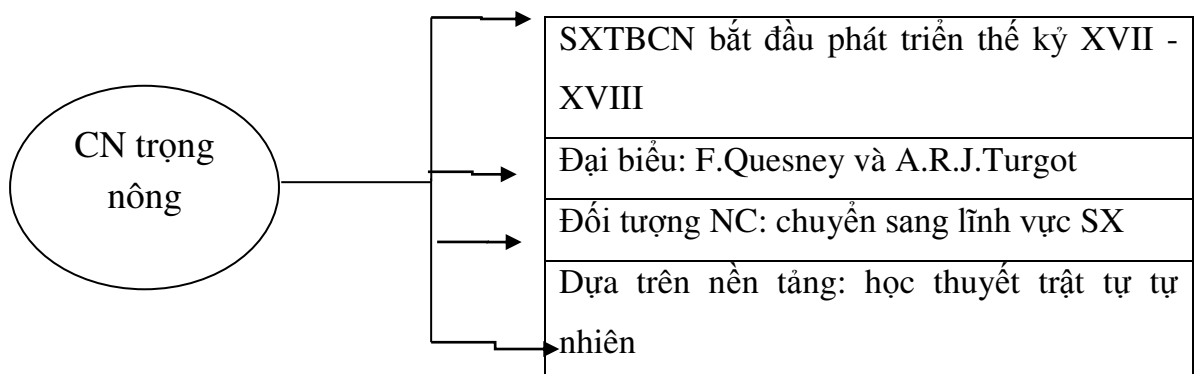
+ Nguồn gốc của lợi nhuận từ ngoại thương.

+ Lợi nhuận thương nghiệp do mua rẻ bán đắt.

- A.Montchretien: *“Nội thương là hệ thống ống dẫn, ngoại thương là máy bơm, muốn tăng của cải phải có ngoại thương dẫn của cải qua nội thương”*.

### 1.1.2. Chủ nghĩa trọng nông

- Lý luận của CN trọng nông có bước tiến xa so với chủ nghĩa trọng thương, song do giới hạn lịch sử, nhưng còn nhiều hạn chế.

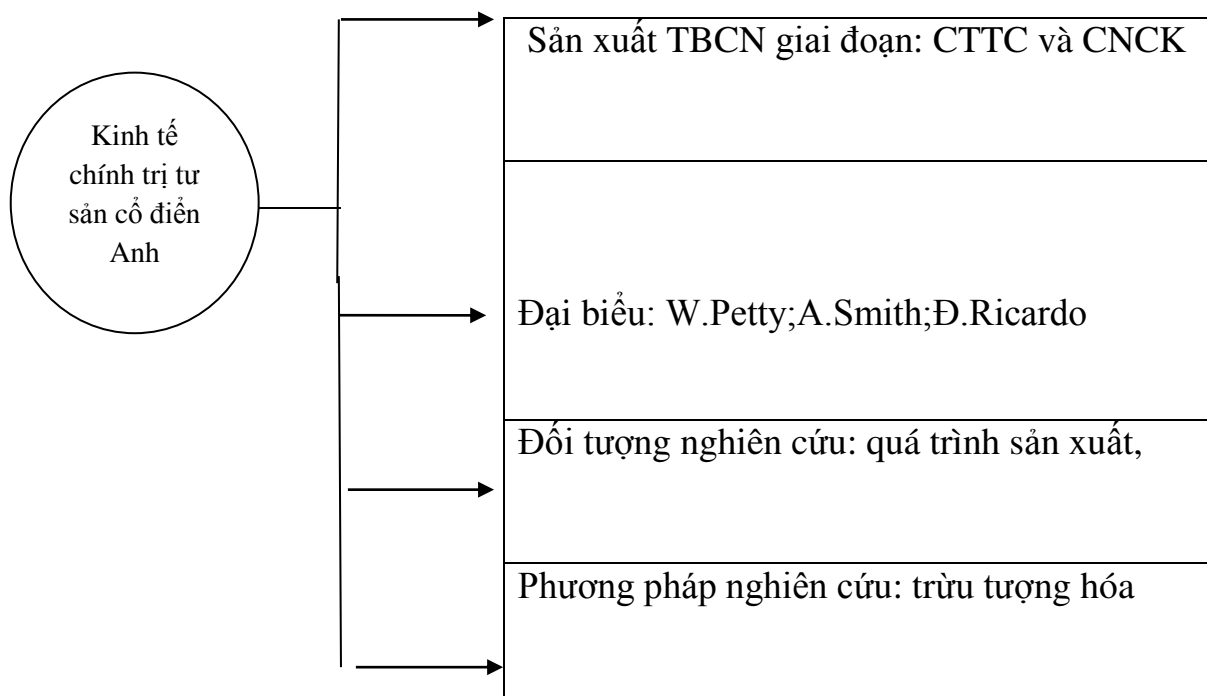


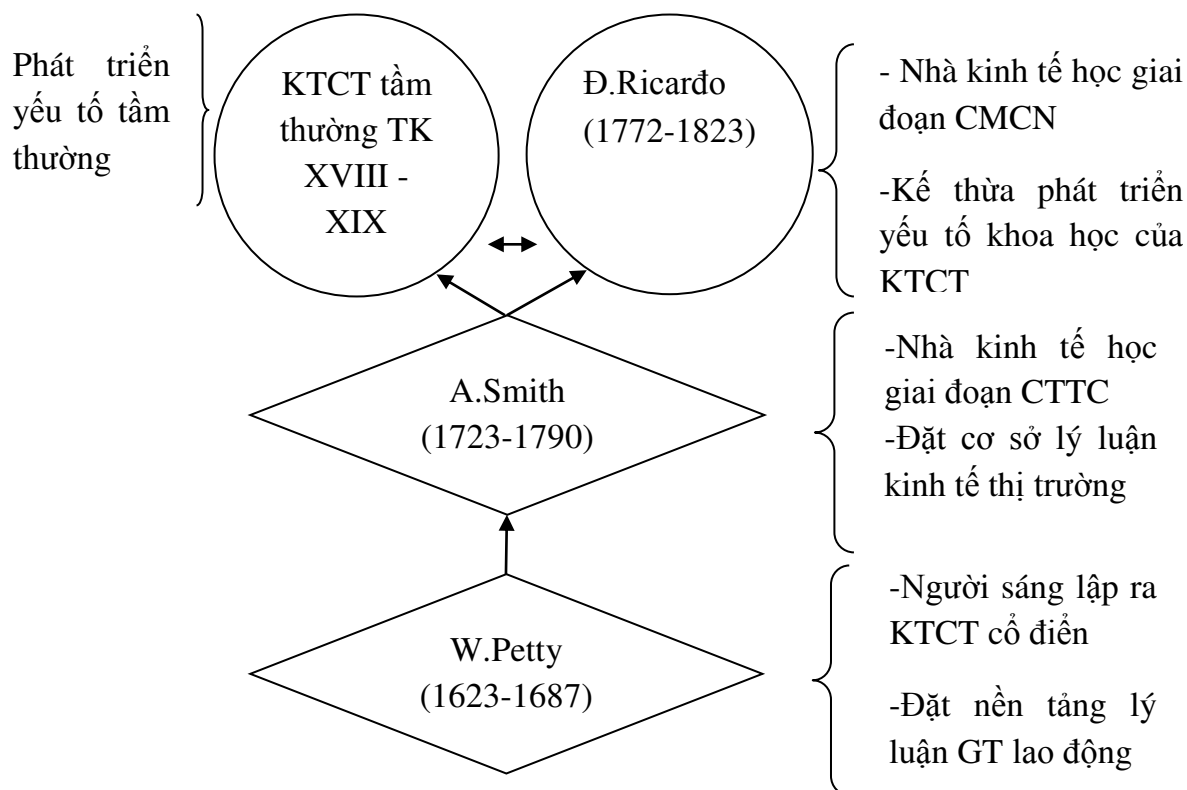
- Tư tưởng KT cơ bản:
- + Tìm nguồn gốc của cải trong sản xuất.
- + Chỉ có lao động sản xuất nông nghiệp tạo của cải.
- + Lao động nông nghiệp là lao động có ích và tạo ra sản phẩm ròng.
- + Tư tưởng tự do kinh tế.

F.Quesney: “Chỉ có của cải dân cư ở nông thôn mới đẻ ra của cải quốc gia”- “nông dân nghèo thì xứ sở nghèo”.

### **1.1.3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh**

- KTCTCD Anh gồm W.Petty, A.Smith và D.Ricardo.
- Từ sau A.Smith, kinh tế chính trị tách thành 2 dòng chính:
  - Những yếu tố khoa học được D.Ricardo phát triển xây dựng khoa kinh tế chính trị dựa trên cơ sở khoa học.
  - Lợi dụng yếu tố tâm thường để biện hộ cho CNTB, đó là KTCT học tâm thường.





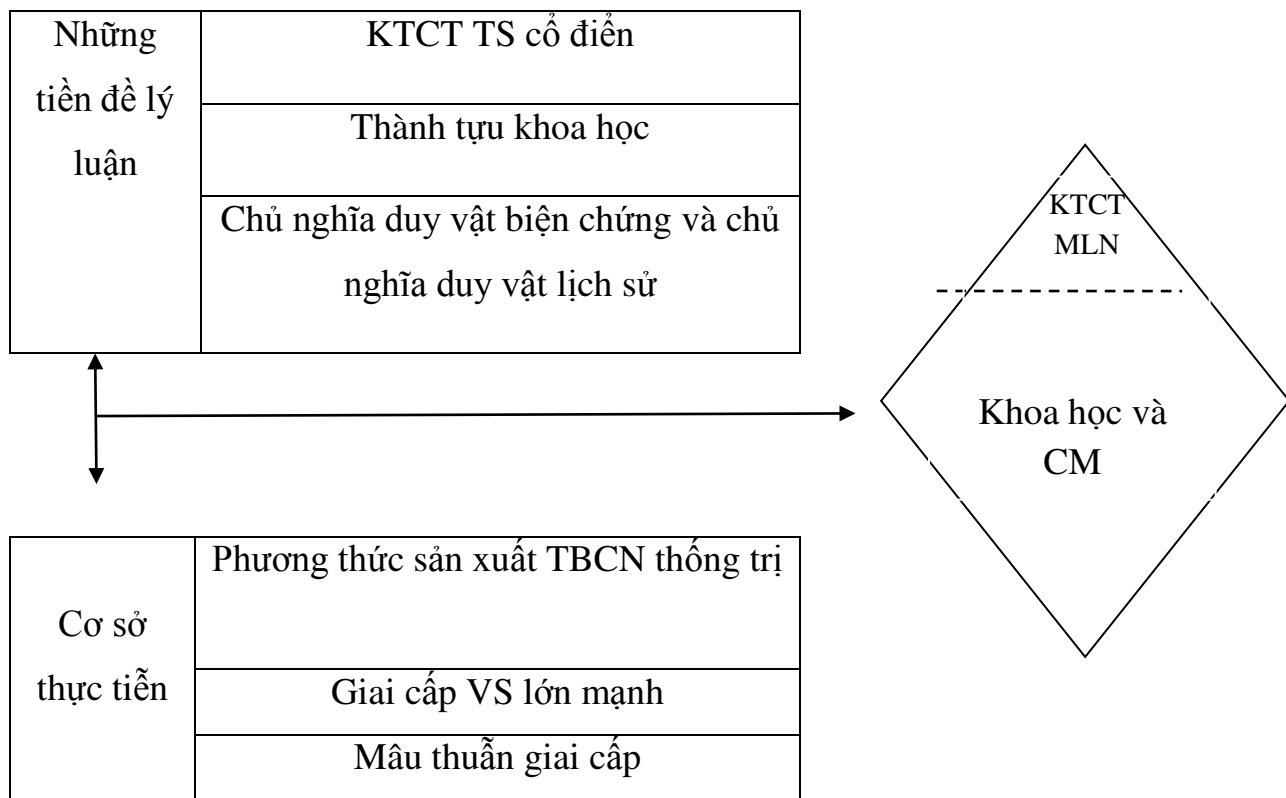
C.Mác: “*Kinh tế chính trị học tư sản cổ điển Anh bắt đầu từ W.Petty và kết thúc của D.Ricardo*”

- Hạn chế của kinh tế chính trị cổ điển Anh:
- + Thiếu phương pháp duy vật lịch sử.
- + Không hiểu được tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá.
- + Giới hạn về lịch sử và lợi ích giai cấp.

Khắc phục những hạn chế trên C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện cuộc cách mạng trong lĩnh vực kinh tế chính trị.

#### ***1.1.4. Sự hình thành và phát triển kinh tế chính trị học Mác-Lênin***

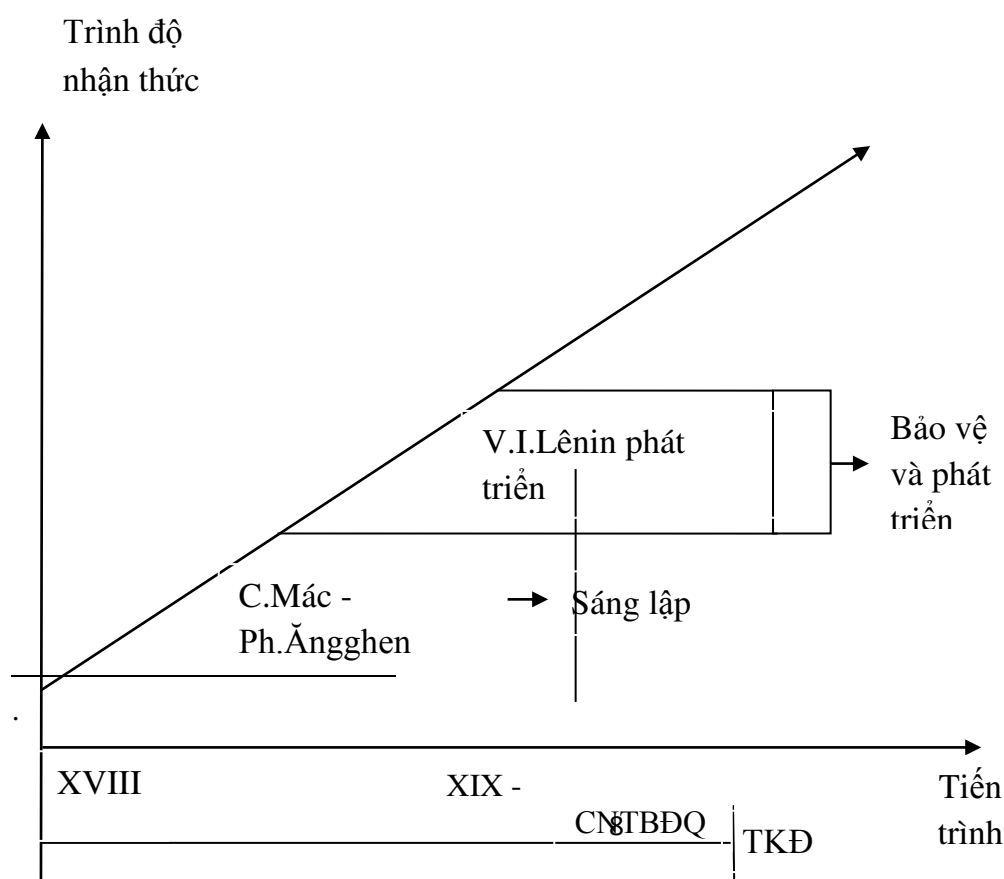
- Quá trình hình thành kinh tế chính trị Mác-Lênin



V.I.Lênin: “*Học thuyết C.Mác ra đời là sự kế thừa thẳng và trực tiếp những học thuyết của các đại biểu xuất sắc nhất trong triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học*”<sup>1</sup>.

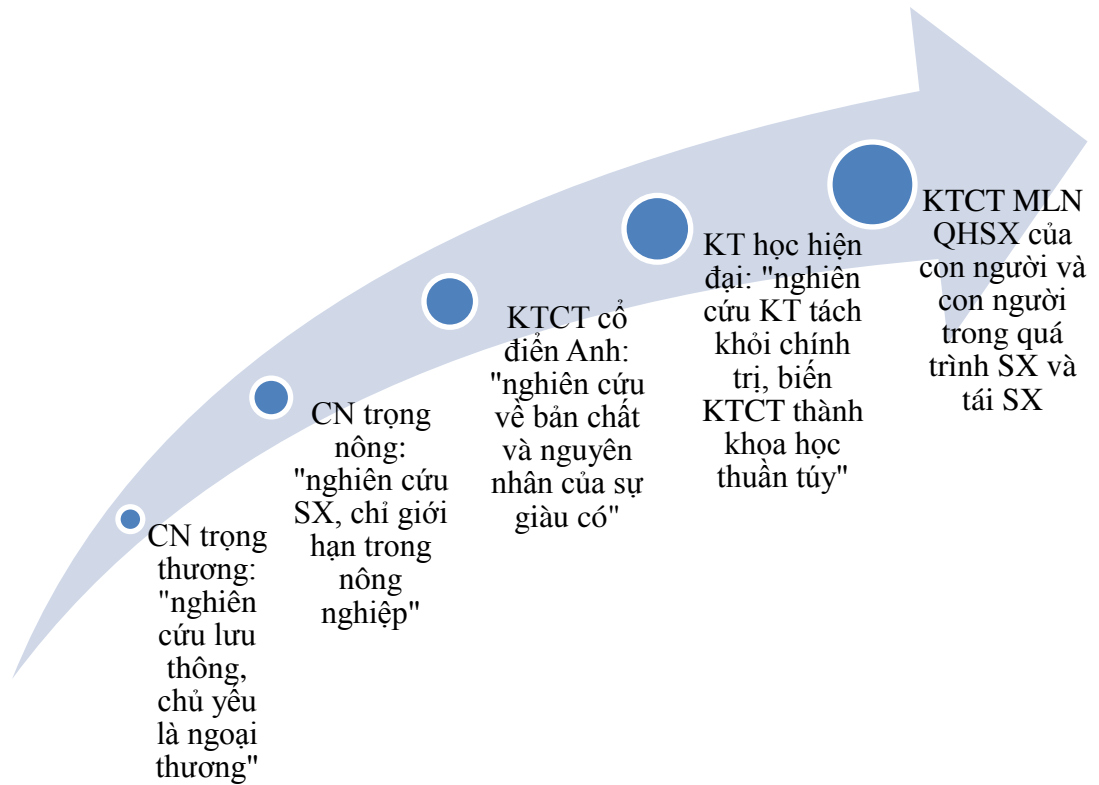
- Sự phát triển của kinh tế chính trị Mác-Lênin:

C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập ra kinh tế chính trị macxít và nó được V.I.Lênin phát triển nâng lên ở trình độ cao hơn trong điều kiện lịch sử mới của CNTB.

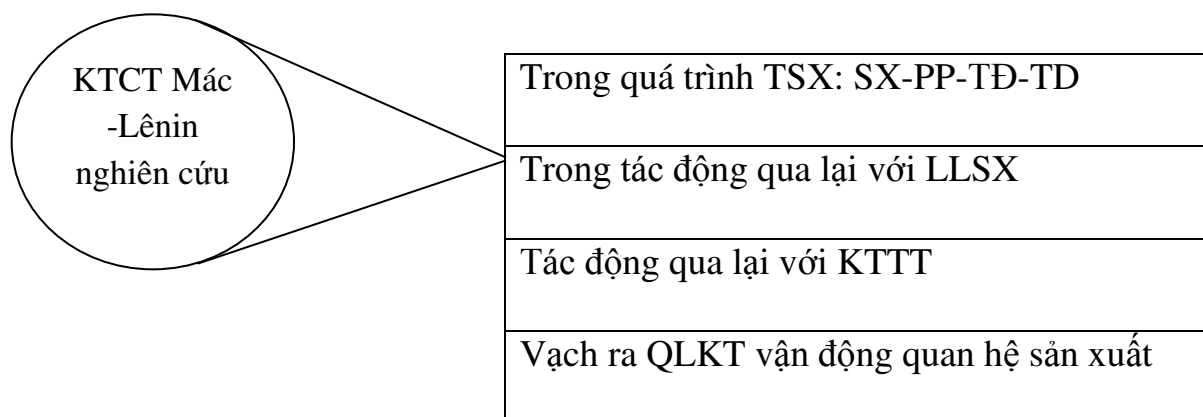


## 1.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC MÁC-LÊNIN

### 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị học Mác-Lênin

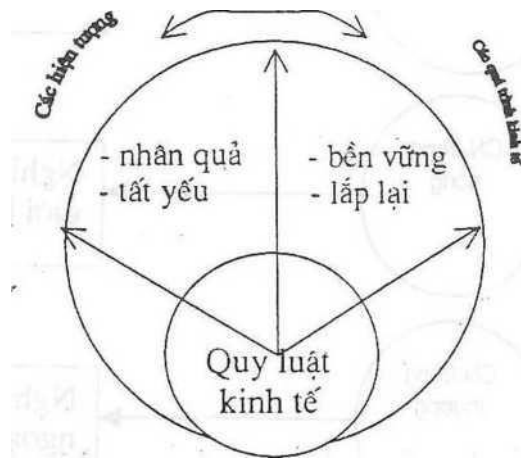


V.I.Lênin: *“Kinh tế chính trị tuyệt nhiên không nghiên cứu sự sản xuất mà nghiên cứu những quan hệ xã hội giữa người với người trong sản xuất, nghiên cứu chế độ xã hội của sản xuất”.*

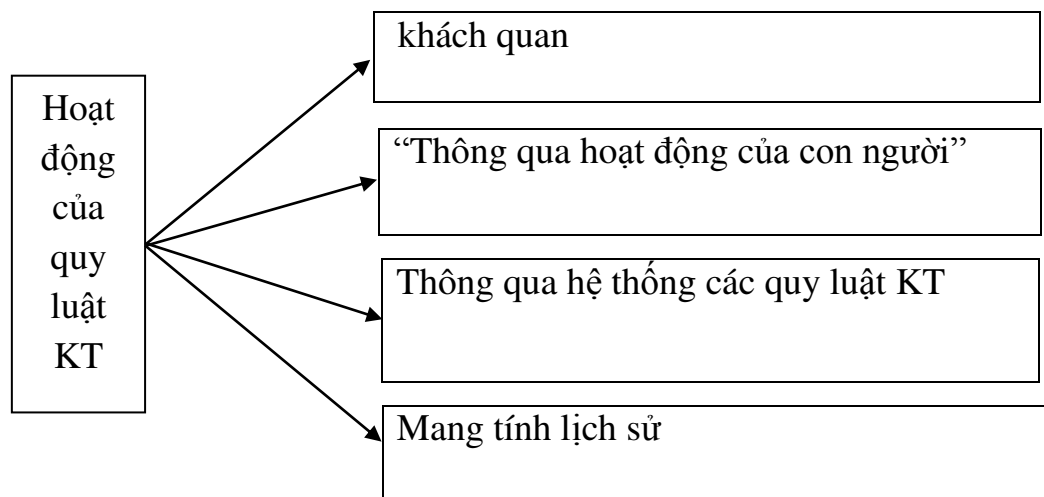


- Quy luật KT:

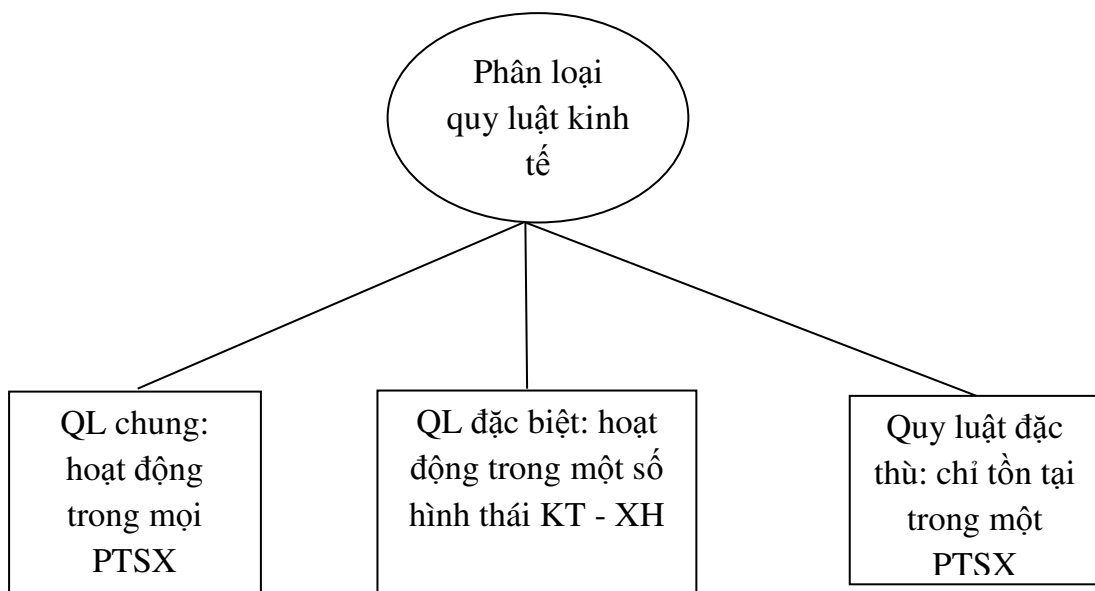
“Phát sinh những mối liên hệ bản chất, thường xuyên, lặp đi lặp lại và sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế”.



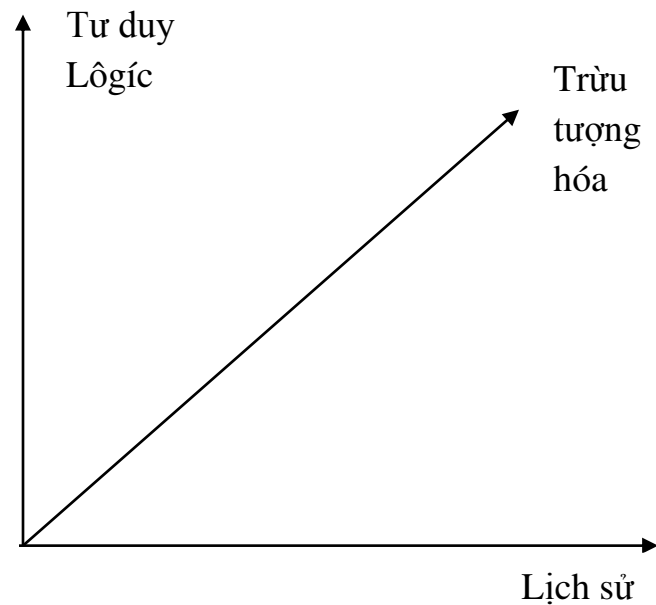
- Hoạt động của QLKT



- Phân loại quy luật KT: căn cứ vào phạm vi hoạt động hệ thống quy luật

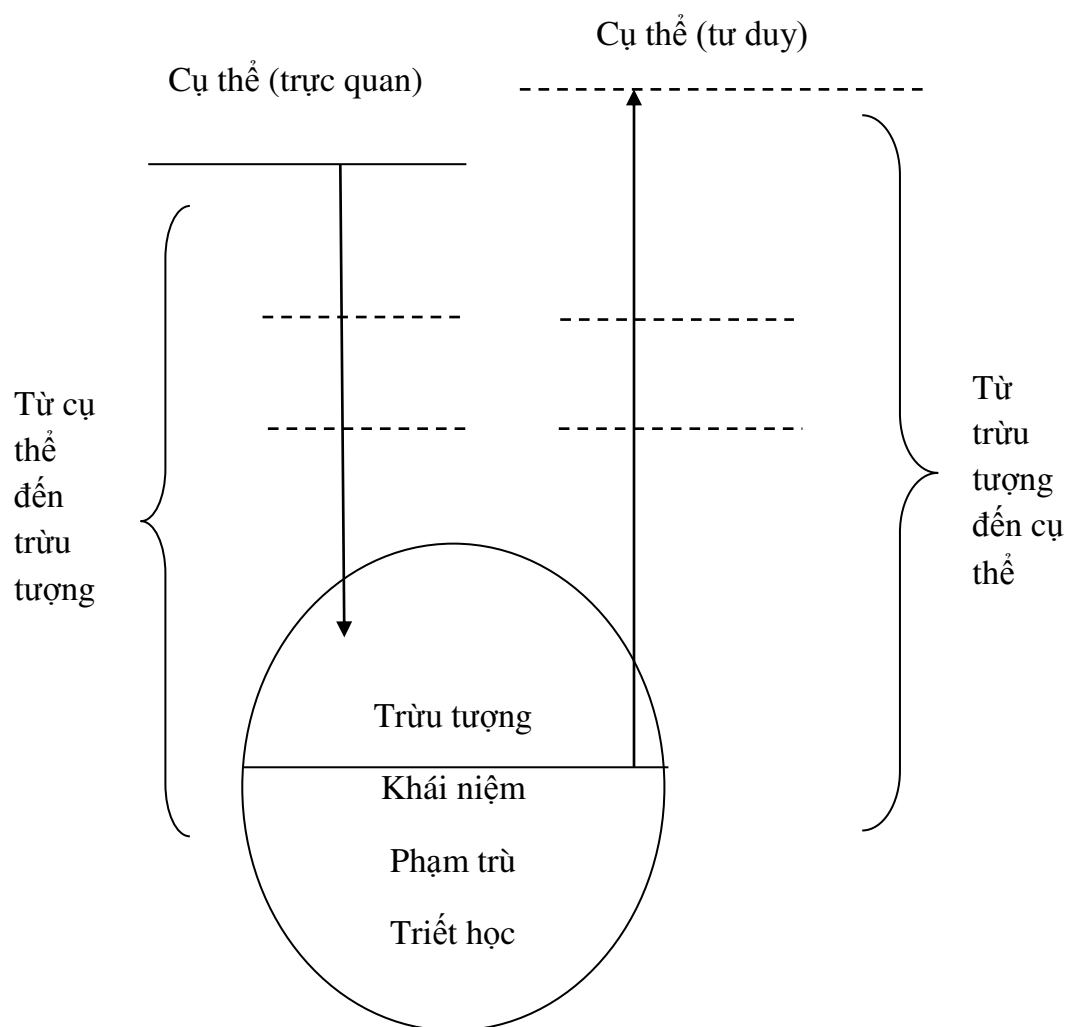


- Phương pháp của kinh tế chính trị Mác-Lênin
- Phương pháp trừu tượng hoá khoa học:



- \* Trừu tượng hoá khoa học là phương pháp của kinh tế chính trị:
- + Kết hợp lịch sử và logic.
- + Tiếp cận nghiên cứu bản chất.
- + Gạt bỏ các mặt ngẫu nhiên.
- + Giới hạn của trừu tượng là những mối liên hệ bản chất.

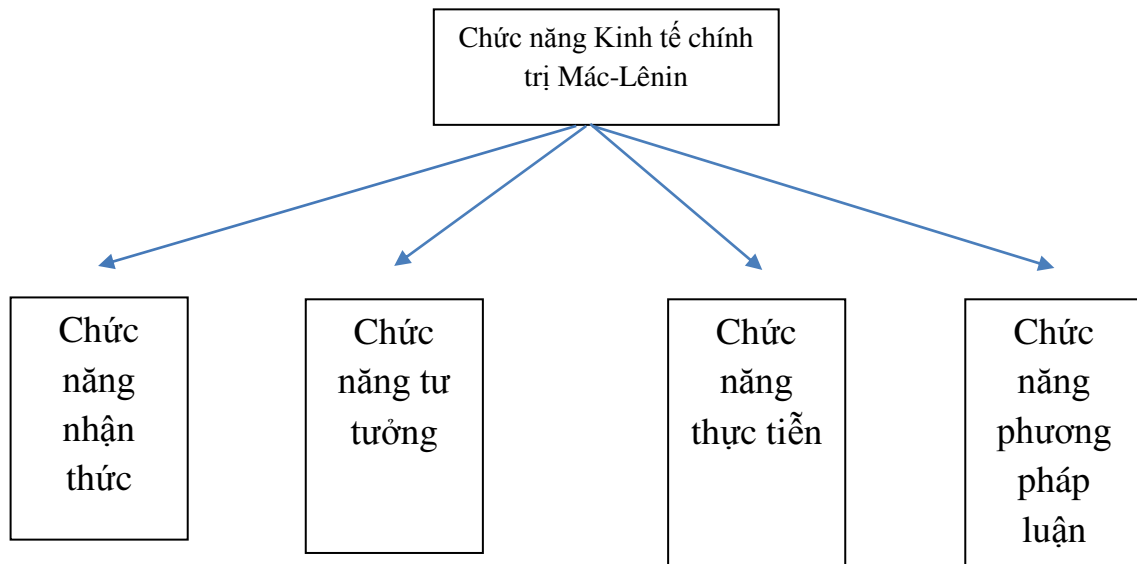




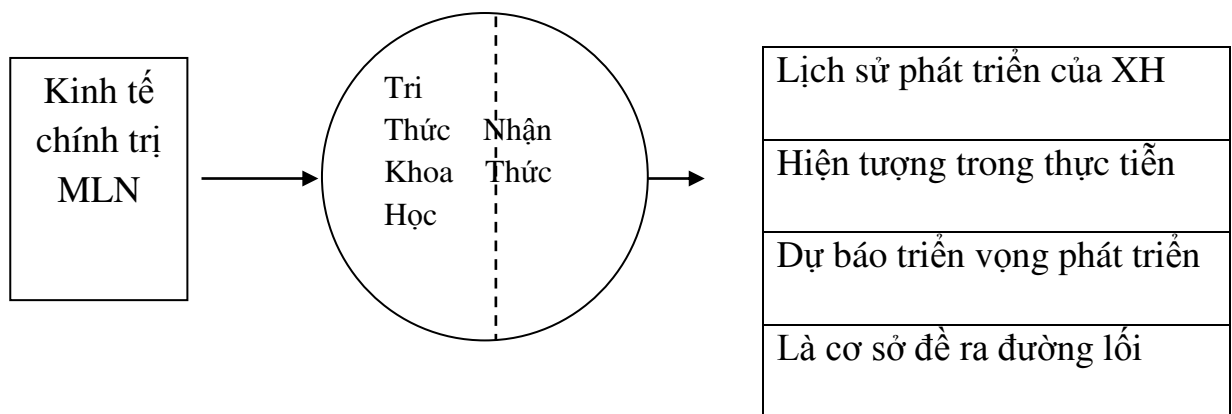
Ph.Ăngghen: “*Sự vận động tiếp tục của nó chẳng qua là sự phản ánh quá trình lịch sử dưới một hình thái trừu tượng và nhất quán về lý luận*”.

### 1.3. CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

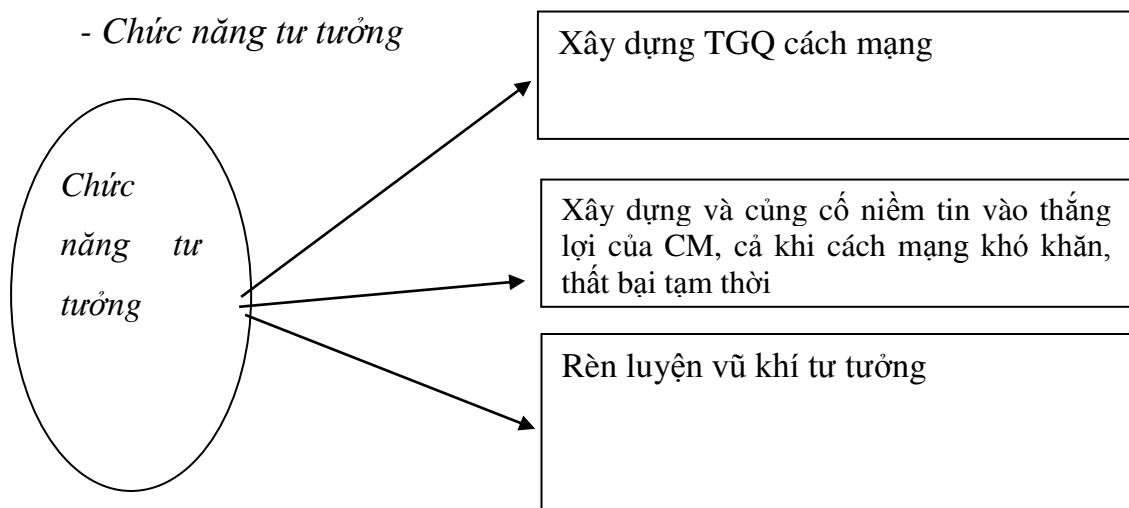
- Kinh tế chính trị Mác - Lênin có các chức năng sau đây: chức năng nhận thức, chức năng tư tưởng, chức năng thực tiễn, chức năng phương pháp luận. Các chức năng đó thể hiện tính khoa học và cách mạng, sâu sắc của kinh tế chính trị Mác –Lênin.



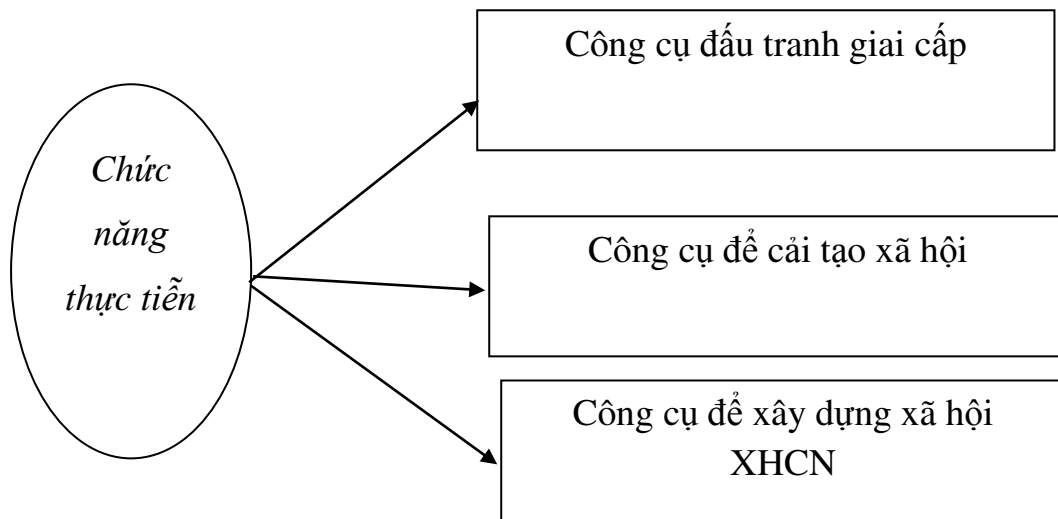
*- Chức năng nhận thức*



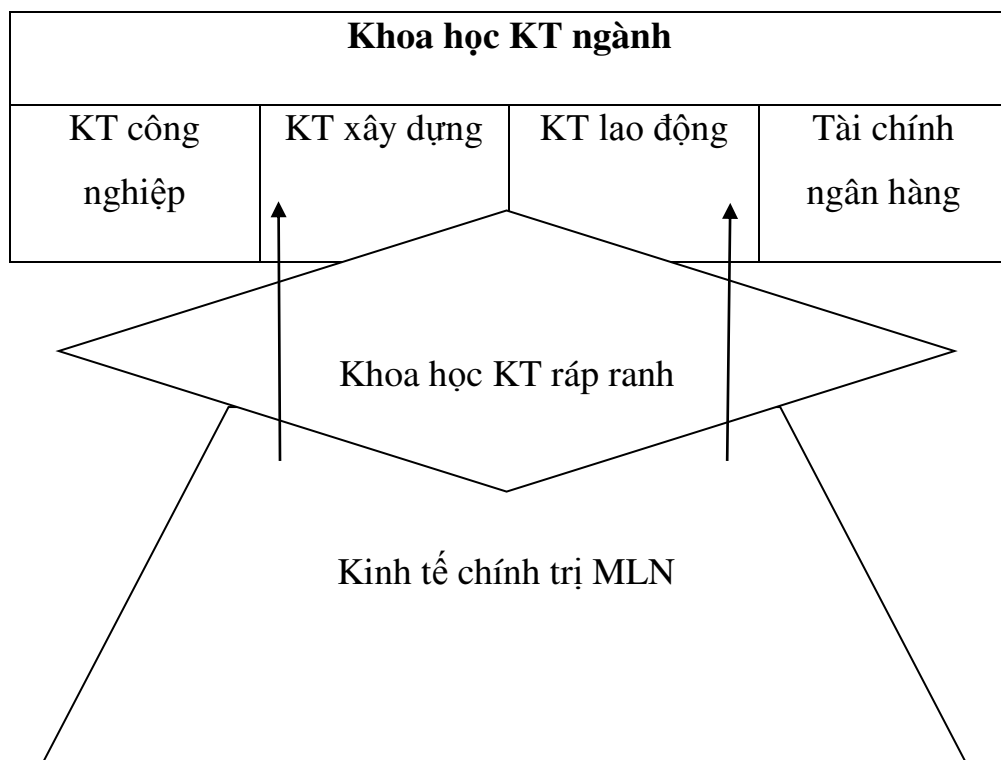
*- Chức năng tư tưởng*



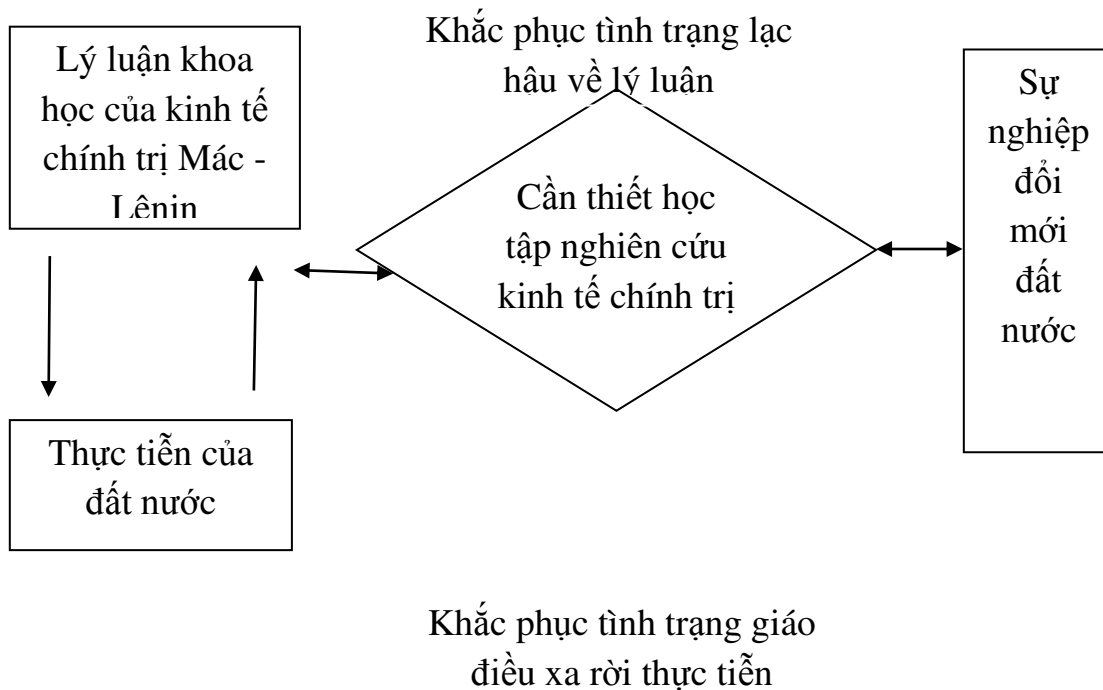
- Chức năng thực tiễn:



- Chức năng phương pháp luận:



## ***Sự cần thiết nghiên cứu kinh tế chính trị Mác-Lênin***



### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Trình bày sơ lược sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị học?
2. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị học là gì? Vì sao nó phải nghiên cứu quan hệ sản xuất trong sự tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng?
3. Quy luật kinh tế là gì? Phân tích đặc điểm hoạt động của quy luật kinh tế và cơ cấu của hệ thống các quy luật kinh tế của một phương thức sản xuất nhất định?
4. Trình bày phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Ví dụ về sự vận dụng phương pháp đó?
5. Phân tích chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin?

## Chương 2

### HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

#### MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

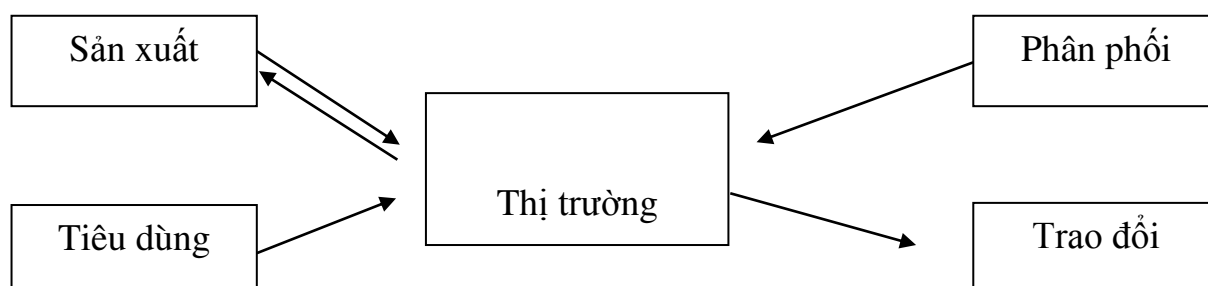
MỤC ĐÍCH	YÊU CẦU
- Cung cấp tri thức về vấn đề về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hiểu được khái niệm về sản xuất hàng hoá; điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá.</li><li>- Hiểu được nội dung hai thuộc tính của hàng hoá,</li><li>- Hiểu được nguồn gốc ra đời và bản chất, chức năng của tiền tệ. Nội dung quy luật lưu thông tiền tệ.</li><li>- Hiểu được yêu cầu và tác dụng của QLGT.</li></ul>

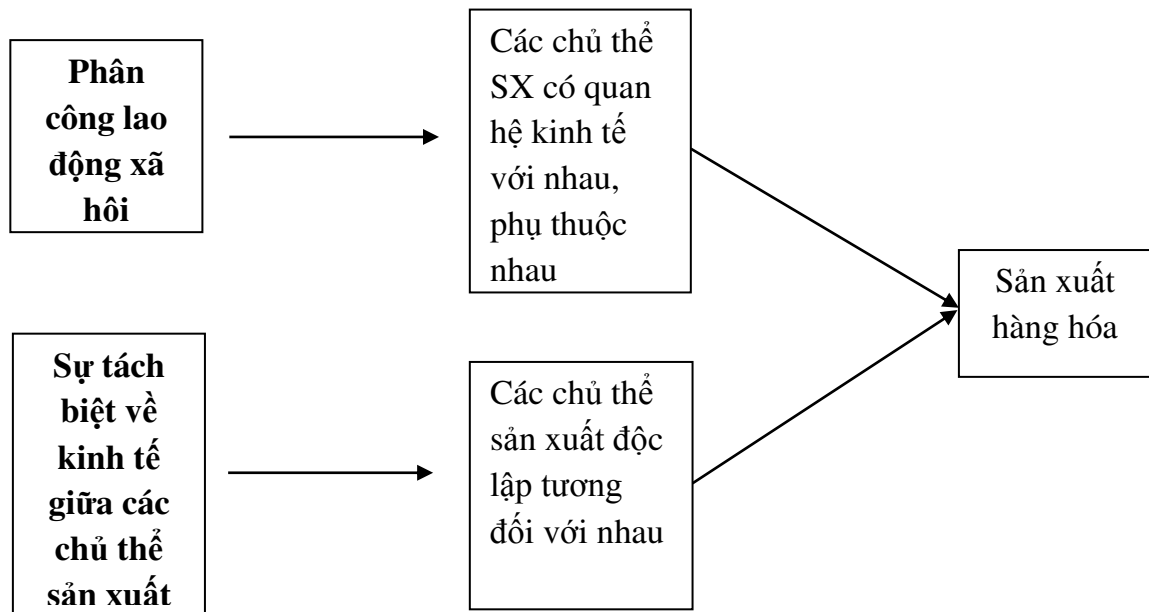
#### 2.1. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA

##### 2.1.1. Sản xuất hàng hóa

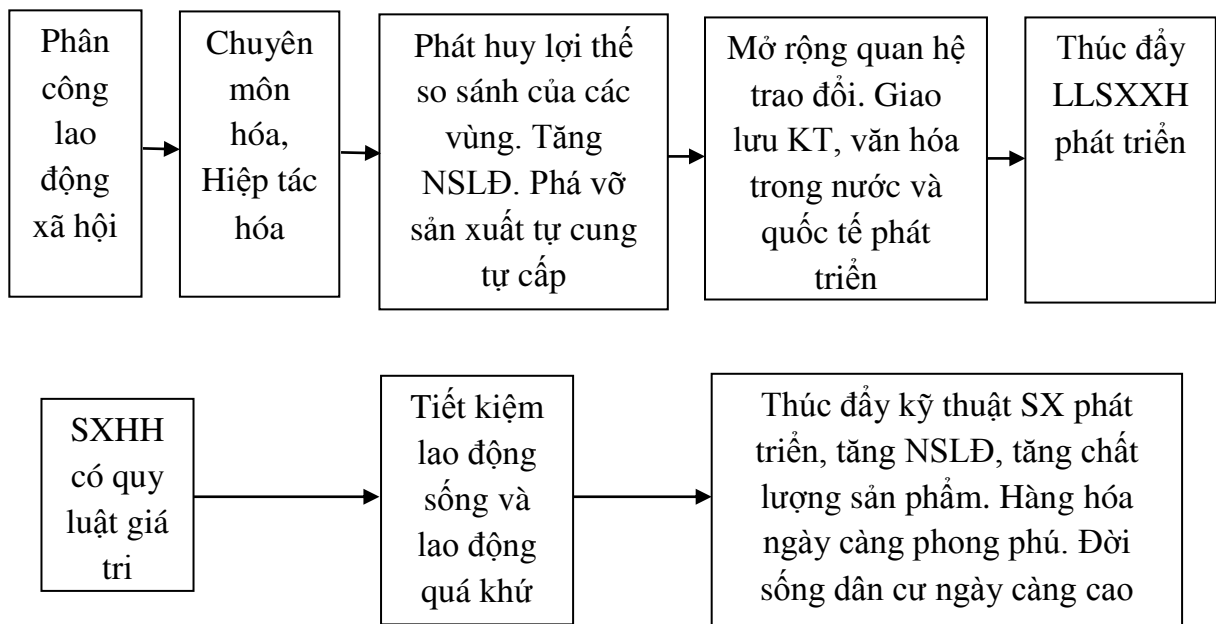
##### 2.1.1.1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá

SXHH là một kiểu tổ chức KT - XH trong đó những sản phẩm được sản xuất ra nhằm mục đích để mua bán trên thị trường.



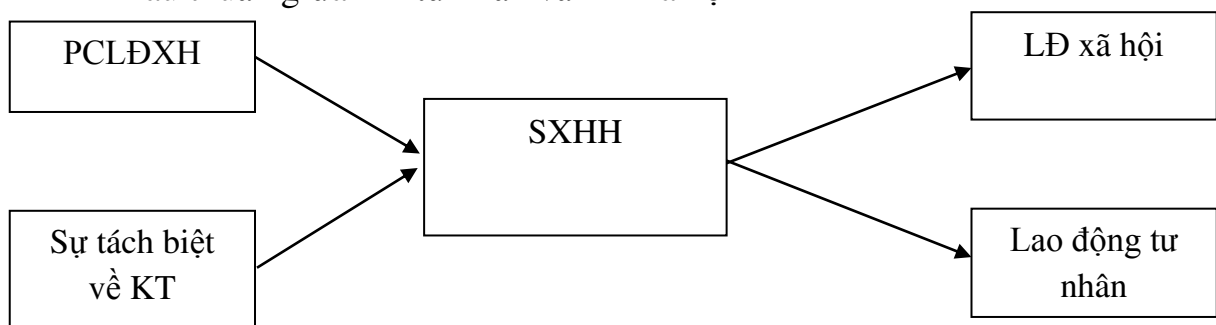


### 2.1.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá



Mâu thuẫn của sản xuất hàng hoá

\* Mâu thuẫn giữa LĐ tư nhân và LĐ xã hội



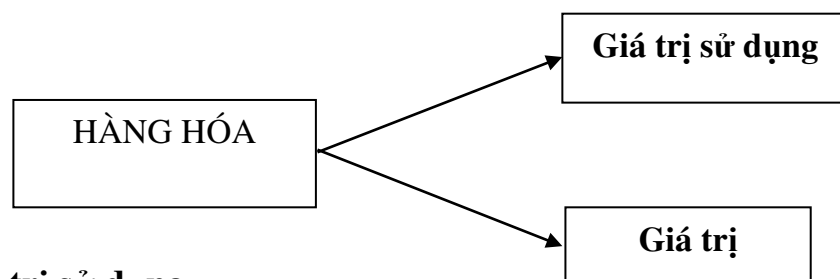
Do có phân công lao động xã hội nên sản phẩm lao động của người này trở nên cần thiết với người khác, cần cho thị trường cho xã hội. Lao động sản xuất hàng hoá có tính xã hội - lao động xã hội. Mặt khác, do sự tách biệt về kinh tế cho nên những chủ thể sản xuất độc lập tương đối với nhau. Họ có quyền tự quyết định sản xuất cái gì, số lượng bao nhiêu, sản xuất như thế nào, phân phối cho ai. LĐ của họ có tính tư nhân, cá biệt. LĐ tư nhân chỉ trở thành lao động xã hội, được xã hội thừa nhận là có ích khi hàng hoá được mua bán xong xuôi trên thị trường. LĐSXHH bao hàm sự thống nhất giữa hai mặt đối lập: lao động tư nhân và lao động xã hội

### 2.1.2. Hàng hóa

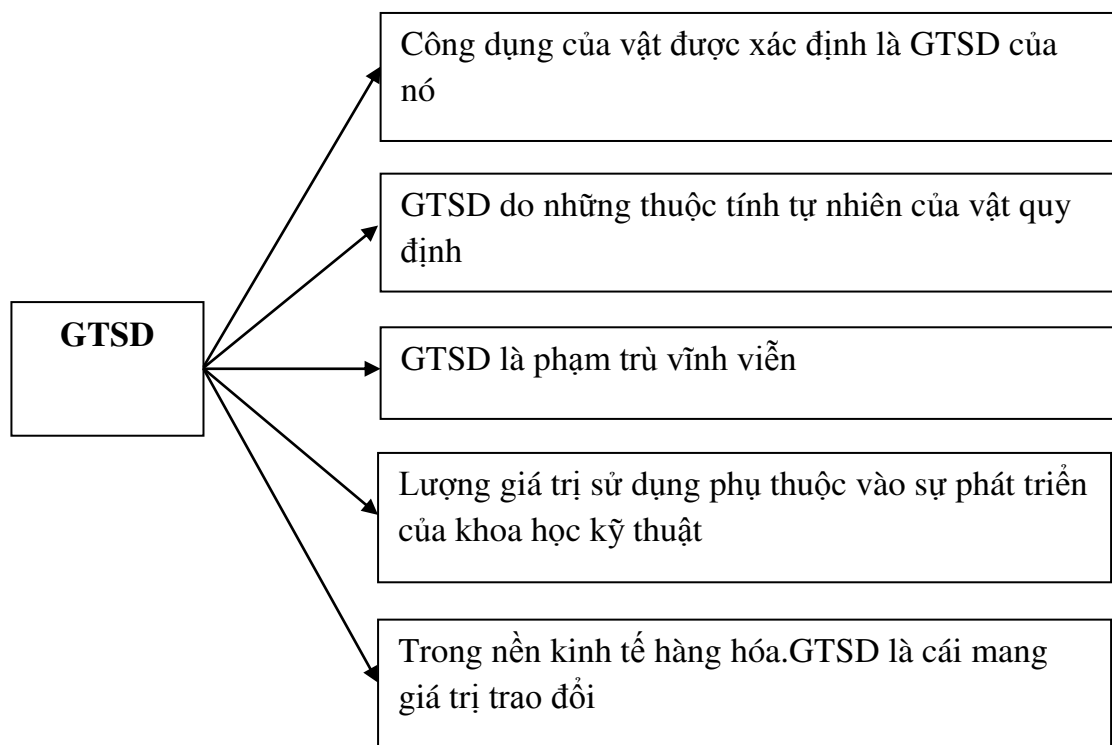
#### 2.1.2.1 Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá

Hàng hoá là sản phẩm của lao động, thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người và được trao đổi, mua bán..

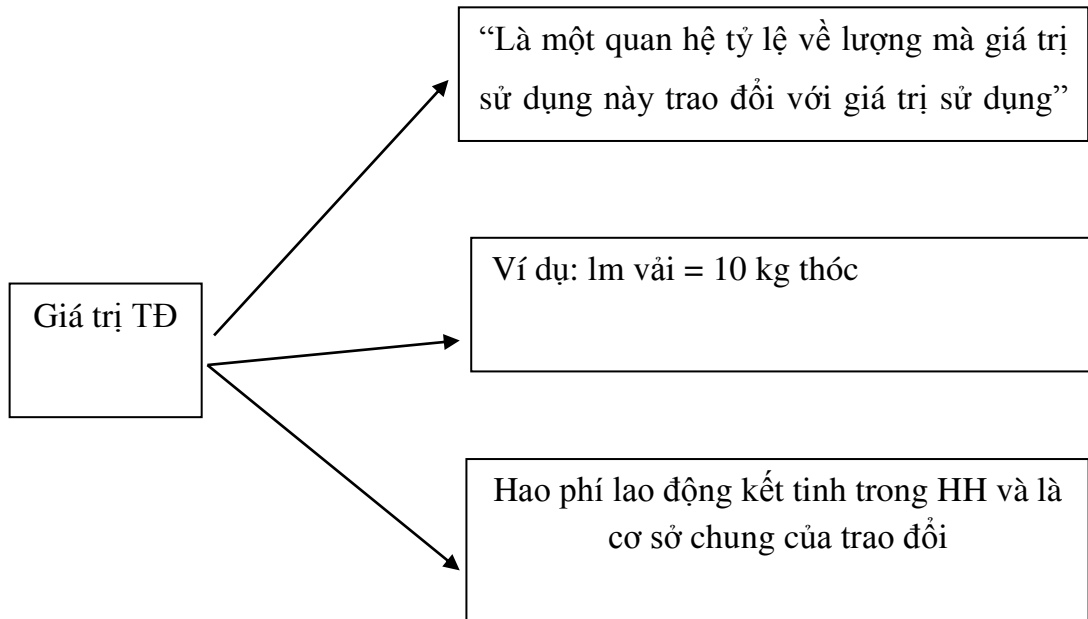
Hàng hoá có hai thuộc tính sau đây:



#### a. Giá trị sử dụng

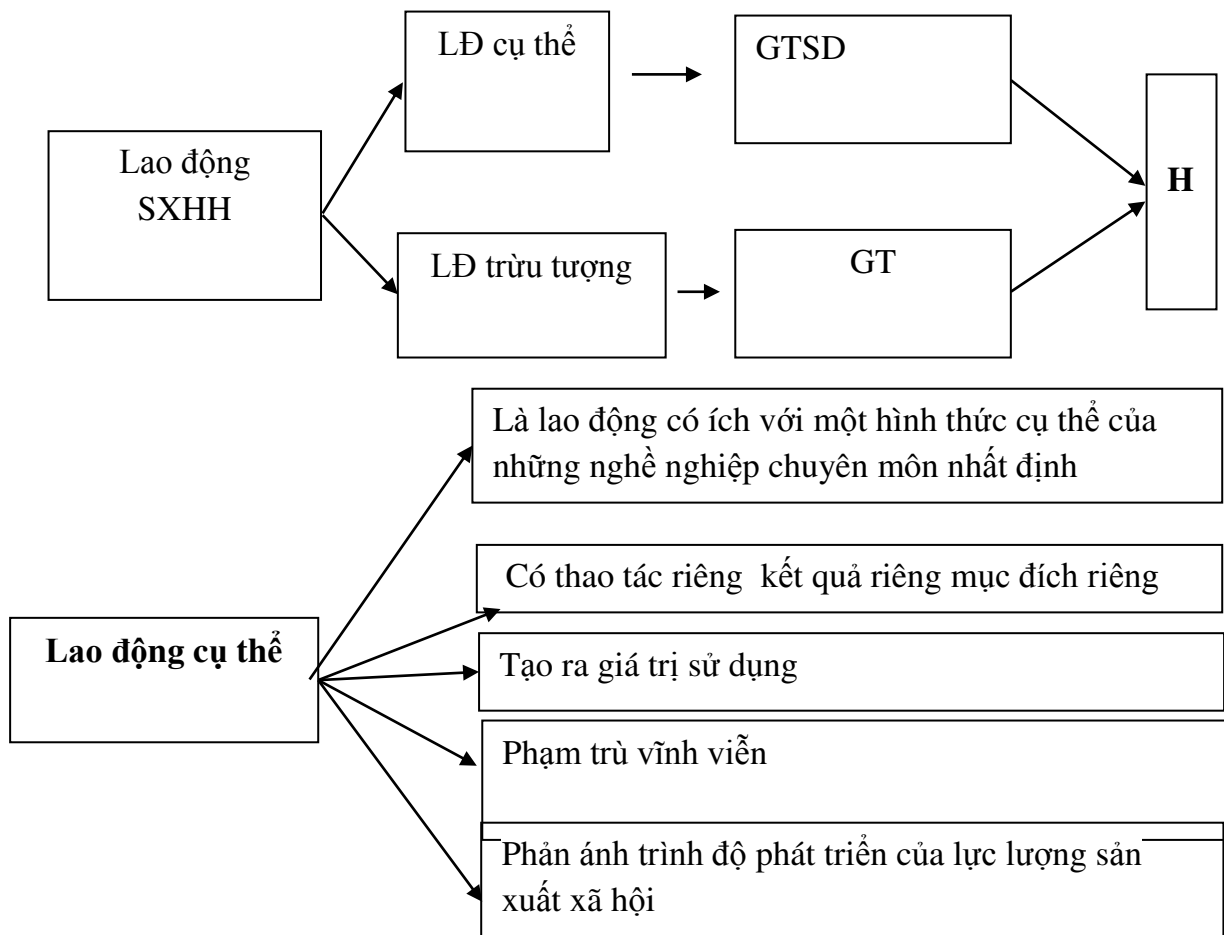


## b. Giá trị

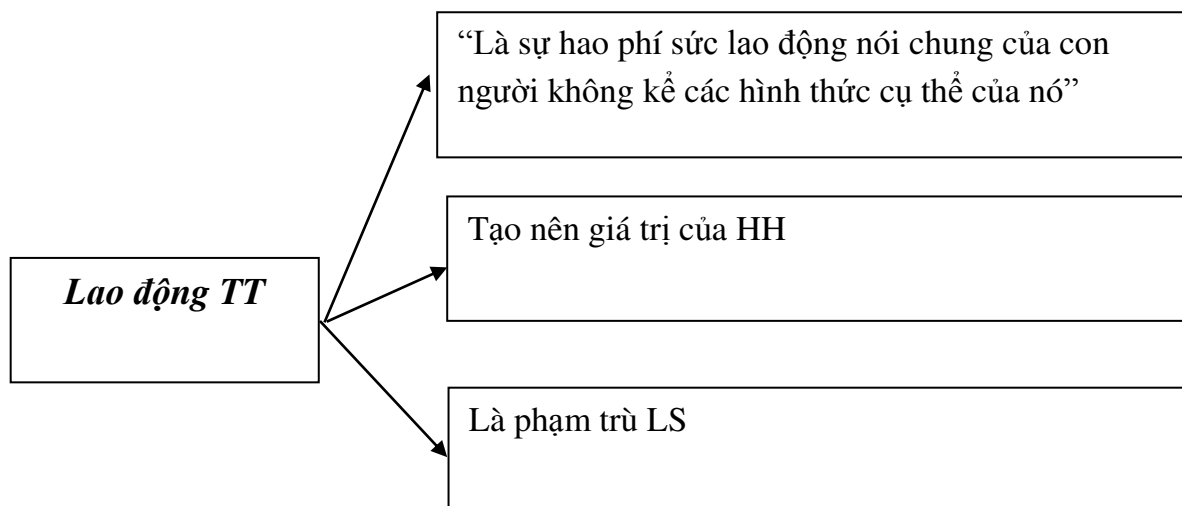


**Vậy “giá trị hàng hoá là lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá”.**

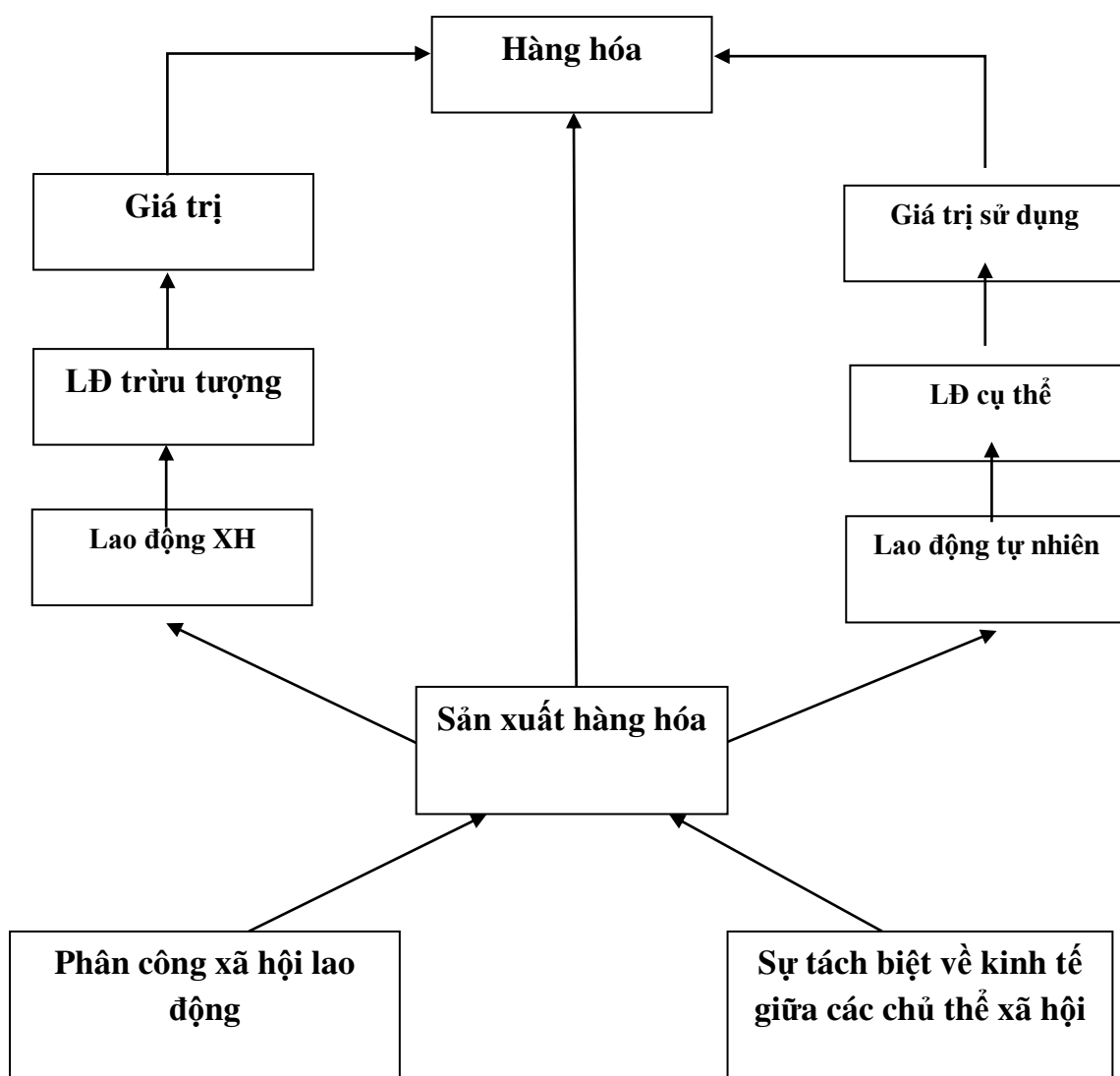
### Tính hai mặt của LĐ sản xuất hàng hoá



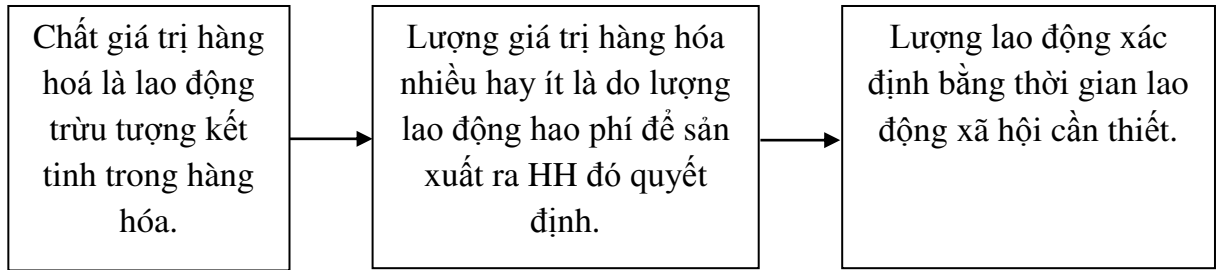




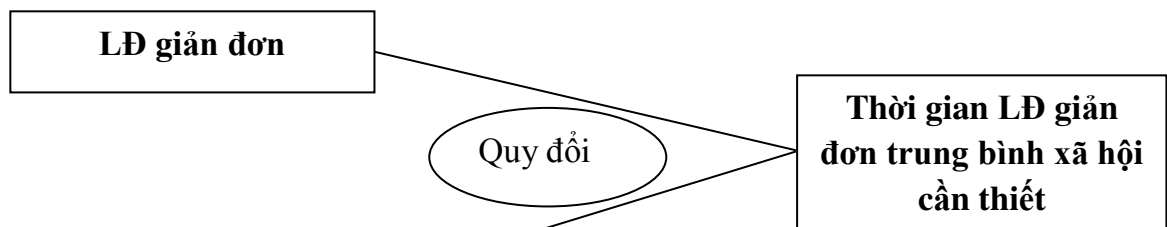
Có thể khái quát những nội dung trên theo sơ đồ sau đây:



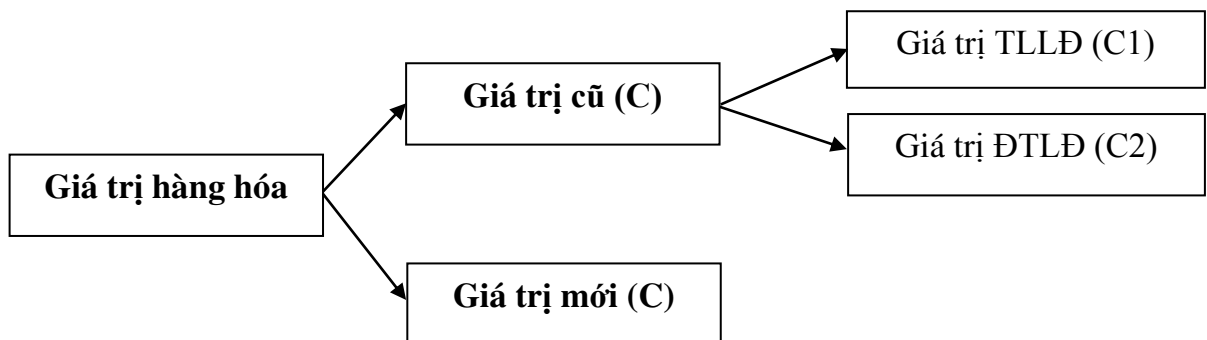
### 2.1.2.2. Lượng giá trị hàng hoá



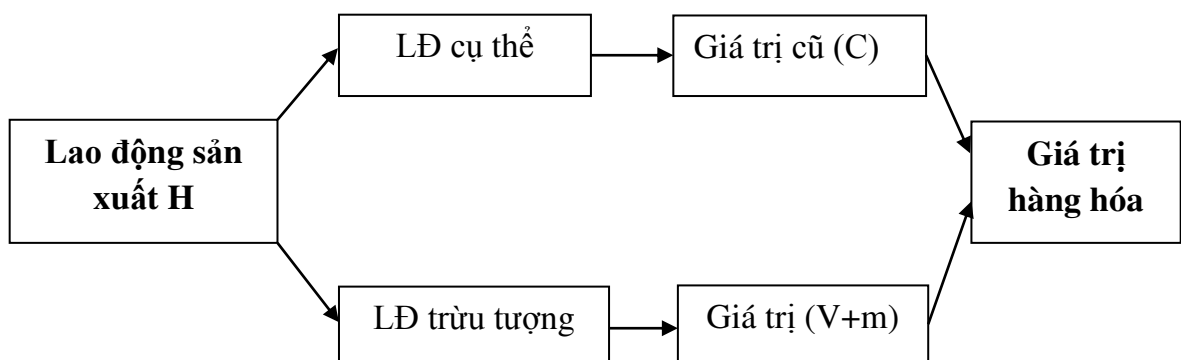
Thời gian lao động XH cần thiết là “*khoảng thời gian cần để sản xuất ra một hàng hoá trong điều kiện bình thường của xã hội, nghĩa là trong điều kiện trình độ kỹ thuật trung bình, trình độ khéo léo trung bình và cường độ lao động trung bình*”.



#### Cơ cấu của lượng giá trị HH

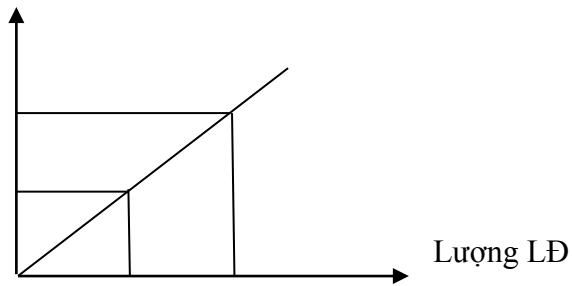


Sự hình thành từng bộ phận giá trị được phản ánh như sau:

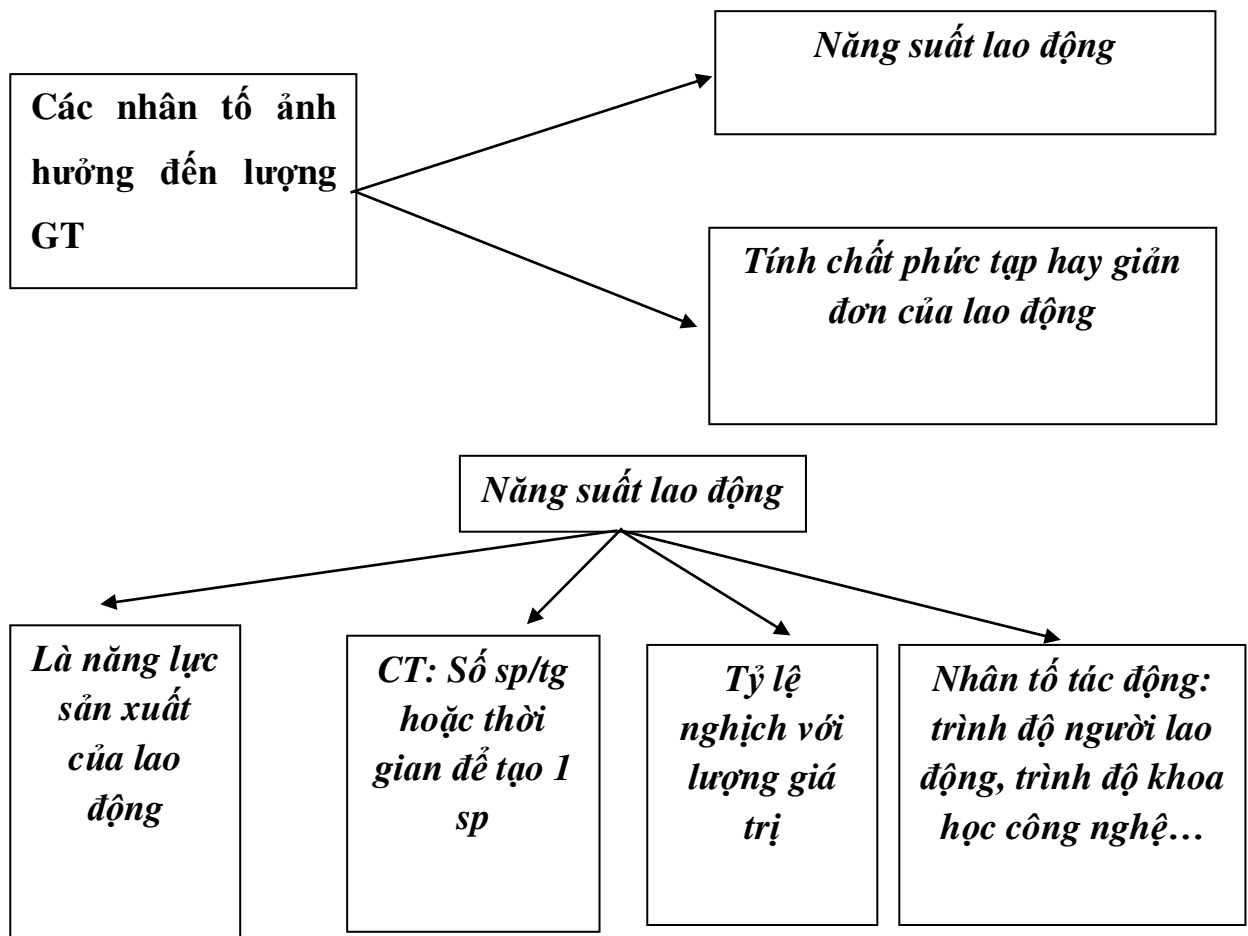


#### Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị

## LƯỢNG GIÁ TRỊ

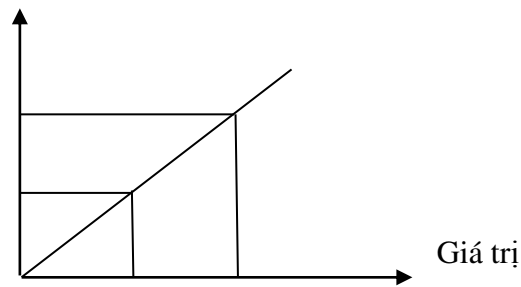


Lượng giá trị hàng hoá luôn luôn vận động. Sự vận động của nó phụ thuộc vào các nhân tố sau đây:



**Hai là: Tính chất phức tạp hay giản đơn của lao động**

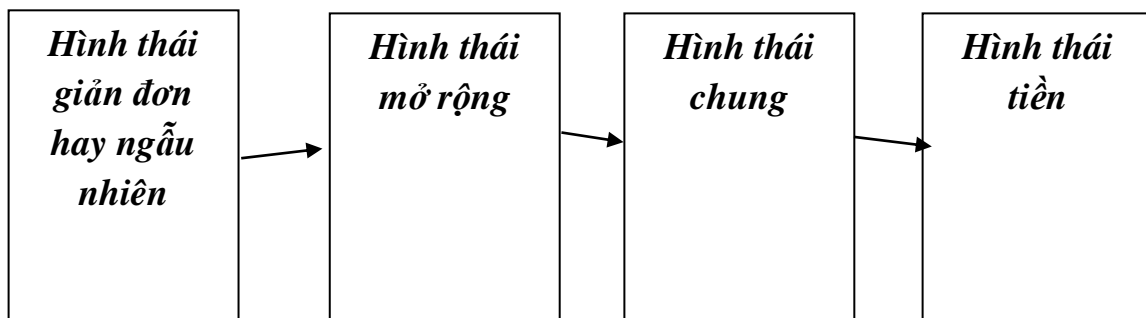
LDPT/LDGD



### 2.1.3. Tiền

#### Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ

Tiền tệ ra đời là kết quả lâu dài và tất yếu của quá trình sản xuất và trao đổi hàng hoá. Ứng với mỗi giai đoạn của sản xuất và trao đổi hàng hoá có một hình thái giá trị. Lịch sử ra đời của tiền tệ gắn liền với lịch sử phát triển của các hình thái giá trị. Hình thái giá trị cuối cùng là hình thái tiền tệ.

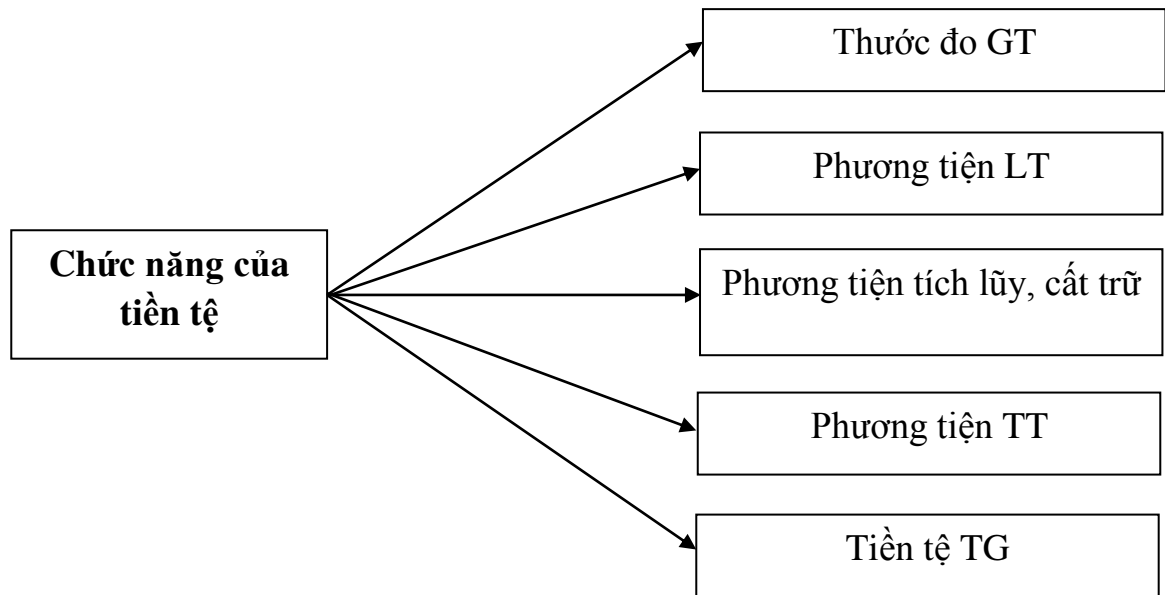


*“Tiền tệ là một hàng hóa đặc biệt, là kết quả của quá trình phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hóa, tiền xuất hiện là yếu tố ngang giá chung cho thế giới hàng hóa, là hình thái biểu hiện giá trị của hàng hóa và phản ánh lao động xã hội và mối quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa”*

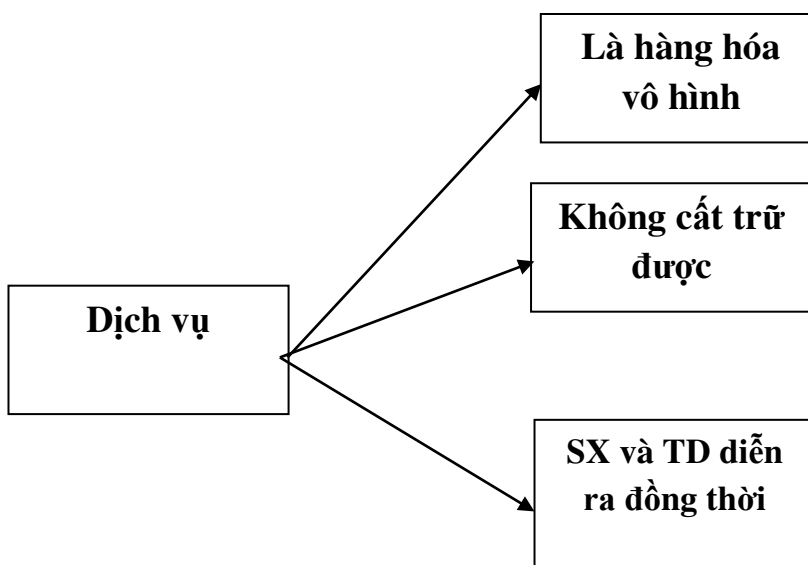
#### Chức năng của tiền tệ và quy luật lưu thông tiền tệ

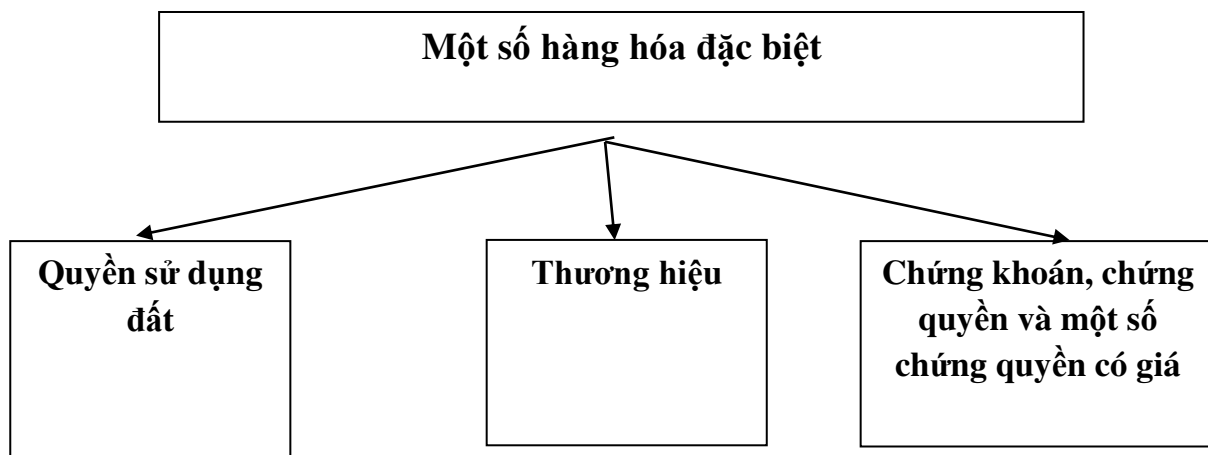
##### *Chức năng của tiền tệ*

Để hiểu rõ hơn bản chất của tiền tệ cần phải nghiên cứu các chức năng của nó. Tiền tệ có 5 chức năng sau đây:



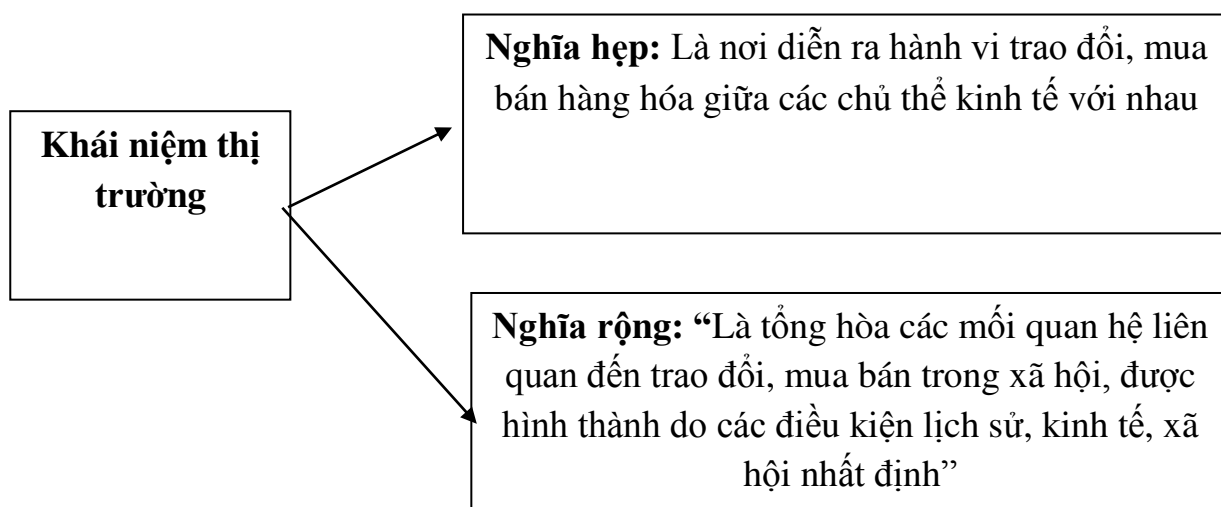
#### 2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt

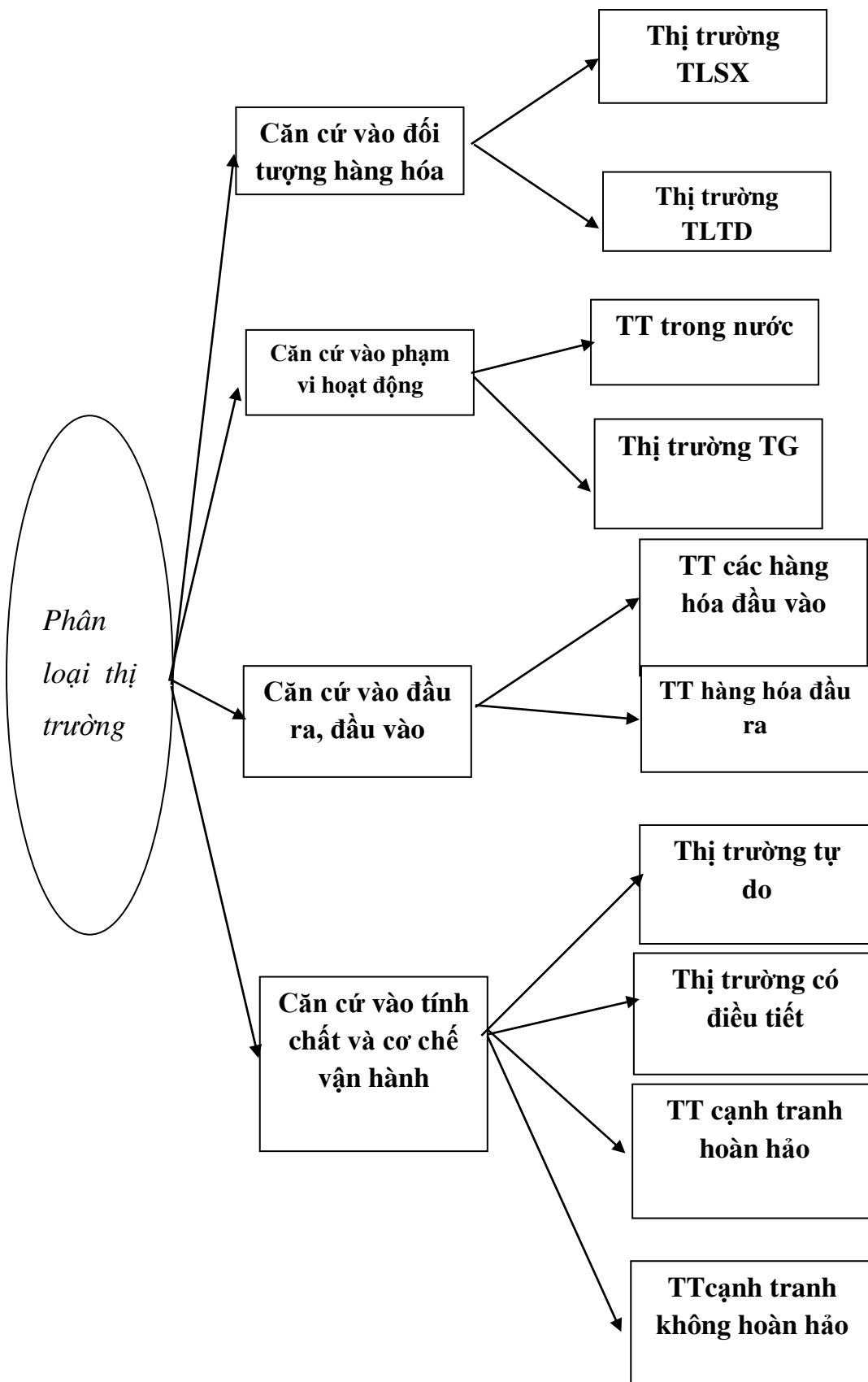




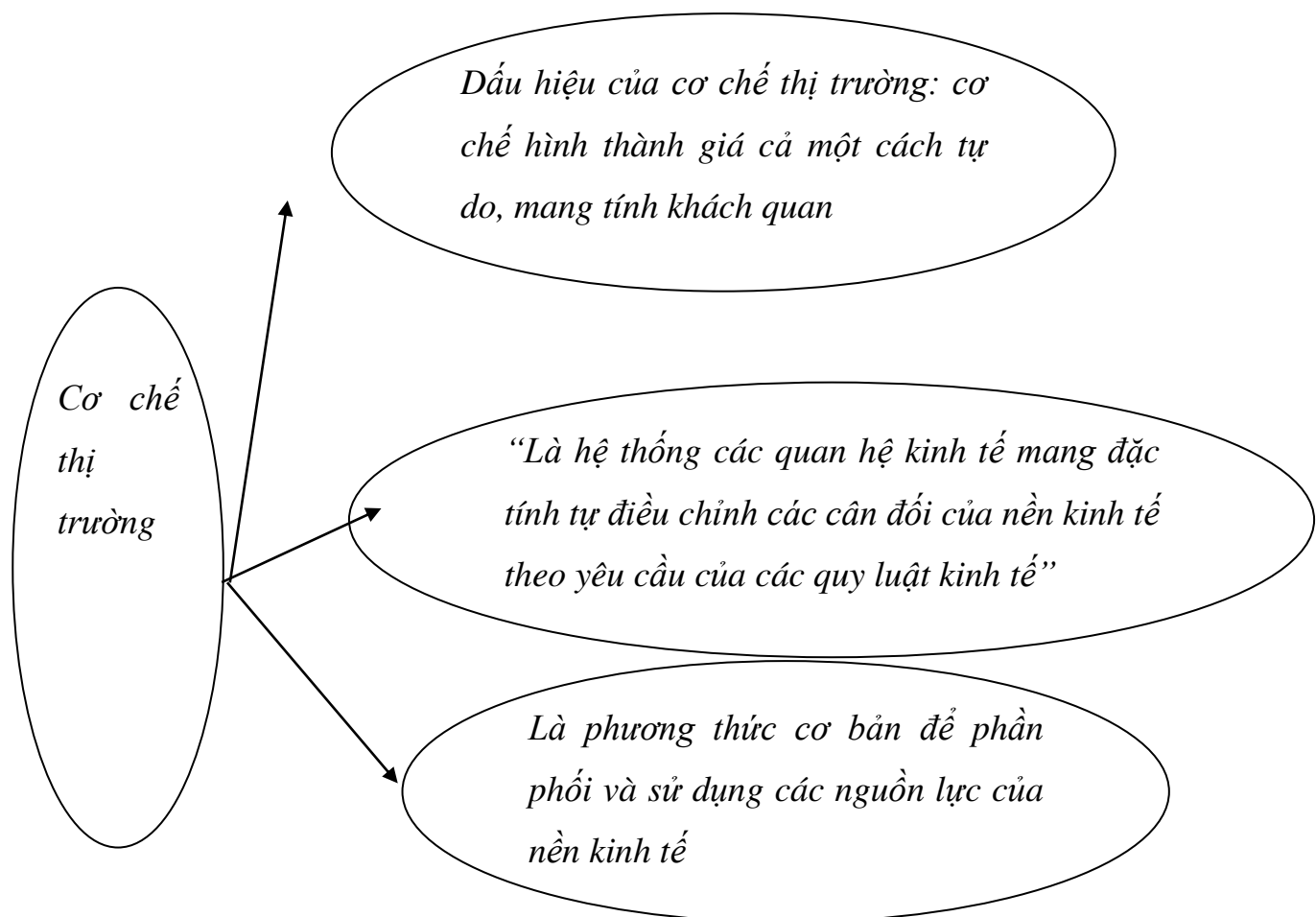
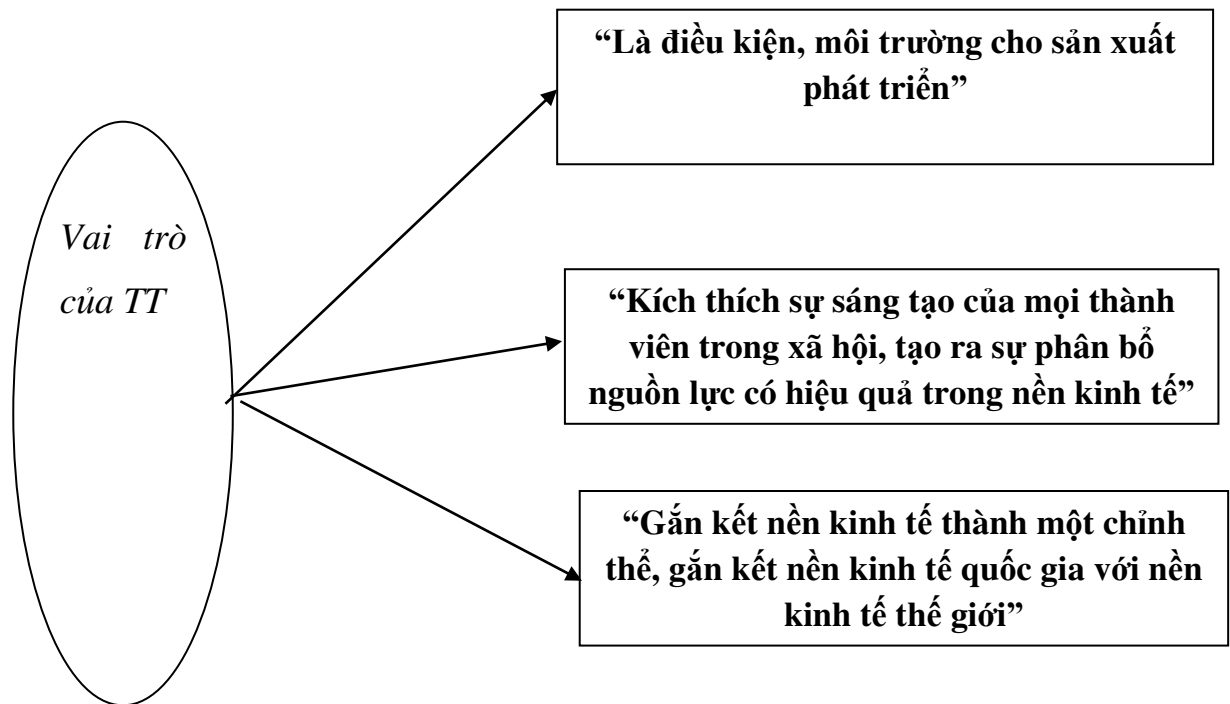
## 2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

### 2.2.1. Thị trường

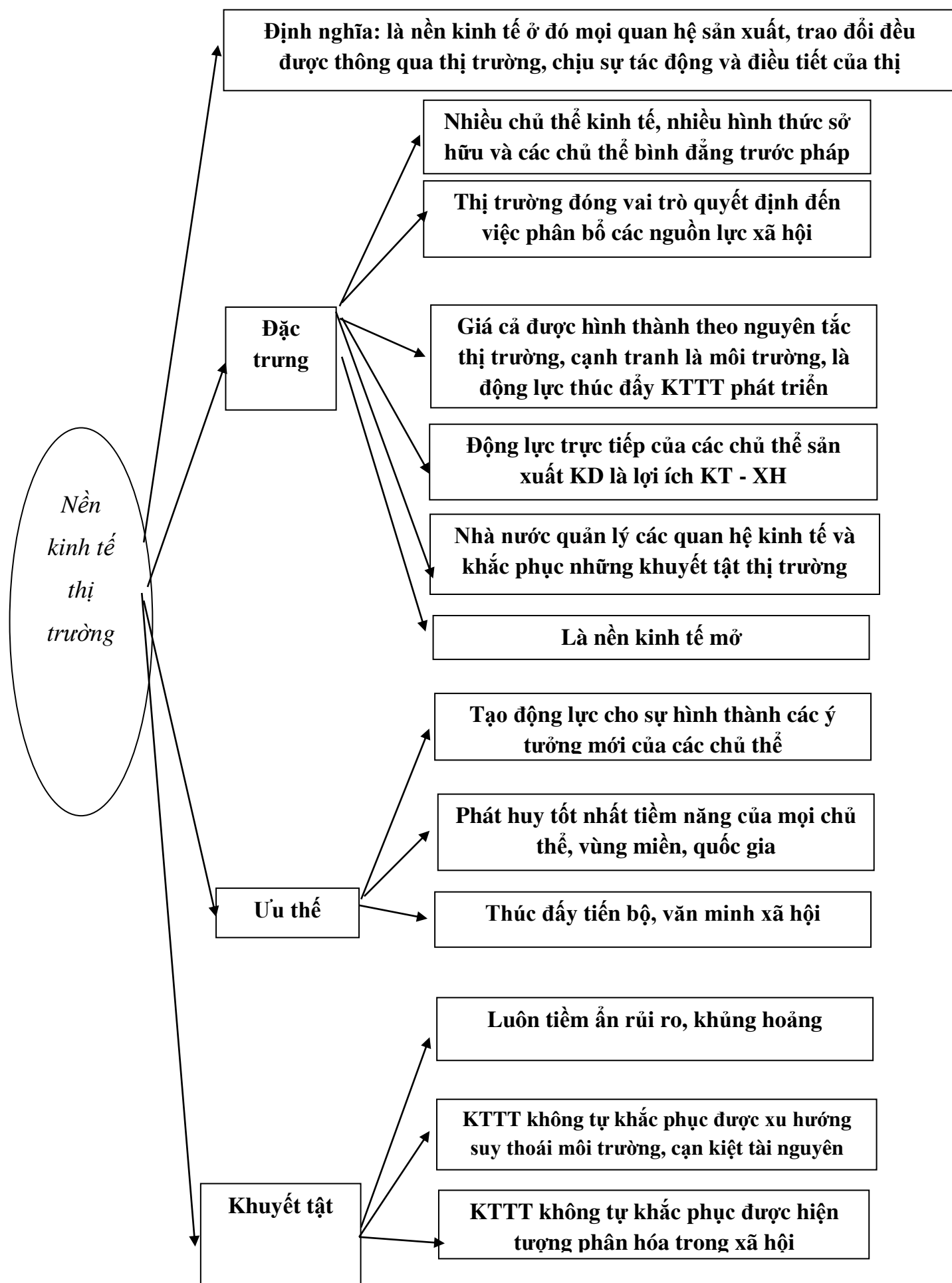




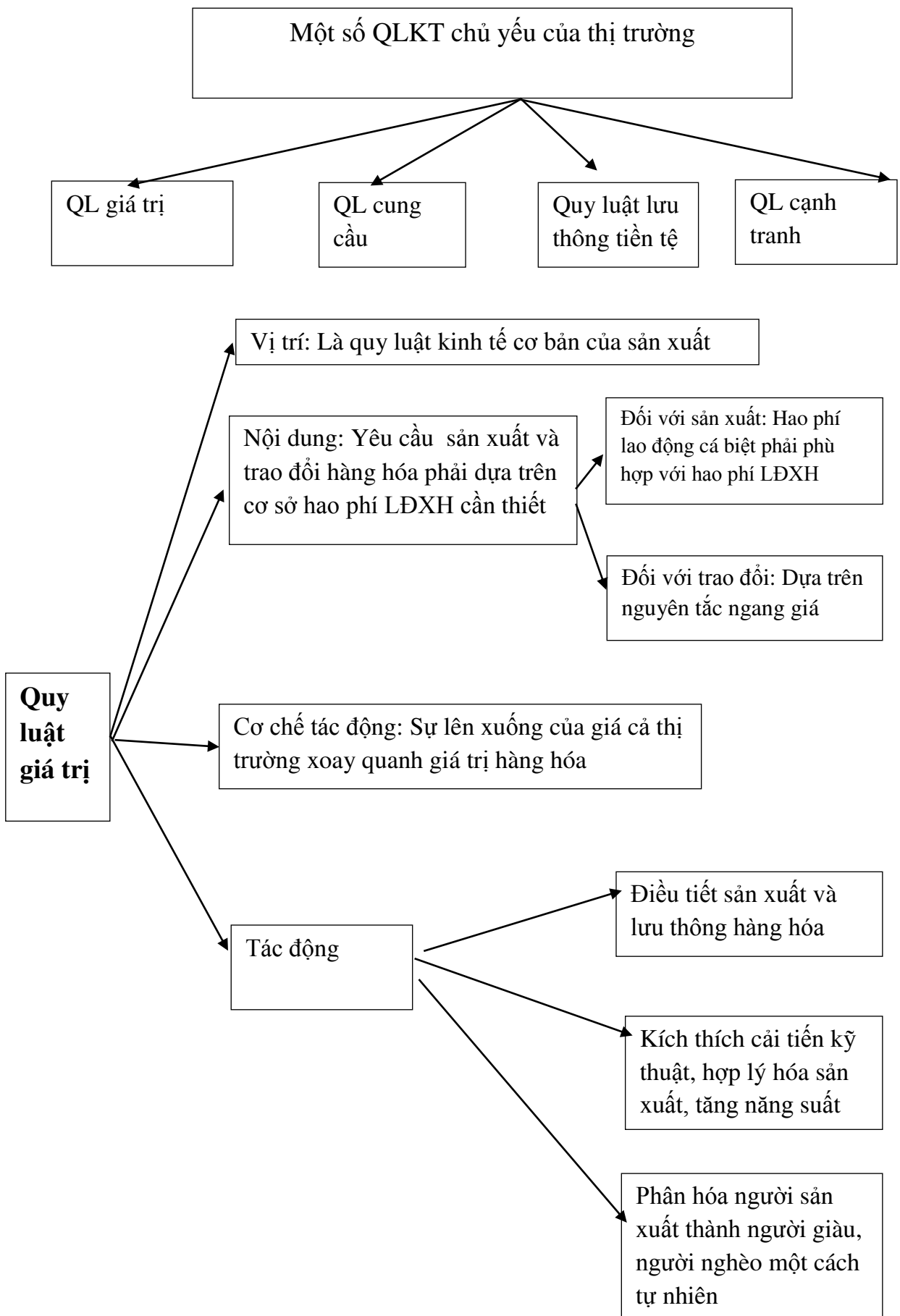
## Vai trò của thị trường

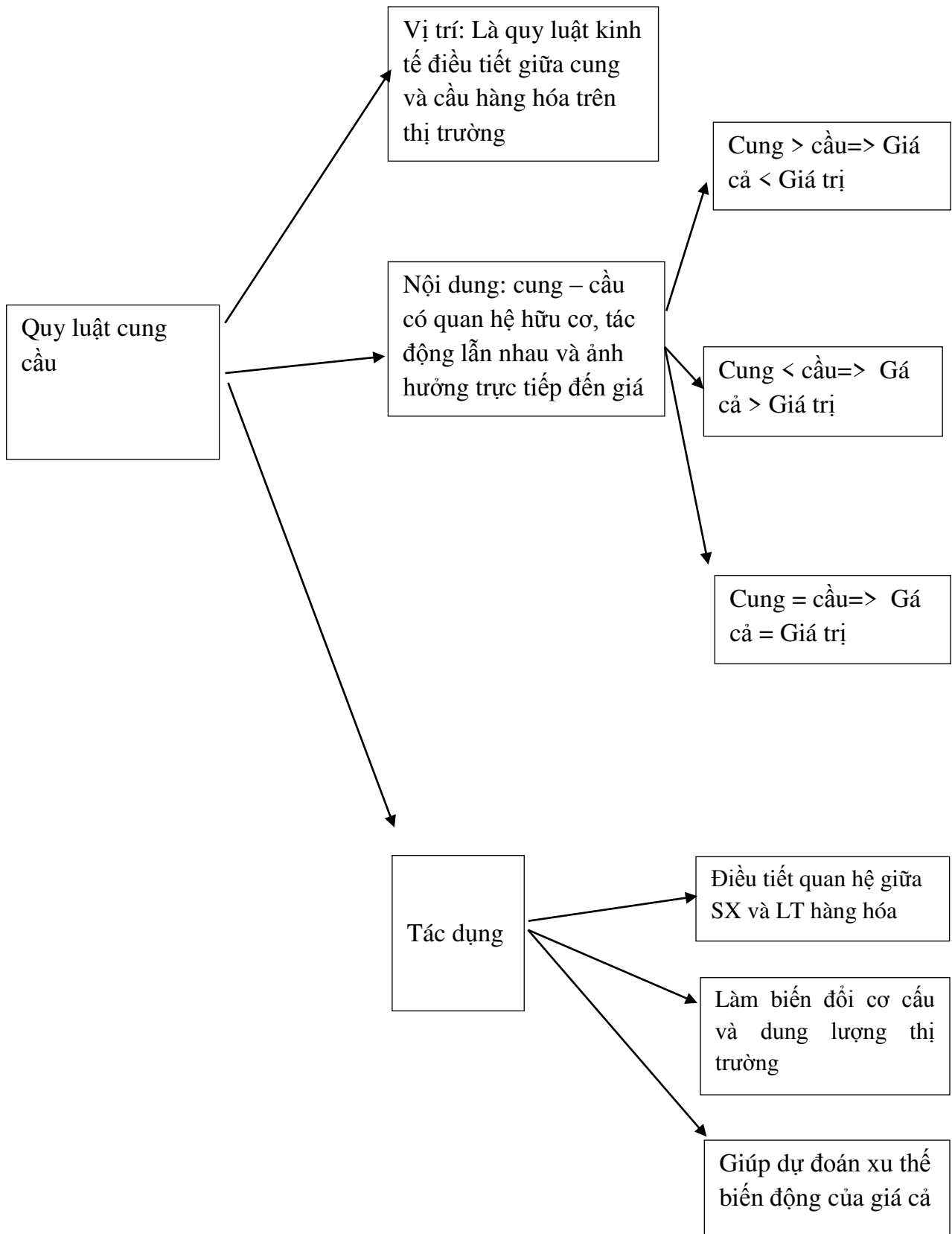


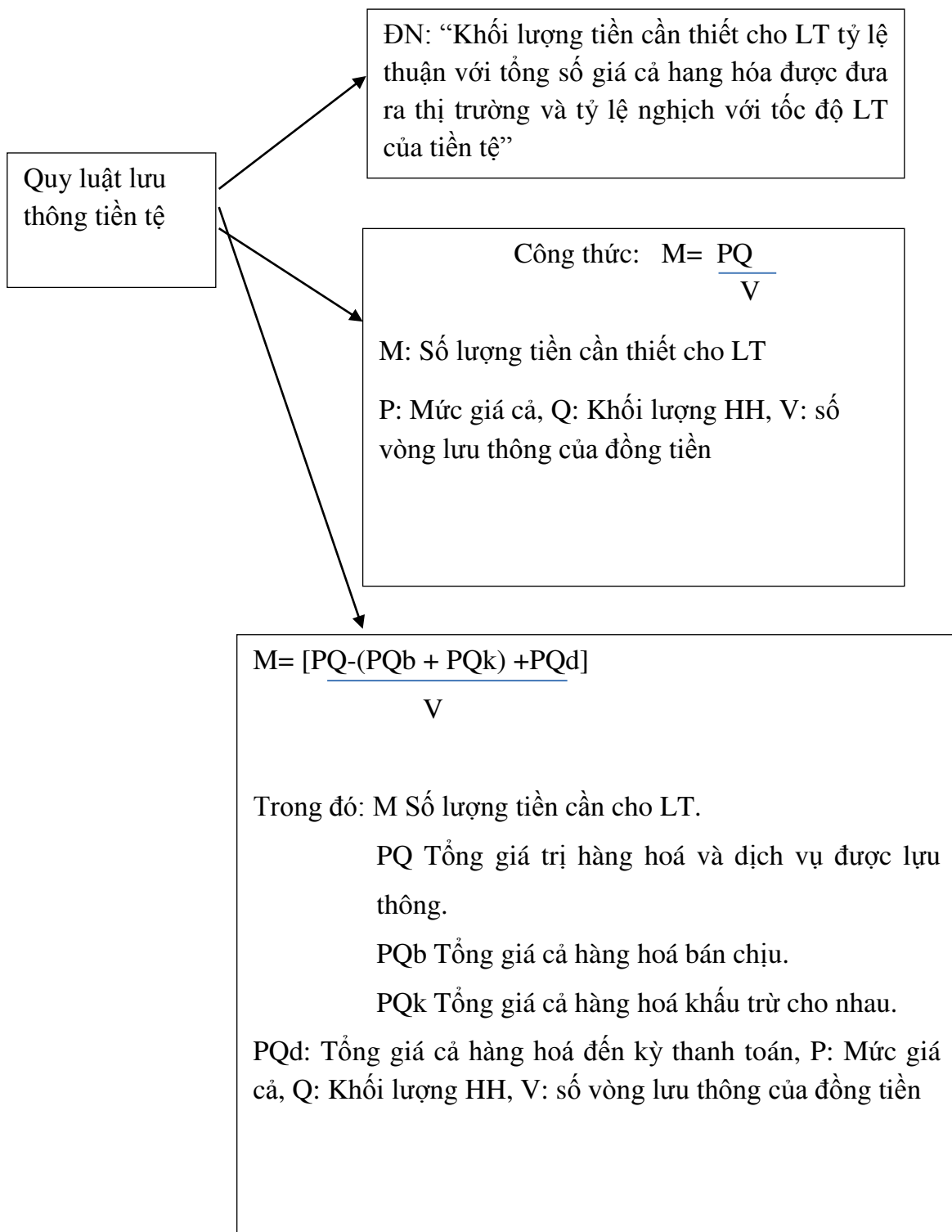


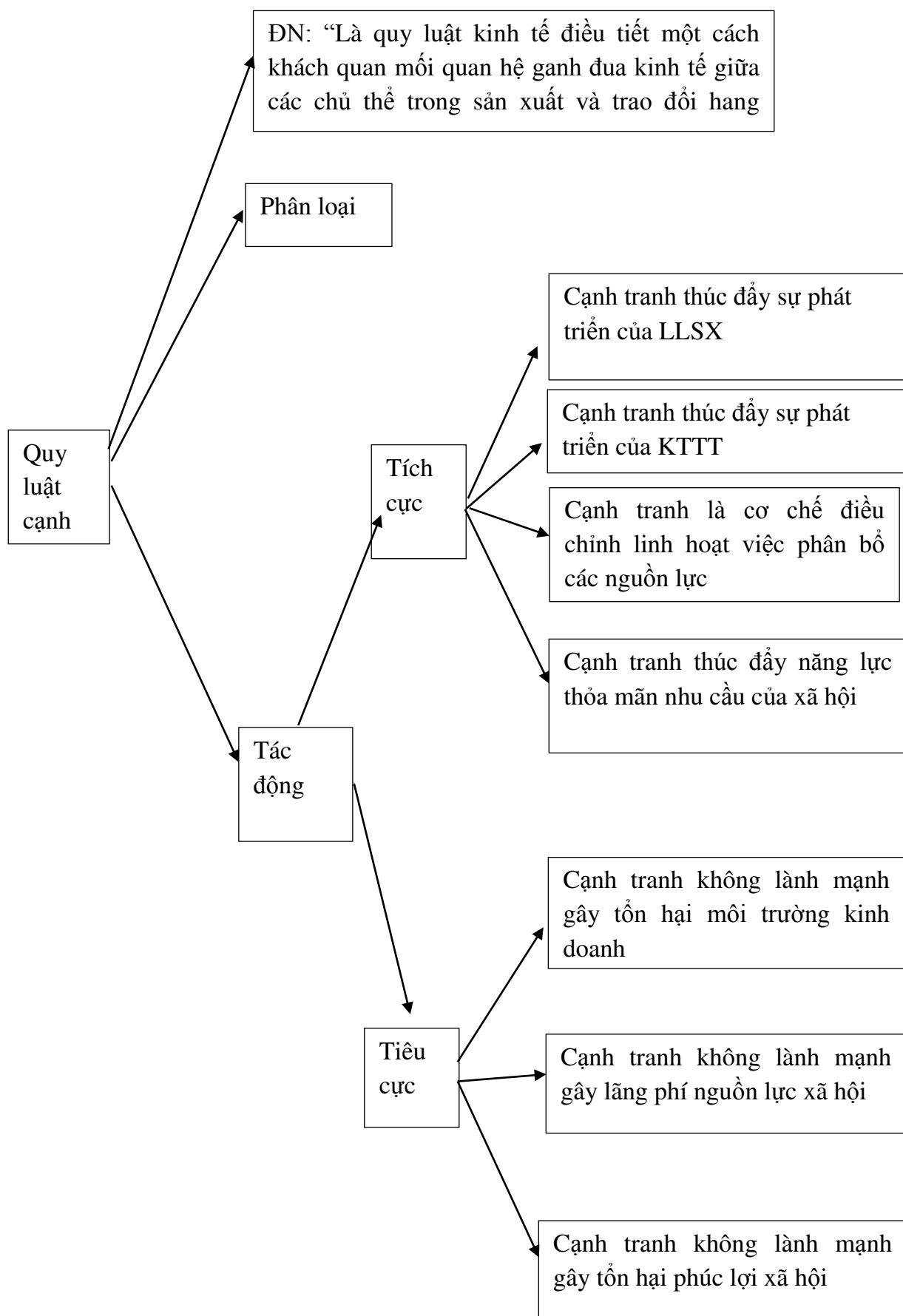


### 2.2.1.3. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường

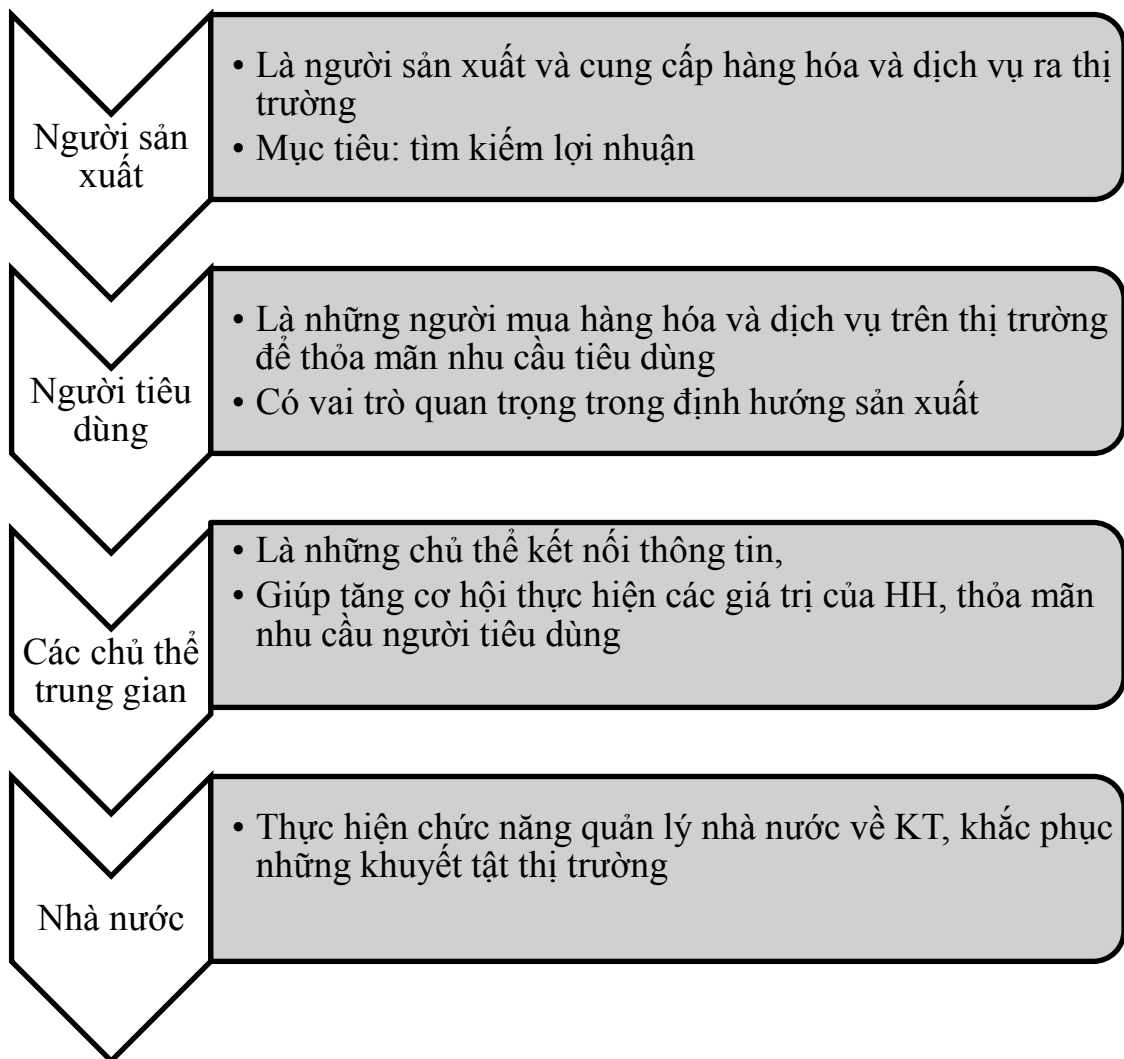








### 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường



### CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày 2 điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa?
2. Hàng hóa là gì? Trình bày 2 thuộc tính của hàng hóa?
3. Phân tích mặt lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến nó.
4. Bản chất của tiền tệ là gì? Phân tích các chức năng của tiền tệ.
5. Phân tích các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường.
6. Nêu vai trò của các chủ thể tham gia vào thị trường.

### Chương 3:

## **GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

### **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

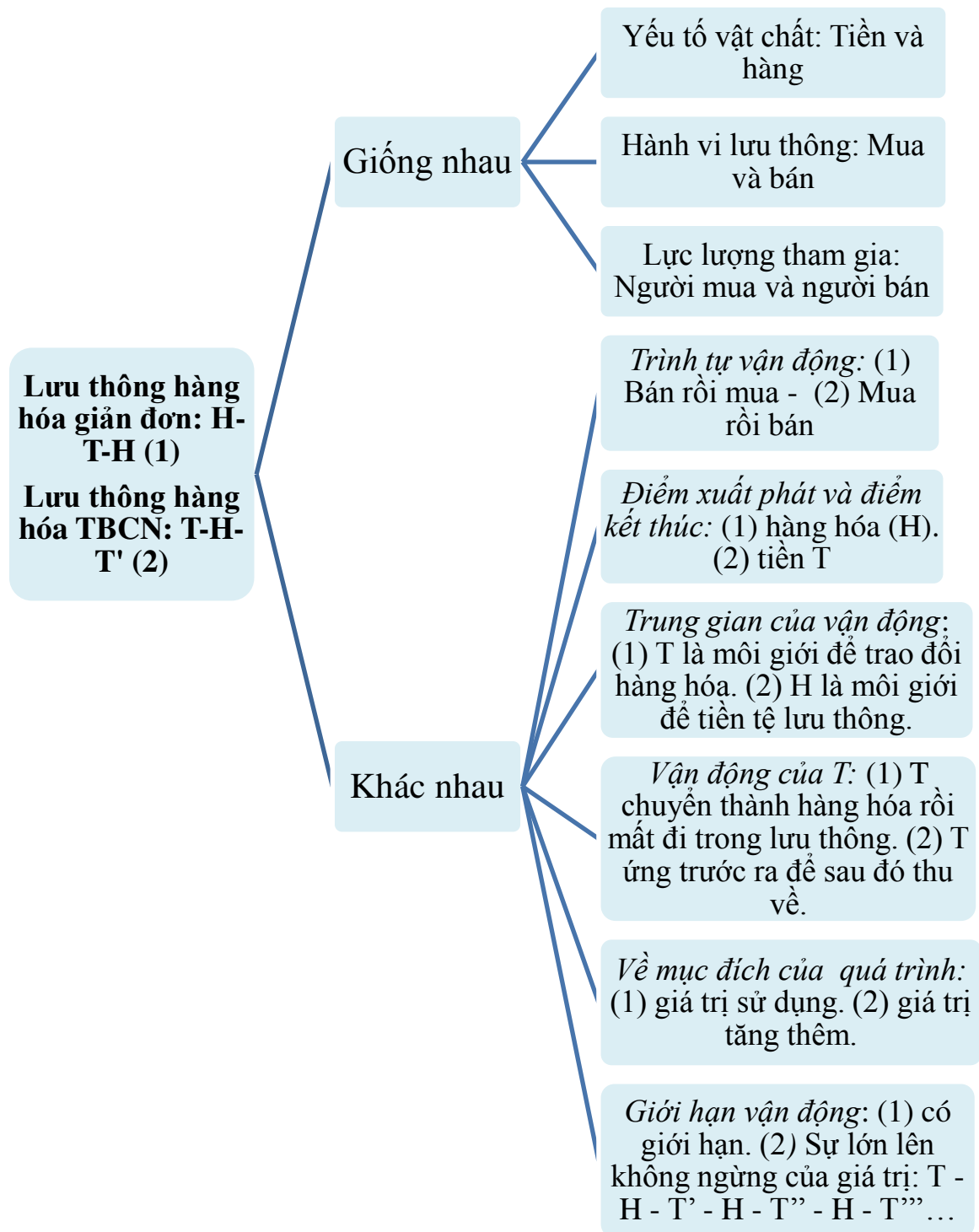
<b>Mục đích</b>	<b>Yêu cầu</b>
<p>- Trang bị hệ thống tri thức lý luận về sản xuất ra GTTD của C.Mác trong điều kiện nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh TBCN, hình thái đầu tiên của kinh tế thị trường trong lịch sử phát triển kinh tế của nhân loại, và các quan hệ lợi ích cơ bản nhất thông qua phân phối giá trị mới được tạo ra giữa các chủ thể cơ bản của nền kinh tế thị trường TBCN.</p> <p>- Phân tích và bổ sung làm rõ hơn quan hệ lợi ích trong nền KTTT, từ đó người học hình thành các kỹ năng nhận biết và có thể trực tiếp tham gia các hoạt động đa dạng trong xã hội hiện đại ngày nay.</p>	<p>- Nắm được lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư.</p> <p>- Nắm được vấn đề tích lũy tư bản.</p> <p>- Nắm được vấn đề phân phối giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh TBCN.</p>

### **3.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ**

#### **3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư**

*\* Công thức chung của tư bản*

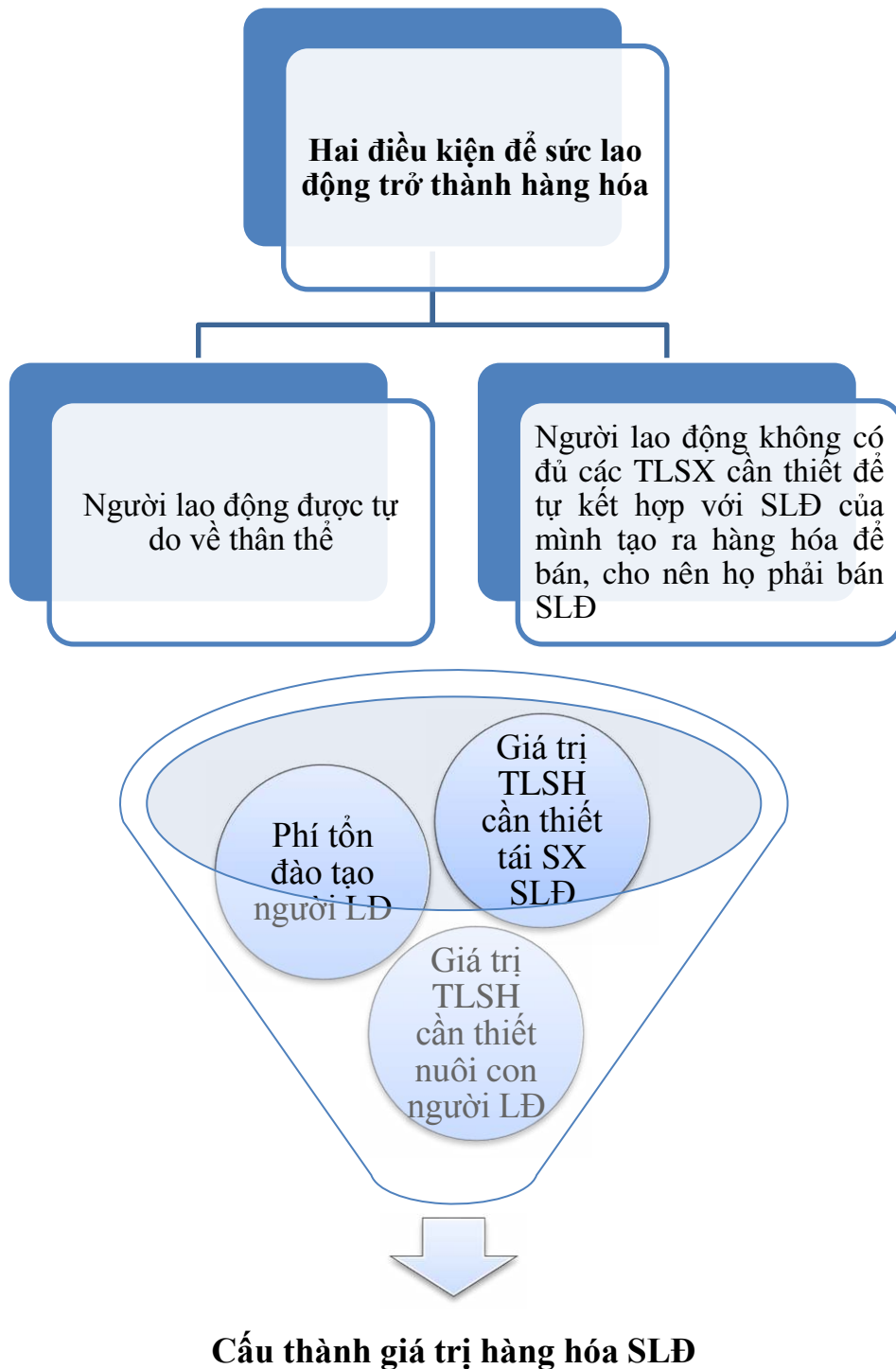
$$T - H - T' \quad (T' = T + \Delta t)$$



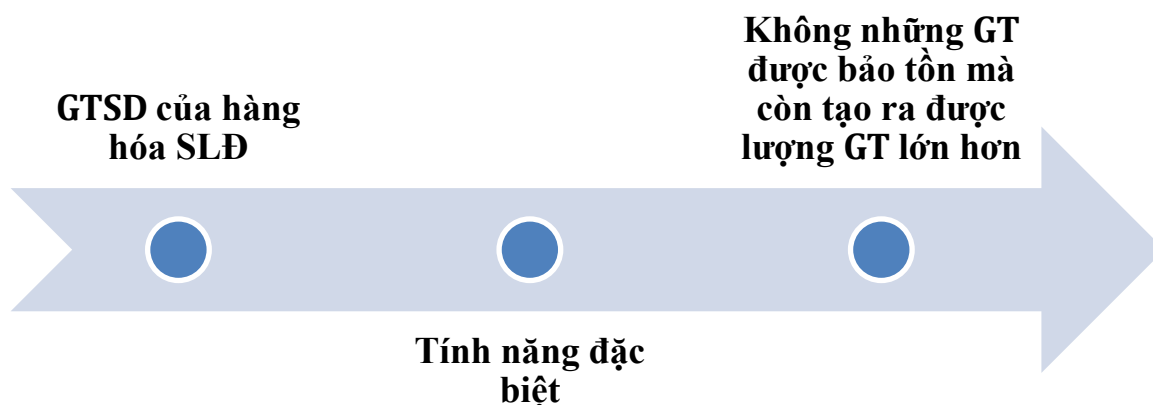


**\* Hàng hóa sức lao động**

C. Mác viết: “Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó”<sup>2</sup>.



<sup>2</sup> C.Mác - Ph.Ăngghen: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, T23, tr. 251.



### **\* Sự sản xuất GTTD**

#### **Quá trình sản xuất GTTD**

Ví dụ về nhà TB sản xuất sợi :

Để tiến hành sản xuất nhà tư bản phải ứng ra số tiền là 30USD để mua 30kg bông, hao mòn máy móc kéo 30kg bông thành sợi là 3USD, mua SLĐ để sử dụng trong 1 ngày làm việc (8 giờ) là 10USD. Như vậy, nhà tư bản đã ứng ra 43USD.

Giả sử trong 4 giờ công nhân bằng lao động của mình đã biến 30kg bông thành sợi qua đó giá trị của bông (30USD) và hao mòn máy móc (3USD) chuyển vào giá trị của sợi; bằng lao động trừu tượng tạo ra 10USD. Do đó, giá trị của 30kg sợi là 43USD.

Nếu nhà tư bản dừng sản xuất ở điểm này nhà TB không có được GTTD vì ứng ra 43USD bán sợi đúng giá trị được 43USD.

Nhưng nhà tư bản mua sức lao động sử dụng trong 8 giờ chứ không phải 4 giờ. Nhà tư bản tiếp tục sản xuất, công nhân phải làm việc 4 giờ nữa, cũng như 4 giờ đầu công nhân tạo ra được 30kg sợi có giá trị 43USD nhưng nhà tư bản chỉ phải ứng ra 30USD mua bông và 3USD hao mòn máy móc.

Kết thúc ngày LĐ công nhân tạo ra 60kg sợi có tổng giá trị 43USD + 43USD = 86USD, Nhà tư bản ứng ra 60USD + 6USD + 10USD = 76USD. Nhà tư bản đã thu được GTTD là 86USD – 76USD = 10USD

C.Mác: “*Giá trị thặng dư là bộ phận mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người bán sức lao động (người lao động làm thuê) tạo ra và thuộc về nhà tư bản (người mua hàng hóa sức lao động)*”<sup>3</sup>.

**TB là giá trị đem lại GTTD**

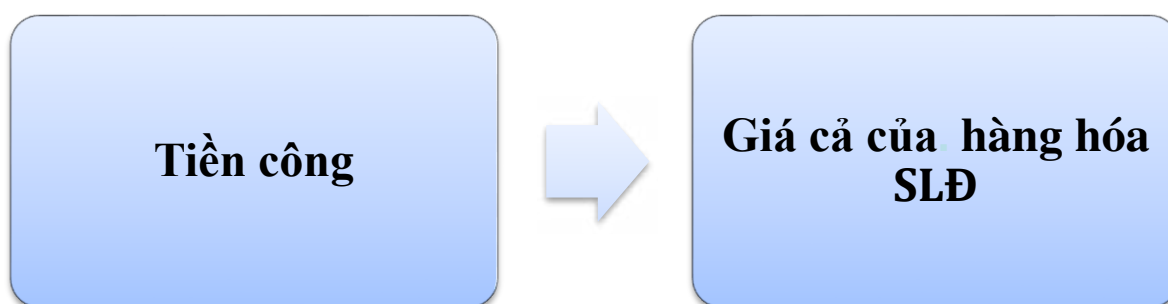
**\* Tư bản bất biến và tư bản khả biến**

	<b>Tư bản bất biến</b>	<b>Tư bản khả biến</b>
<b><i>Định nghĩa</i></b>	Bộ phận tư bản biến thành TLSX.	Là bộ phận tư bản biến thành sức lao động không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân làm thuê mà tăng lên, tức là biến đổi về lượng.
<b><i>Ký hiệu</i></b>	<b>C</b> Về mặt hiện vật, TBBB gồm: máy móc, thiết bị, nhà xưởng (C1); nguyên, nhiên vật liệu... (C2)	<b>V</b> TBKB là phần tư bản dùng để thuê người lao động làm việc trong khoảng thời gian nhất định. TBKB tồn tại dưới hình thức tiền lương.
<b><i>Đặc điểm</i></b>	GT được lao động của công nhân bảo tồn và chuyển dịch nguyên vẹn vào GTSP. Trong đó, C1 chuyển giá trị nhiều lần,	Sử dụng TBKB sẽ tạo ra một GT mới lớn hơn giá trị của chính TBKB bỏ ra ban đầu. Lượng GT đó được chia thành hai bộ phận:

<sup>3</sup> C.Mác - Ph.Ăngghen: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, T23

	C2 chuyển giá trị một lần. Giá trị sử dụng của TLSX được bảo tồn dưới hình thức GTSD mới.	một bộ phận chuyển thành tư liệu sinh hoạt của người công nhân, bù lại GT SLĐ của người công nhân và mất đi trong quá trình tiêu dùng của họ; bộ phận còn lại chính là GTTD thuộc về nhà TB.
--	--	--

**\* Tiền công**



**\* Tuần hoàn của TB**

<i>Định nghĩa:</i> Tuần hoàn của tư bản là sự vận động của tư bản trải qua ba giai đoạn, tồn tại dưới ba hình thái, thực hiện ba chức năng và quay về hình thái ban đầu có mang theo GTTD.	<i>Mô hình của tuần hoàn tư bản:</i> $T - H \begin{cases} \text{SLĐ} \\ \text{TLSX} \end{cases} \dots SX \dots H' - T'$
--	--

**\* Chu chuyển của TB**

<i>Định nghĩa:</i> Chu chuyển TB là tuần hoàn TB được xét là quá trình định kỳ, thường xuyên lặp lại và đổi mới theo thời gian.	Nếu ký hiệu Số vòng chu chuyển là n, thời gian của 1 năm là CH, thời gian chu chuyển là ch thì tốc độ chu chuyển tư bản là : $n = \frac{CH}{ch}$
---	---

Xét theo GT của TB sản xuất vào giá trị SP

TB cố định

*Bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái TLLĐ tham gia toàn bộ vào quá trình SX nhưng giá trị của nó chỉ chuyển dần, từng phần vào giá trị SP theo mức độ hao mòn.*

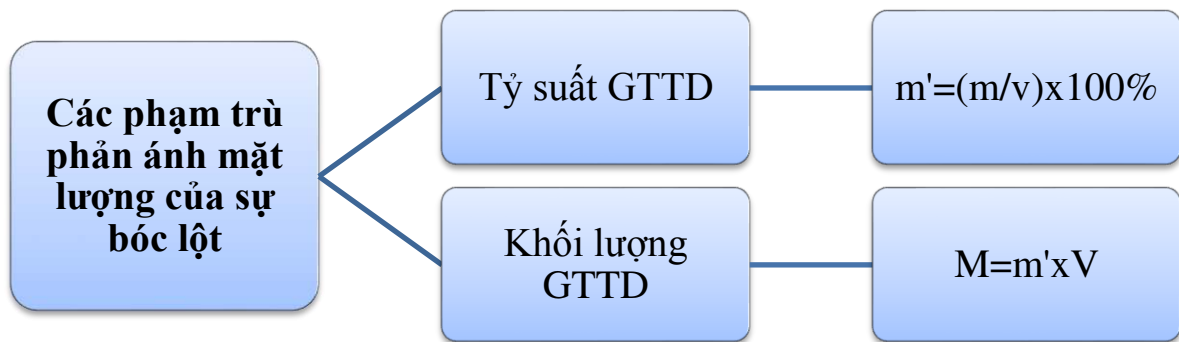
TB lưu động

*Bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới hình thái SLĐ, nguyên nhiên vật liệu, vật liệu phụ, GT của nó được chuyển ngay một lần và toàn bộ vào giá trị SP khi kết thúc từng quá trình SX.*

### 3.1.2. Bản chất của GTTD

GTTD trong nền  
KTTT TBCN  
mang bản chất kinh  
tế - xã hội là quan  
hệ giai cấp

Bản  
chất của  
GTTD

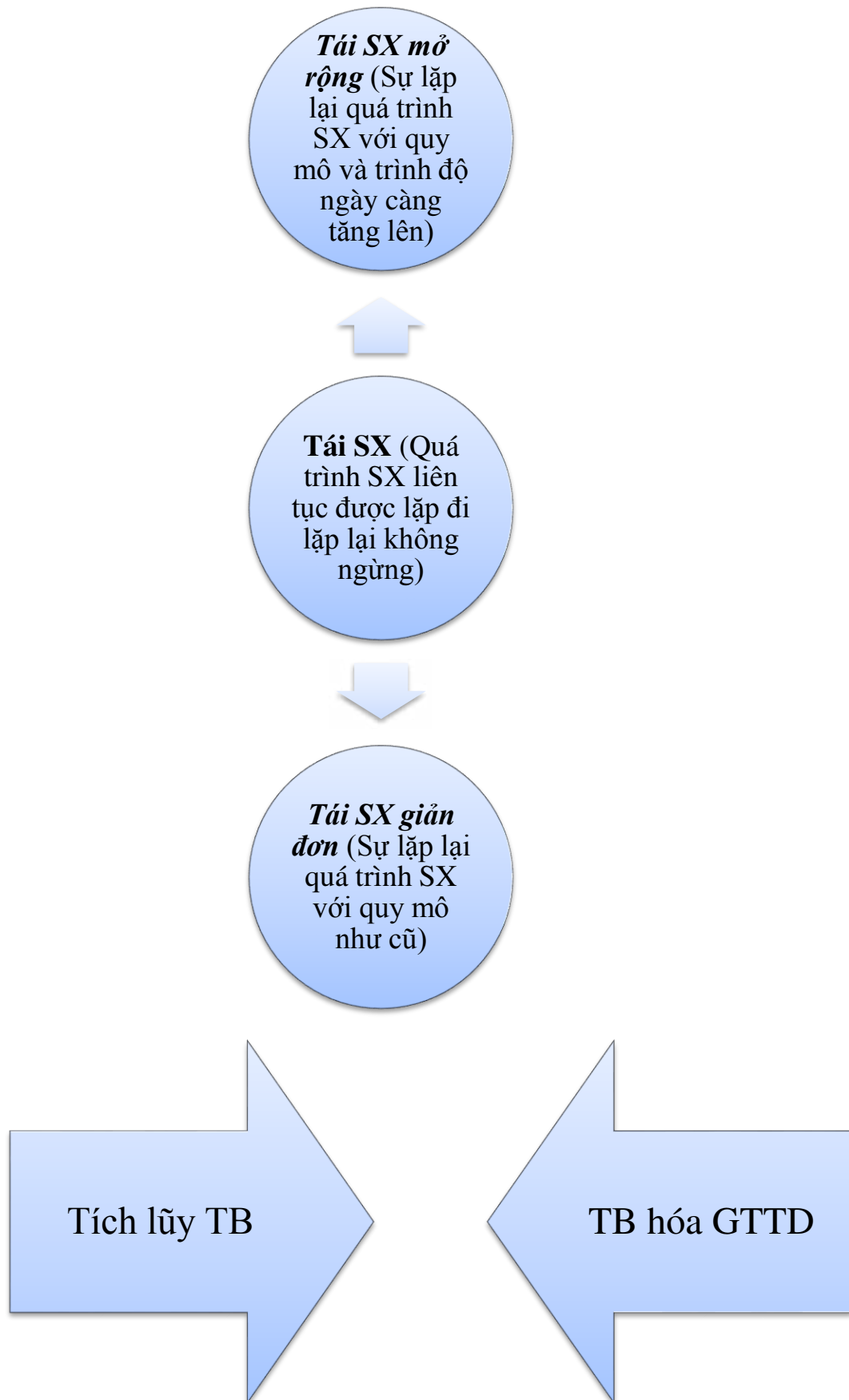


### 3.1.3. Các phương pháp sản xuất GTTD trong nền kinh tế thị trườngTBCN

SX GTTD tuyệt đối	SX GTTD tương đối
<ul style="list-style-type: none"> <li>• GTTD tuyệt đối là GTTD thu được do kéo dài ngày lao động vượt quá TGLĐ tất yếu, trong khi NSLĐ, giá trị SLĐ và TGLĐ tất yếu không thay đổi.</li> <li>• Giới hạn: ngày lao động chịu giới hạn về mặt sinh lý nên không thể kéo dài bằng ngày tự nhiên, cường độ lao động không thể tăng vô hạn quá sức chịu đựng của con người -&gt; Công nhân kiên quyết đấu tranh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• GTTD tương đối là GTTD thu được nhờ rút ngắn TGLĐ tất yếu, do đó kéo dài TGLĐ thặng dư trong khi độ dài ngày lao động không thay đổi hoặc thậm chí rút ngắn.</li> <li>• Rút ngắn TGLĐ cần thiết &lt;- hạ thấp giá trị SLĐ &lt;- giảm giá trị các TLSH và dịch vụ cần thiết để tái SX SLĐ &lt;- phải tăng NSLĐ trong các ngành SX TLSH và các ngành SX ra TLSX để chế tạo ra TLSH đó.</li> <li>• GTTD siêu ngạch (hình thức biến tướng của GTTD tương đối): phần GTTD mà một hay một vài nhà TB thu được do có giá trị cá biệt thấp hơn giá trị XH nhờ đi đầu trong cải tiến kỹ thuật, tăng NSLĐ.</li> </ul>

### 3.2. TÍCH LŨY TB

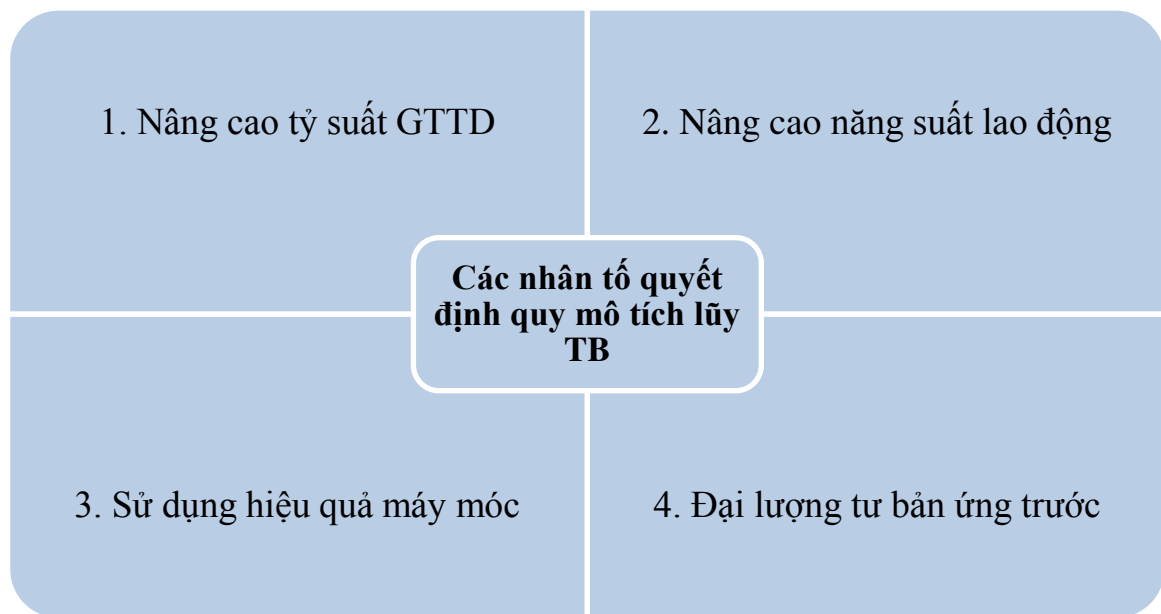
#### 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản



Bản chất của tích lũy tư bản là quá trình tái sản xuất mở rộng TBCN thông qua việc biến GTTD thành tư bản phụ thêm để tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh thông qua mua thêm hàng hóa SLD, mở mang nhà xưởng, mua thêm nguyên vật liệu, trang bị thêm máy móc thiết bị...

Thực chất, nguồn gốc duy nhất của TB tích lũy là GTTD.

### 3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy



### 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy TB



Thứ 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tích lũy TB làm tăng cấu tạo hữu cơ của TB</li> </ul>
Thứ 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tích lũy TB làm tăng tích tụ và tập trung TB</li> </ul>
Thứ 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quá trình tích lũy tư bản không ngừng làm tăng chênh lệch giữa thu nhập của nhà tư bản với thu nhập của người LĐ làm thuê cả tuyệt đối lẫn tương đối</li> </ul>

### 3.3. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

#### 3.3.1. Lợi nhuận

##### \* *Chi phí sản xuất*

(a) Giá trị hàng hóa =  $c + v + m$

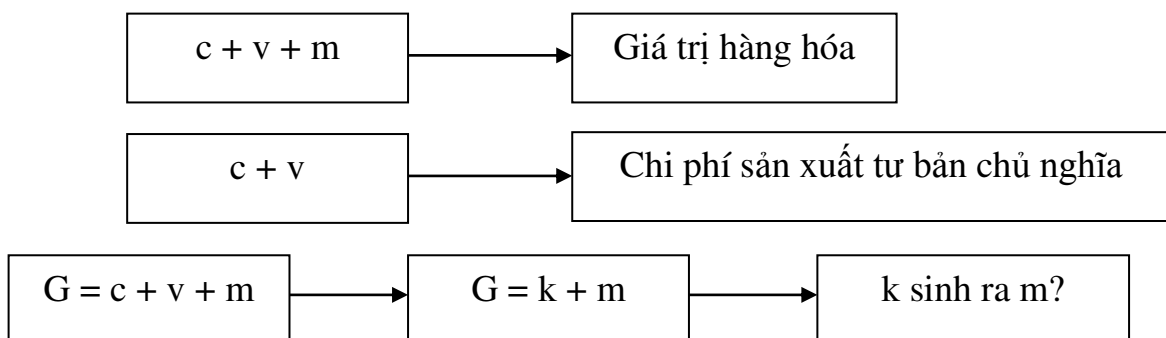
(b) Chi phí sản xuất =  $c + v = k$

So sánh (a) và (b)

- *Lượng*

$c + v + m$	>	$c + v$
Giá trị hàng hóa		k

- *Chất:*

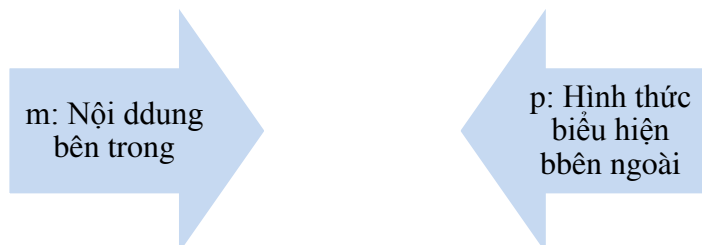


### \* **Bản chất lợi nhuận**

Lợi nhuận là GTTD khi được coi là kết quả của toàn bộ tư bản ứng trước, là phần chênh lệch giữa GT hàng hóa và chi phí sản xuất.

So sánh p và m:

+ Chất:



+ Lượng :

Tư bản cá biệt	Tư bản xã hội
Giá cả > Giá trị -> $P > m$	$\Sigma P = \Sigma m$
Giá cả < Giá trị -> $P < m$	
Giá cả = Giá trị -> $P = m$	

### \* **Tỷ suất lợi nhuận**

Tỷ suất lợi nhuận là tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận và toàn bộ giá trị của tư bản ứng trước (ký hiệu là  $p'$ ).

Công thức:  $p' = \frac{P}{C+V} \cdot 100\%$

So sánh  $m'$  và  $p'$

\* **Các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận:**

Tỷ suất GTTD

Cấu tạo hữu cơ của tư bản

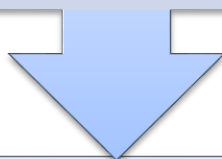
Tốc độ chu chuyển của tư bản

Tiết kiệm tư bản bất biến

*\* Lợi nhuận bình quân*

## Tỷ suất lợi nhuận bình quân

*Tỷ suất lợi nhuận bình quân là tỷ lệ phần trăm giữa tổng lợi nhuận của xã hội và tổng TB ứng trước của XH. Nó là số bình quân gia quyền của các tỷ suất lợi nhuận.*



## Lợi nhuận bình quân

*Khi hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân, các nhà tư bản đầu tư kinh doanh bất cứ ngành nào cũng đều mong muốn thu được lợi nhuận tính theo tỷ suất lợi nhuận bình quân. Lợi nhuận đó gọi là lợi nhuận bình quân.*

Tỷ suất lợi nhuận bình quân được tính như sau :

$$\bar{p}' = \frac{\sum P}{\sum (C + V)} \times 100\%$$

Lợi nhuận bình quân được tính:

$$\bar{P} = K \times \bar{p}'$$

Ngành	K (100)	M (m'=100%)	G	P'	$\bar{p}'$	$\bar{P}$	GCS X
Cơ khí	80c + 20v	20	120	20 %	30%	30	130
Dệt	70c + 30v	30	130	30%	30 %	30	130
D a	60c + 40v	40	140	40 %	30%	30	130
Tổng số	<b>210c + 90v (300)</b>	<b>90</b>	<b>390</b>			<b>90</b>	<b>390</b>

**\* Lợi nhuận thương nghiệp**

Nguồn gốc của lợi nhuận thương nghiệp chính là một phần GTTD mà nhà tư bản sản xuất trả cho nhà TB thương nghiệp do nhà TB thương nghiệp đã giúp cho việc tiêu thụ hàng hóa



Lợi nhuận thương nghiệp là phần chênh lệch giữa giá mua - giá bán song giá bán không nhất thiết phải cao hơn GT.



Lợi nhuận thương nghiệp thực chất là một phần của GTTD

**3.3.2. Lợi tức**

Đặc điểm của TB cho vay		
Quyền SD tách rời quyền sở hữu	Là loại hàng hóa đặc biệt	Là hình thái tư bản phiên diện nhất song được sùng bái nhất

### Lợi tức

Là 1 phần của lợi nhuận bình quân người đi vay trả cho người vay vì đã sử dụng lượng tiền nhàn rỗi của người cho vay

### Tỷ suất lợi tức

Là tỷ lệ phần trăm giữa lợi tức và tư bản cho vay

#### 3.3.3. Địa tô TBCN

### Địa tô TBCN

Là 1 phần GTTD còn lại sau khi đã khấu trừ đi phần lợi nhuận bình quân mà các nhà tư bản kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp phải trả cho địa chủ

#### So sánh địa tô TBCN và địa tô phong kiến

Quyền tư hữu ruộng đất thực hiện về mặt kinh tế	
Địa tô TBCN	Địa tô phong kiến
- Một phần GTTD ngoài lợi nhuận bình quân	- Toàn bộ SP thặng dư do nông dân làm ra.
- Phản ánh quan hệ 3 giai cấp	- Phản ánh quan hệ 2 giai cấp

### Giá cả ruộng đất

$$\text{Giá cả ruộng đất} = \frac{R}{Z'n \square \text{ận gửi của ngân } \square \text{àng}}$$

### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Sức lao động là gì? Trình bày các điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa?
2. Giá trị thặng dư là gì?
3. Trình bày bản chất của tư bản? Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến?
4. Tích lũy tư bản là gì? Có những nhân tố nào ảnh hưởng đến quy mô của tích lũy tư bản?
5. Trình bày các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong CNTB?

## Chương 4

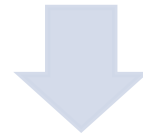
### CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

#### MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

Mục đích	Yêu cầu
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp hệ thống tri thức về mối quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền, lý luận về độc quyền và độc quyền nhà nước.</li> <li>- Người đọc hiểu được bối cảnh kinh tế thế giới đang có những đặc trưng mới, từ đó hình thành được tư duy thích ứng trước tình hình thế giới nhiều thách thức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</li> <li>- Nắm được độc quyền, độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường.</li> <li>- Hiểu được tính quy luật: cạnh tranh đến một trình độ phát triển nhất định tất yếu dẫn tới sự hình thành các tổ chức độc quyền.</li> </ul>

#### 4.1. QUAN HỆ GIỮA CẠNH TRANH - ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Tự do cạnh tranh



Tích tụ và tập trung sản xuất



Độc quyền

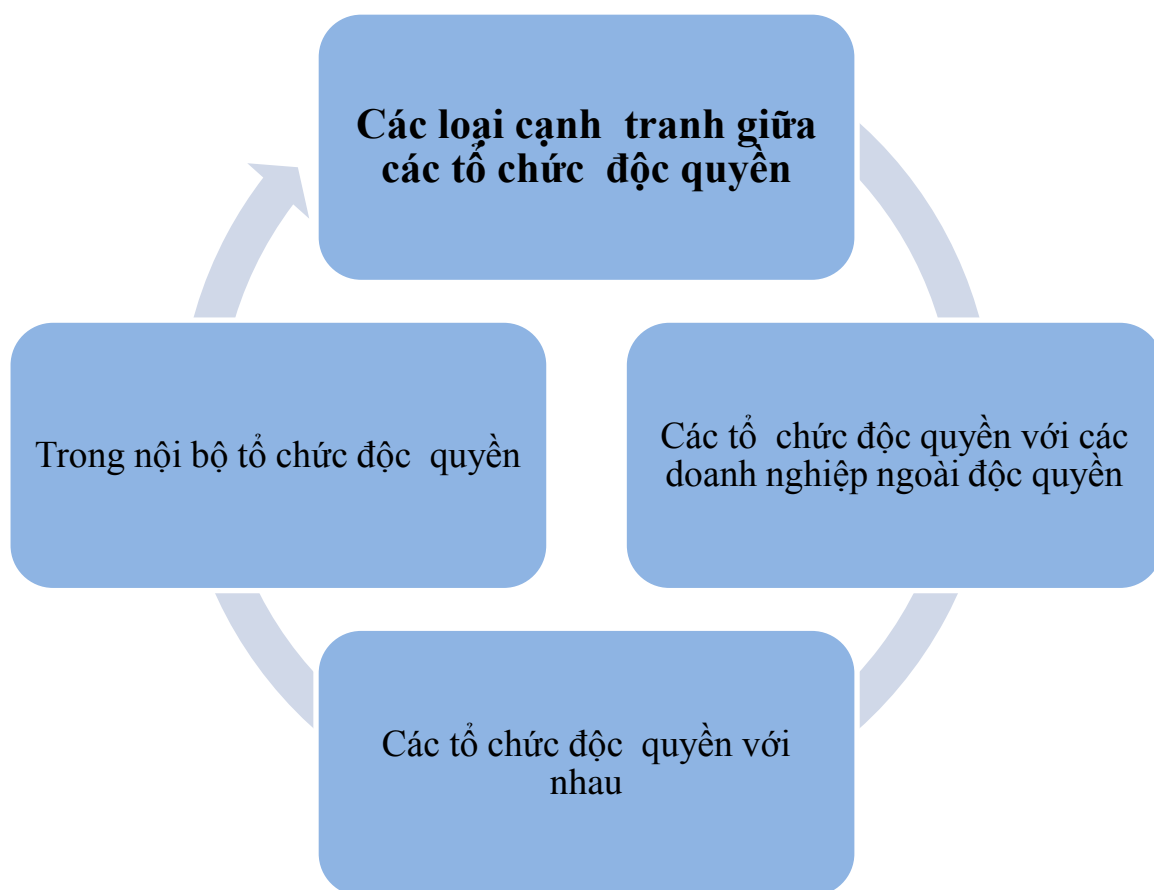


Độc quyền là sự liên minh giữa các xí nghiệp lớn, nắm trong tay phần lớn việc SX và tiêu thụ 1 số loại hàng hóa, có khả năng định ra giá cả độc quyền, nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.

Tự do cạnh tranh  
dẫn đến độc  
quyền

Độc quyền làm  
cho cạnh tranh trở  
nên đa dạng, gay  
gắt hơn





## **4.2. ĐỘC QUYỀN VÀ ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KTTT**

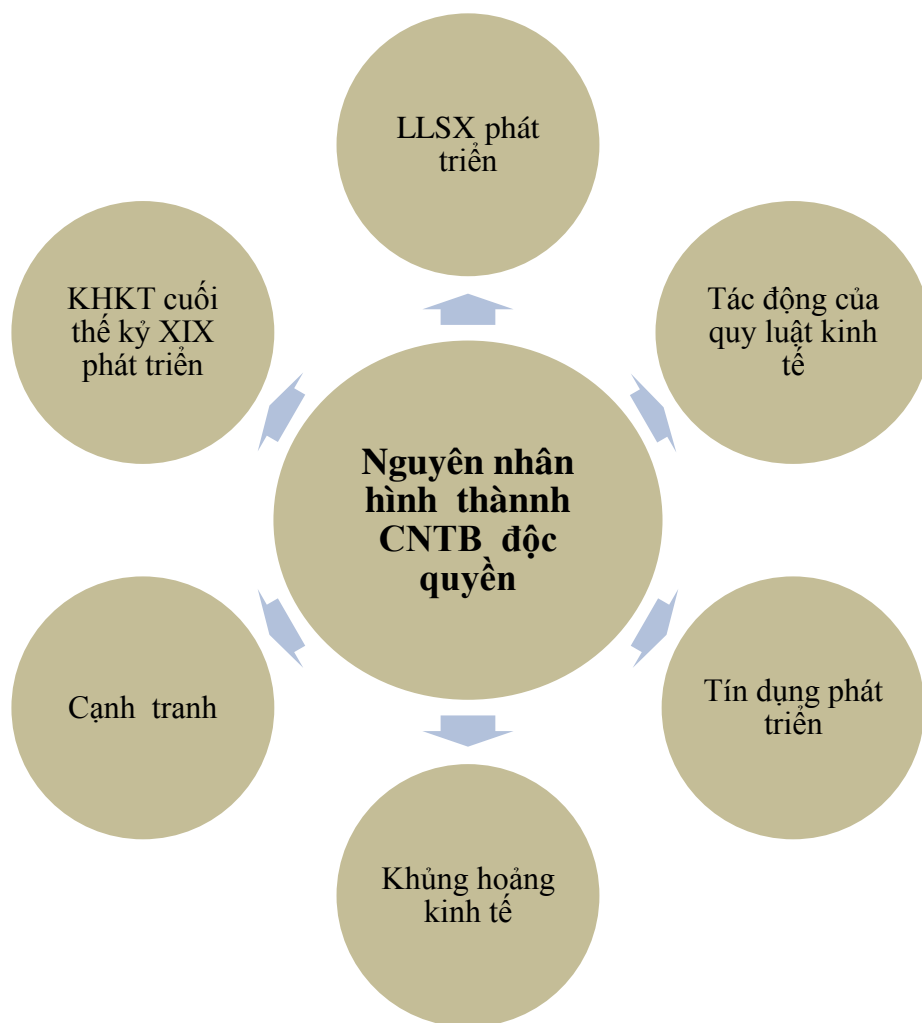
### **4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường**

#### ***4.2.1.1. Nguyên nhân hình thành và tác động của độc quyền***

V.I.Lênin đã chỉ rõ: "... tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này, khi phát triển đến mức độ nhất định, lại dẫn tới độc quyền"<sup>4</sup>.

---

<sup>4</sup> V.I.Lênin: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, 2005, t27, tr.402.

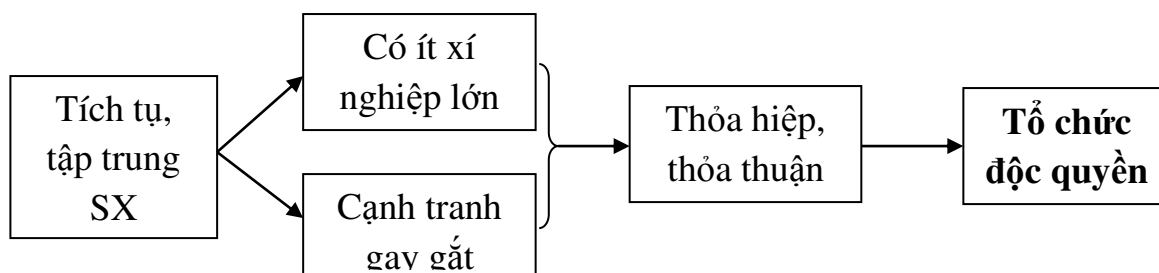


Lợi nhuận độc quyền	Giá cả độc quyền
<i>Là lợi nhuận thu được cao hơn lợi nhuận bình quân, do sự thống trị của các tổ chức độc quyền đem lại.</i>	<i>Là giá cả do các tổ chức độc quyền áp đặt trong mua bán hàng hóa, nó bao gồm chi phí sản xuất cộng với lợi nhuận độc quyền.</i>

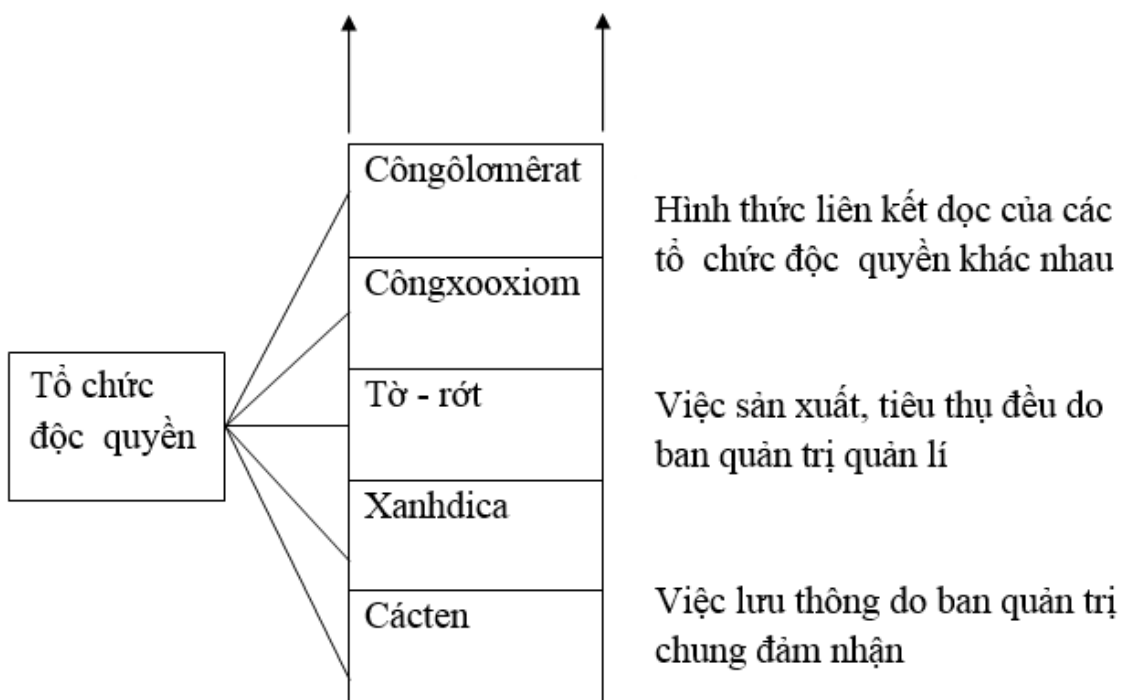
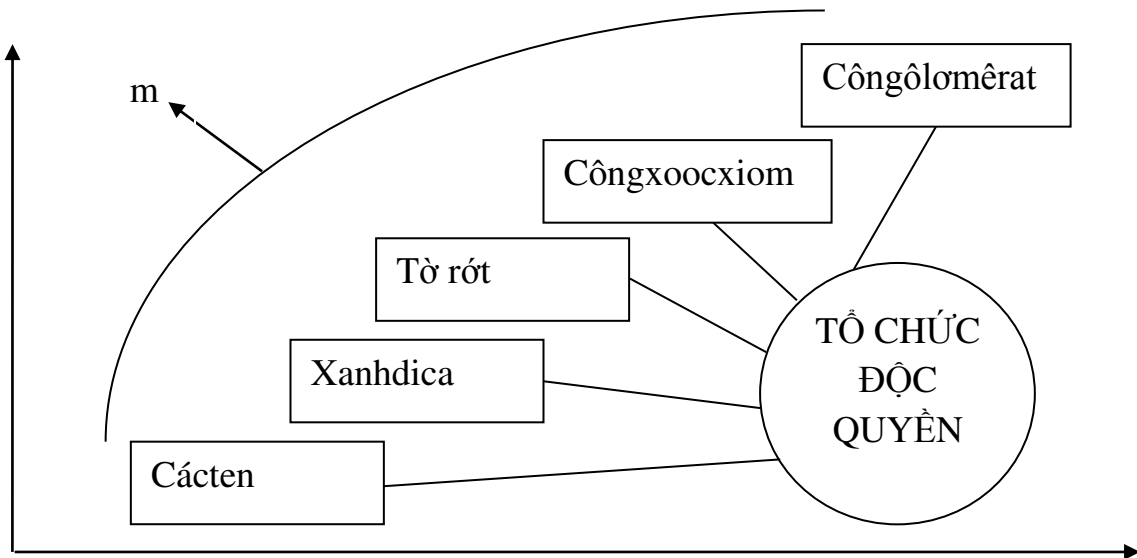
*Tác động của độc quyền với nền kinh tế*

#### **4.2.1.2. Những đặc điểm của độc quyền trong CNTB**

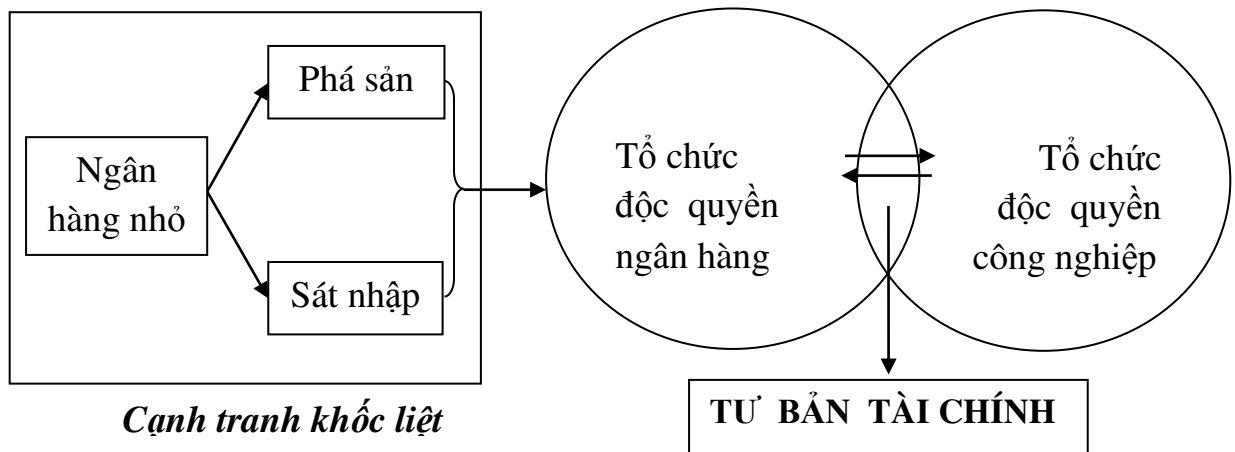
*Một là: Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền*



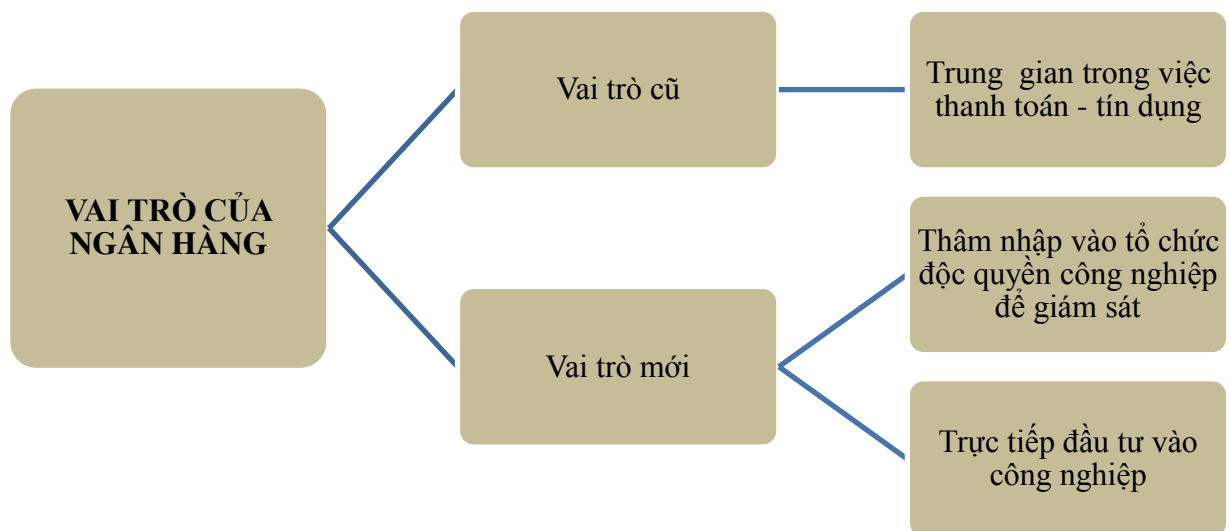
**Tổ chức độc quyền:** Là tổ chức liên minh giữa các tư bản lớn để tập trung vào trong tay phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ một số loại hàng hóa nào đó nhằm mục đích thu được lợi nhuận độc quyền cao.



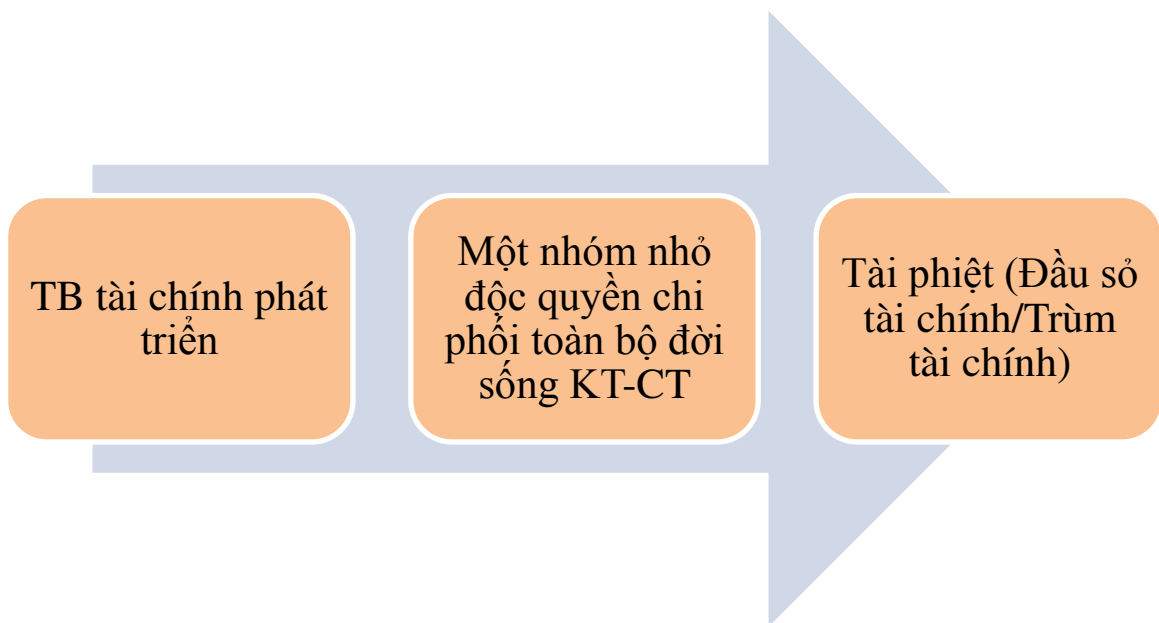
Hai là: Tư bản tài chính và hệ thống tài phiệt chi phối sâu sắc nền kinh tế



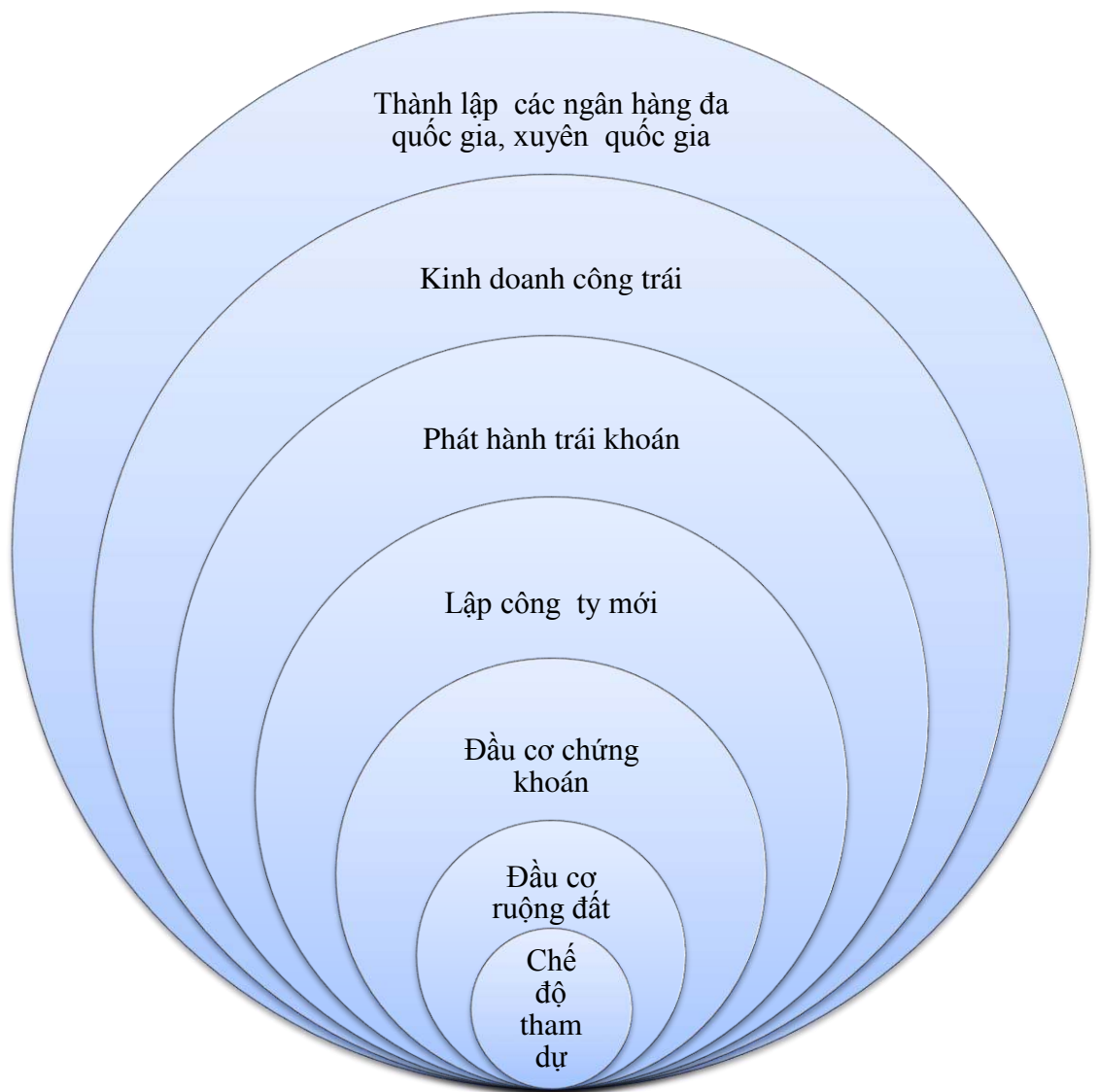
V.I.Lênin: "Tư bản tài chính là kết quả của sự hợp nhất giữa tư bản ngân hàng của một số ít ngân hàng độc quyền lớn nhất với tư bản của liên minh độc quyền các nhà công nghiệp"<sup>5</sup>.



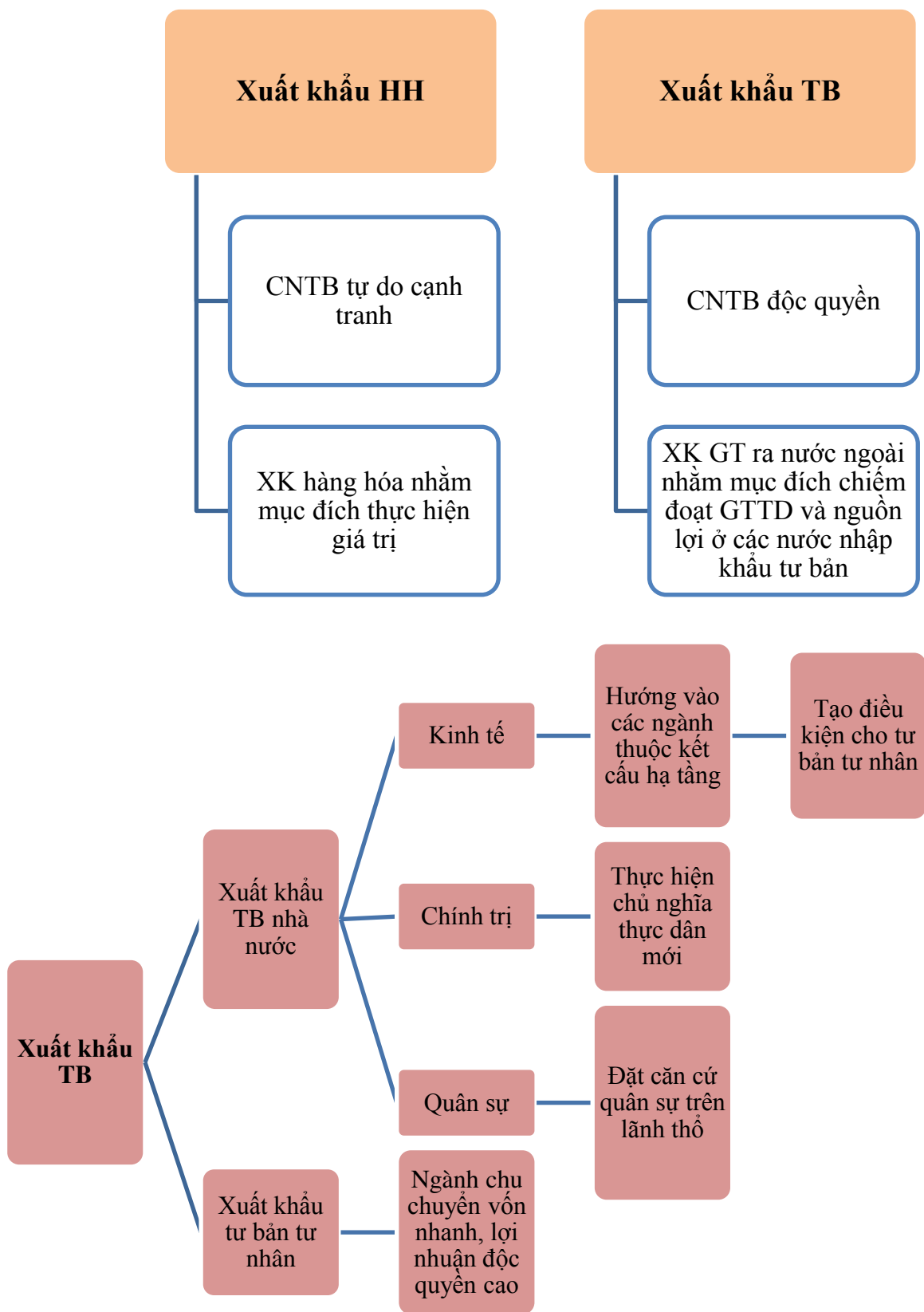
<sup>5</sup> V.I.Lênin: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t27, tr.489



*Những thủ đoạn tài phiệt thực hiện sự thống trị của mình:*

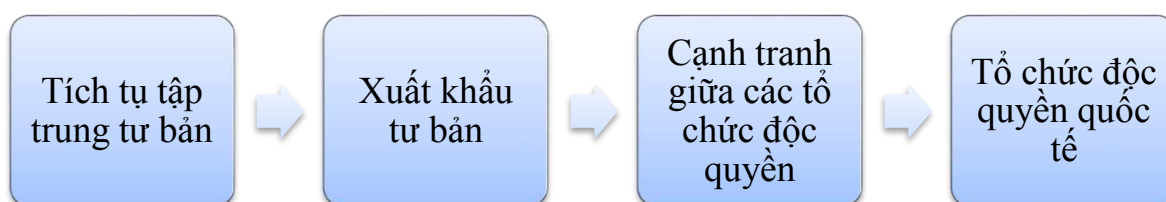


*Ba là: Xuất khẩu TB trở thành phổ biến*





*Bốn là: Sự phân chia TG về kinh tế giữa các tập đoàn TB độc quyền*



**Năm là: Sự phân chia thế giới về địa lý giữa các cường quốc tư bản**

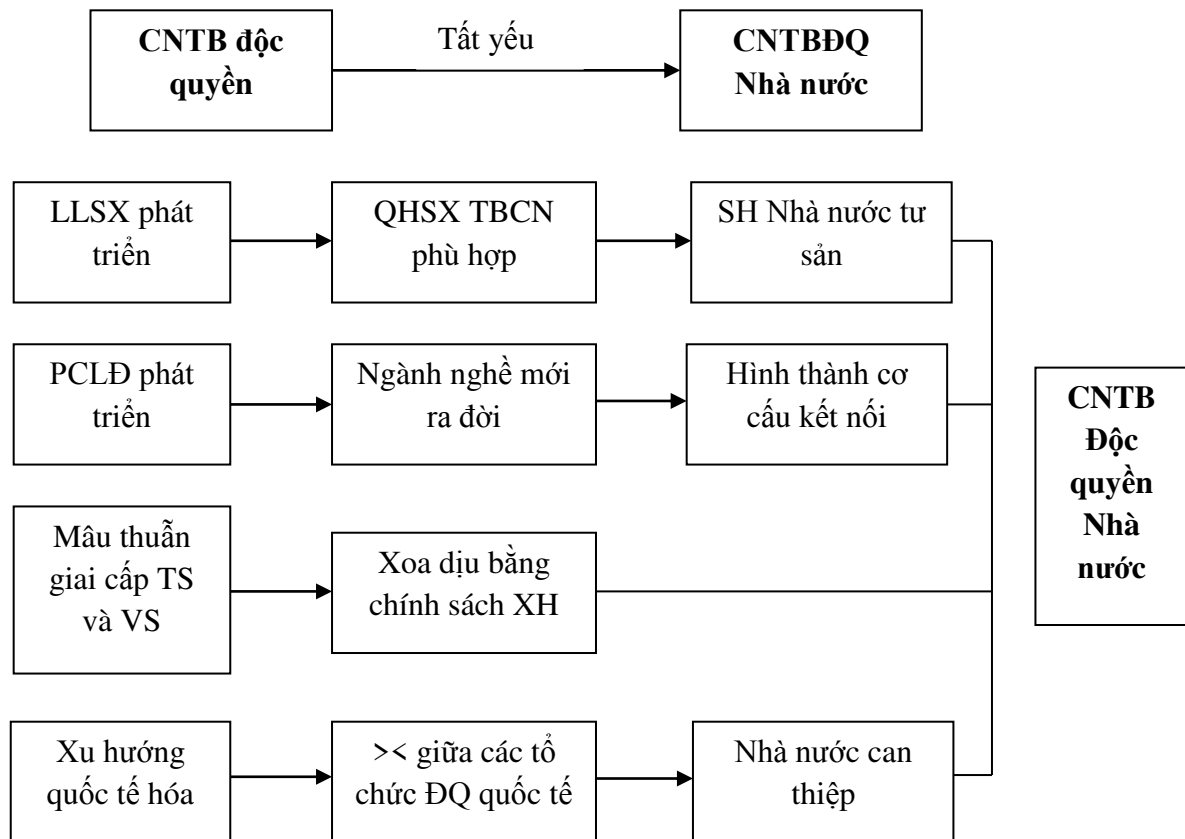
V.I.Lênin: “Chủ nghĩa tư bản phát triển càng cao, nguyên liệu càng thiếu thốn, sự cạnh tranh càng gay gắt và việc tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trên toàn thế giới càng ráo riết, thì cuộc đấu tranh để chiếm các thuộc địa càng quyết liệt hơn”<sup>6</sup>. “Khi nói đến chính sách thực dân trong thời đại chủ nghĩa đế quốc tư bản, thì cần chú ý rằng tư bản tài chính và chính sách quốc tế thích ứng với nó... đã tạo nên hàng loạt hình thức lệ thuộc có tính chất quá độ của các nước. Tiêu biểu cho thời đại đó, không những chỉ có hai loại nước chủ yếu: Những nước chiếm thuộc địa và những thuộc địa, mà còn có nhiều nước phụ thuộc với những hình thức khác nhau, những nước này trên hình thức thì được

<sup>6</sup> V.I.Lênin: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t27, tr.481

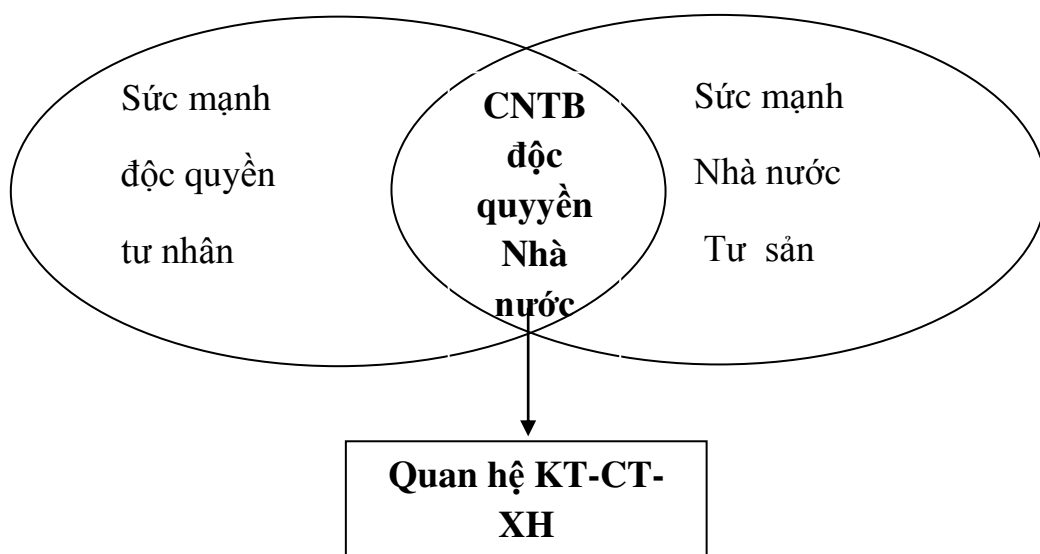
độc lập về chính trị, nhưng thực tế lại mắc vào cái lưới phụ thuộc về tài chính và ngoại giao”<sup>7</sup>.

#### 4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền nhà nước trong CNTB

##### 4.2.2.1. Nguyên nhân ra đời và phát triển của độc quyền nhà nước trong CNTB

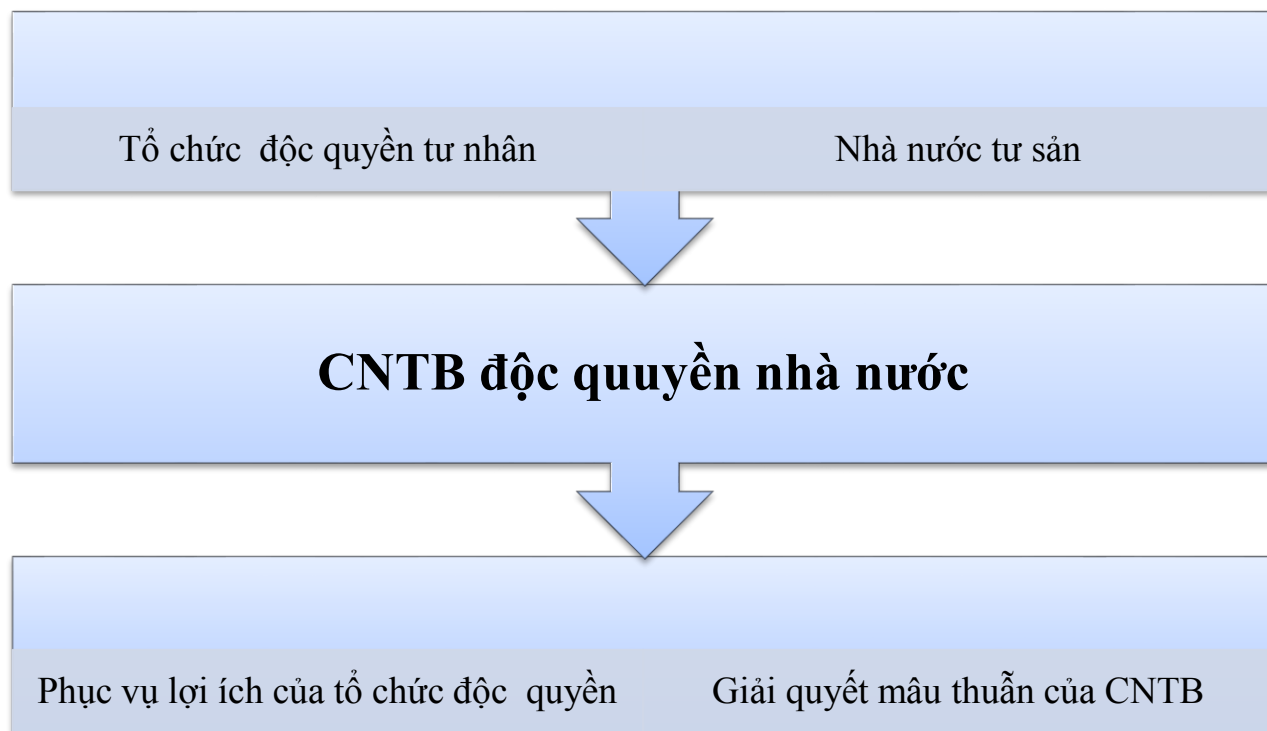


##### 4.2.2.2. Bản chất của độc quyền Nhà nước trong CNTB



<sup>7</sup>V.I.Lênin: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t27, tr.485





***4.2.2.3. Những biểu hiện chủ yếu của độc quyền nhà nước trong CNTB***

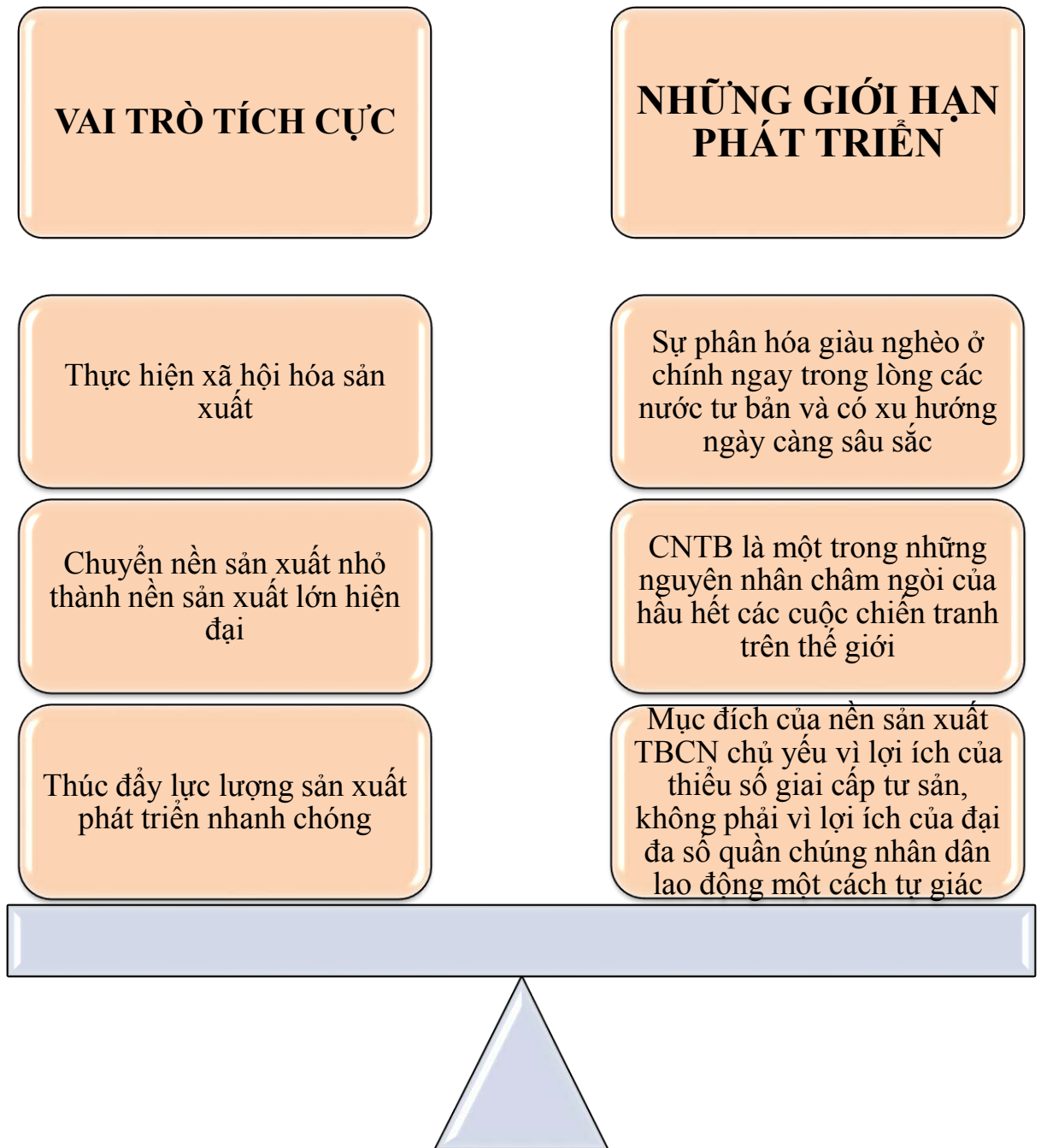
## Kết hợp về nhân sự

- Hội chủ xí nghiệp
- Đảng phái
- Bộ máy nhà nước

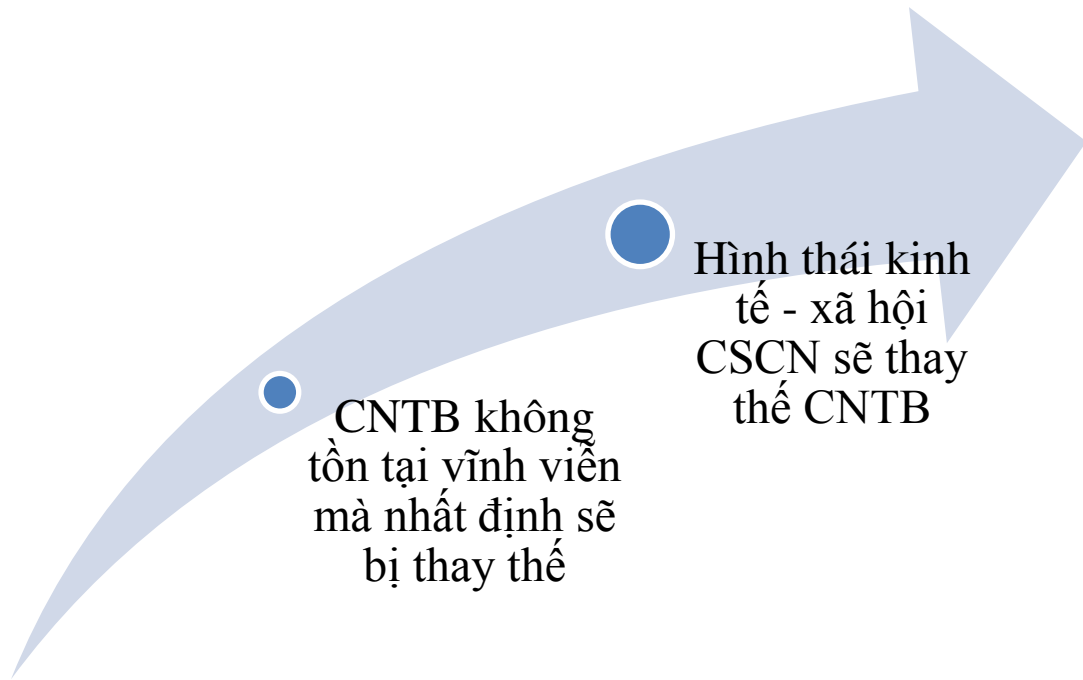
## Sự điều tiết kinh tế của Nhà nước tư sản

- Bộ máy Nhà nước
- Chính sách
  - Ngân sách Nhà nước
  - Thuế
  - Hệ thống tiền tệ - tín dụng
- Doanh nghiệp nhà nước
- Kế hoạch hóa

#### 4.2.2.4. Vai trò lịch sử của CNTB



## Xu hướng vận động của CNTB



## CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường?
2. Nguyên nhân nào dẫn đến độc quyền và tác động của nó đến thị trường ra sao?
3. Trình bày nguyên nhân hình thành CNTB độc quyền nhà nước?
4. Bản chất của CNTB độc quyền nhà nước là gì?
5. Làm rõ vai trò lịch sử của CNTB?
6. Trình bày xu hướng vận động của CNTB?

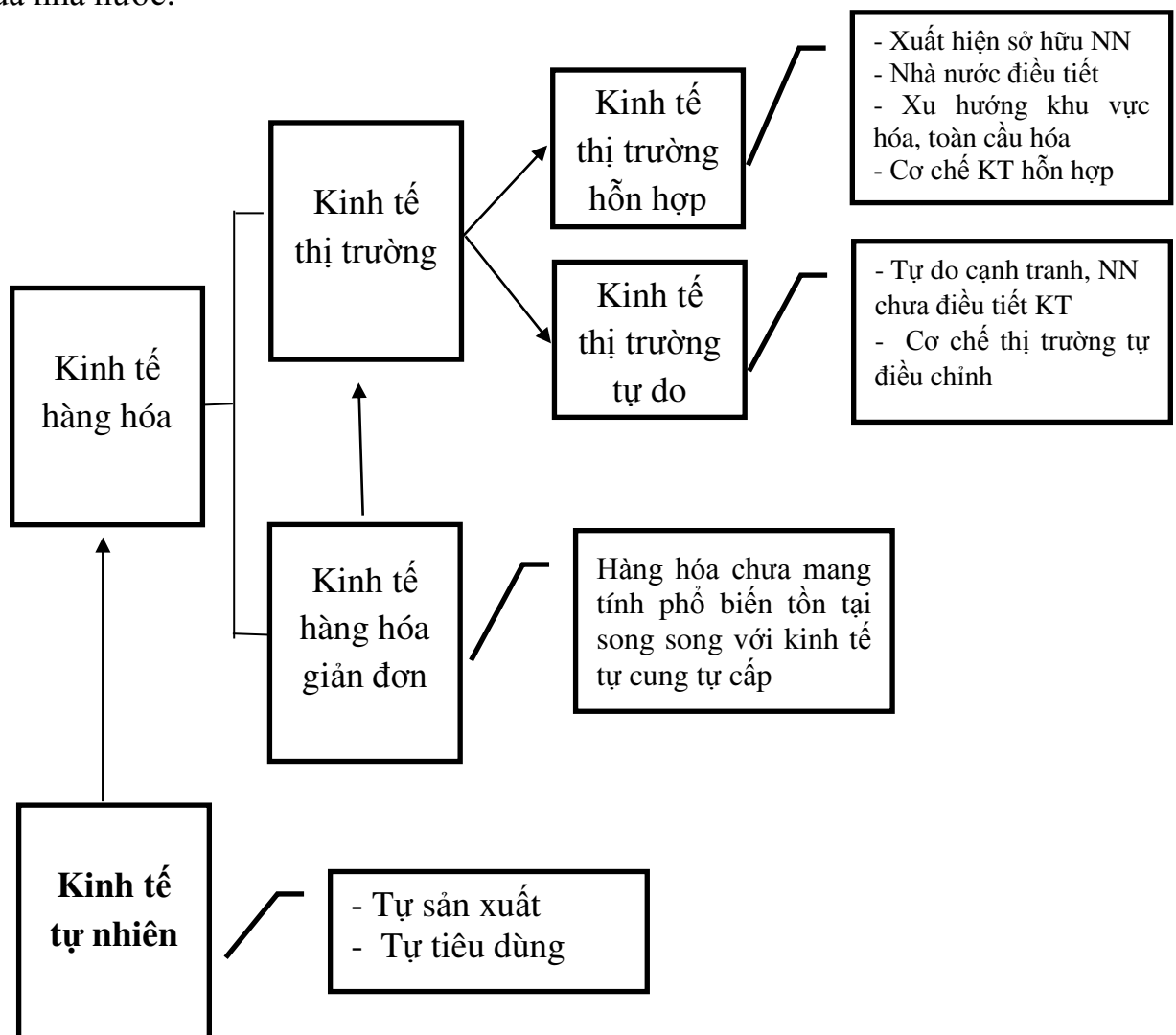
## Chương 5

# KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

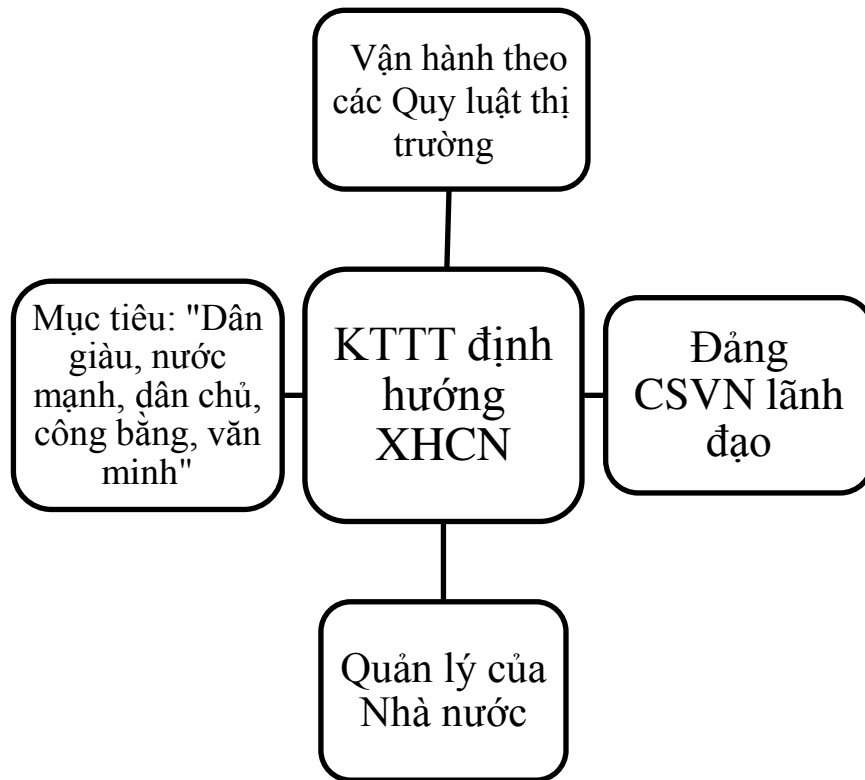
## 5.1. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

### 5.1.1 Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Có thể chia kinh tế hàng hoá thành: kinh tế hàng hoá giản đơn và kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường phát triển qua hai giai đoạn: kinh tế thị trường tự do và kinh tế thị trường hỗn hợp (còn gọi là kinh tế thị trường hiện đại). Sự khác biệt cơ bản giữa hai giai đoạn này là, kinh tế thị trường hỗn hợp có sự điều tiết của nhà nước.

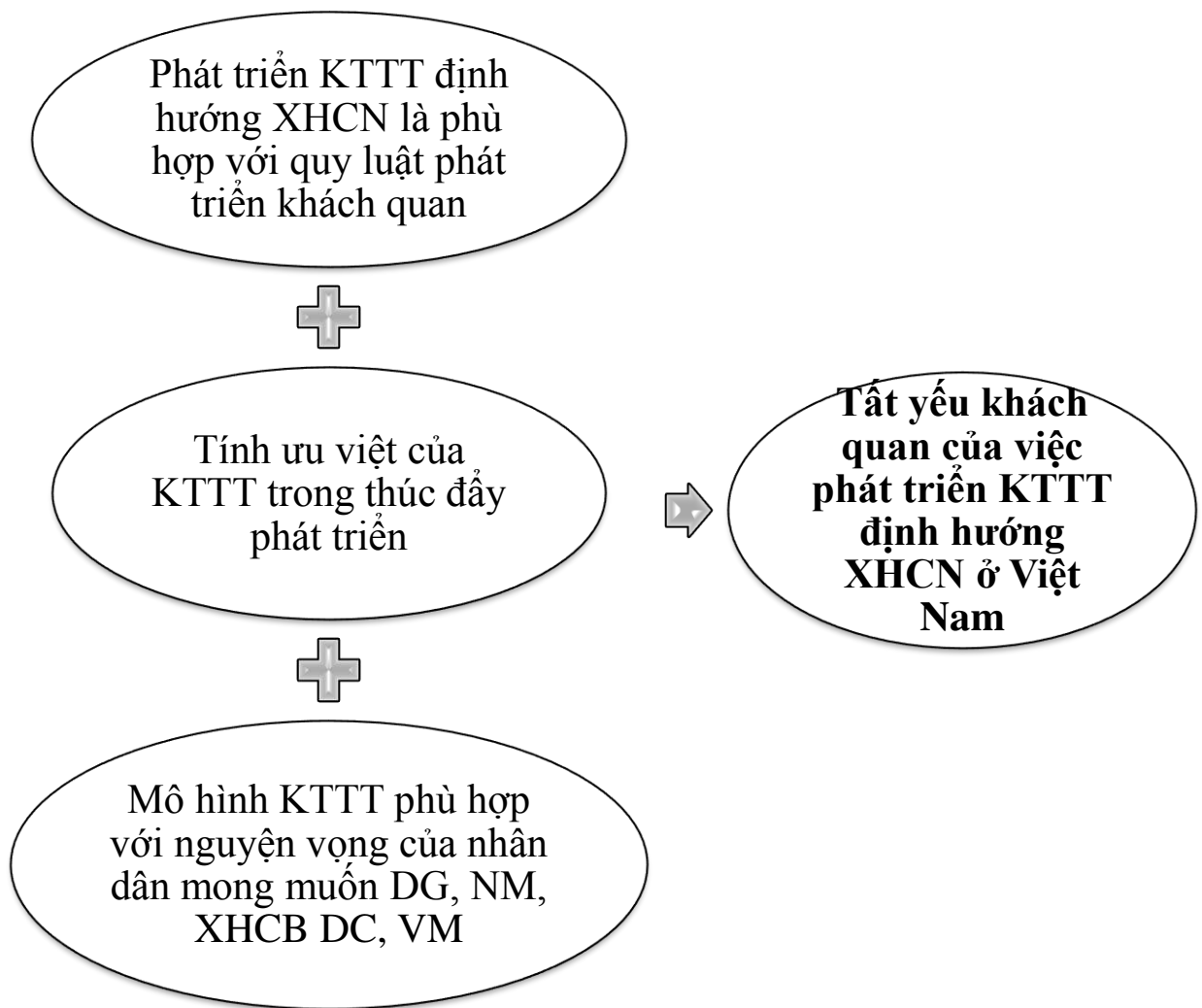


Ở Việt Nam: “*Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo*”<sup>8</sup>

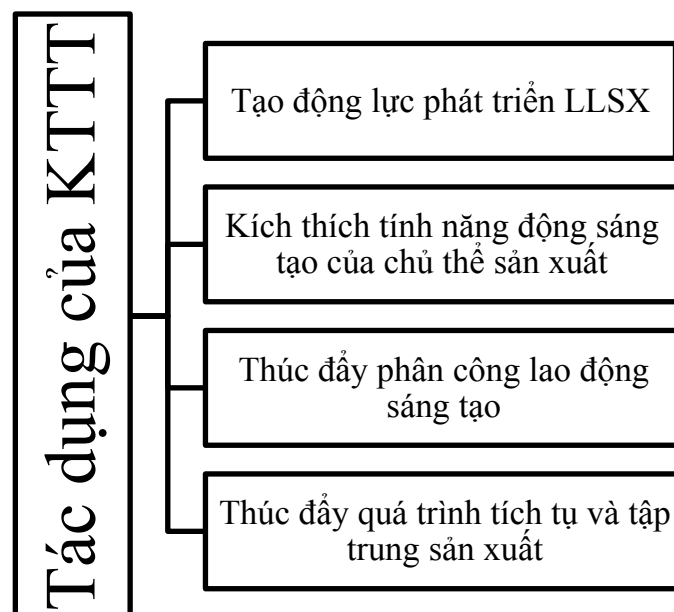


### 5.1.2 Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

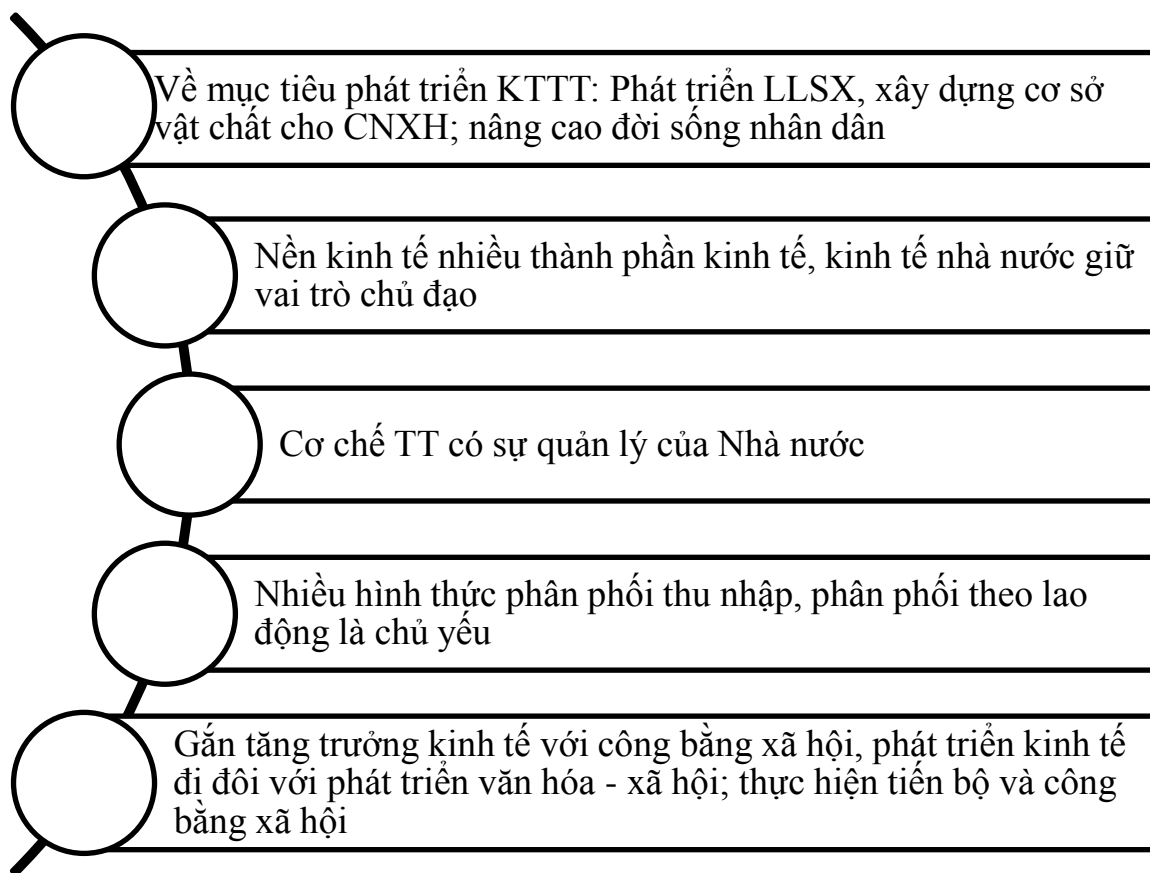
<sup>8</sup> Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, 2019, tr.108.



### *Tác dụng của KTTT*



### 5.1.3 Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam



## 5.2. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

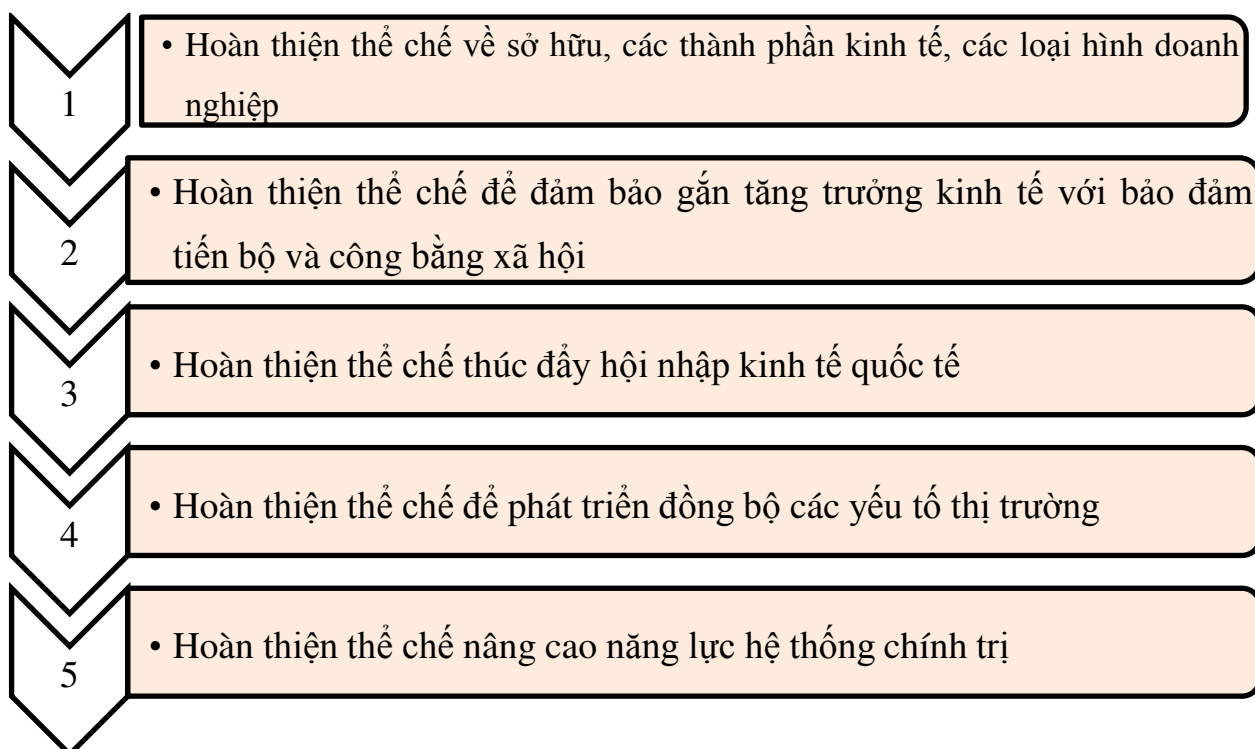
### 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Lý do phải thực hiện hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN

1	2	3
<ul style="list-style-type: none"><li>Do thể chế KTTT định hướng XHCN còn chưa đồng bộ</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Hệ thống thể chế còn chưa đầy đủ</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Hệ thống thể chế còn kém hiệu lực, hiệu quả, kém đầy đủ các yếu tố thị trường và các loại thị trường</li></ul>



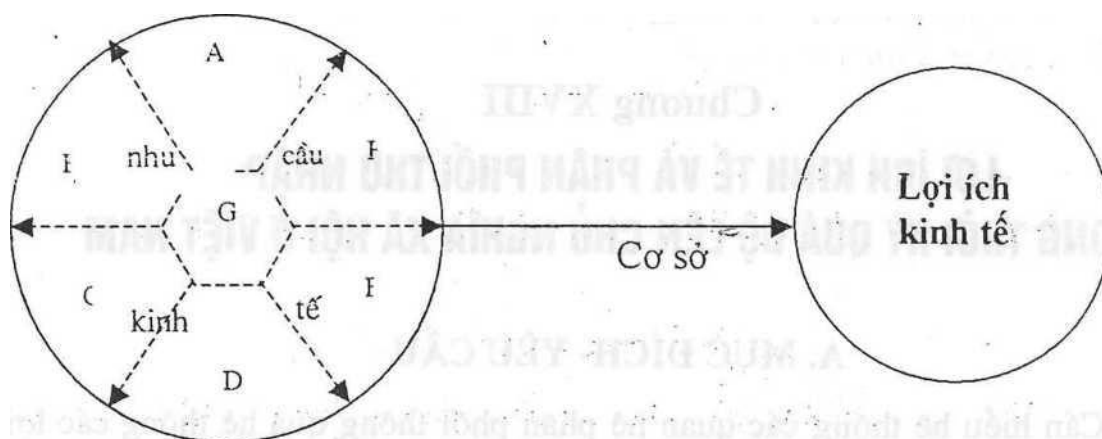
### 5.2.2 Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam



### 5.3. CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

### 5.3.1 LIKT và quan hệ LIKT

#### 5.3.1.1 Lợi ích kinh tế



*Những nhu cầu kinh tế của các chủ thể kinh tế được xác lập về mặt xã hội trở thành cơ sở của lợi ích kinh tế*

Xét về bản chất, lợi ích kinh tế phản ánh mục đích và động cơ của các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội.

### *Vai trò của lợi ích kinh tế đối với các chủ thể kinh tế - xã hội*

Lợi ích kinh tế là động lực trực tiếp của các chủ thể và hoạt động kinh tế - xã hội

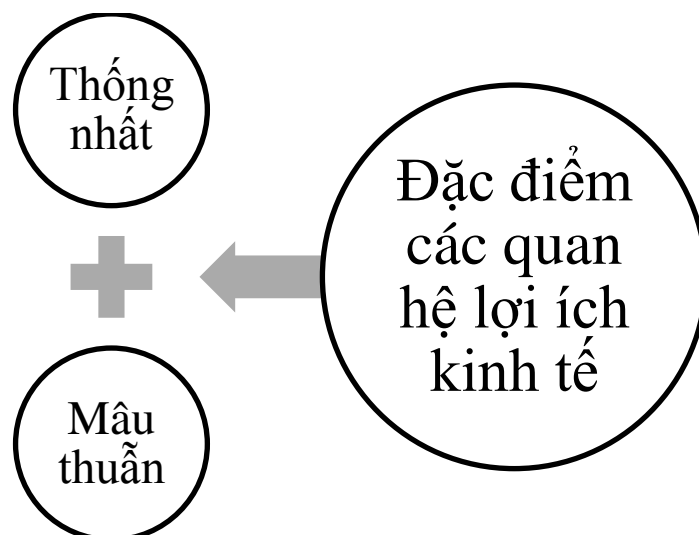
Lợi ích kinh tế là cơ sở thúc đẩy sự phát triển của các lợi ích khác

### **5.3.1.2. Quan hệ lợi ích kinh tế**

#### **a. Khái niệm về quan hệ lợi ích kinh tế**

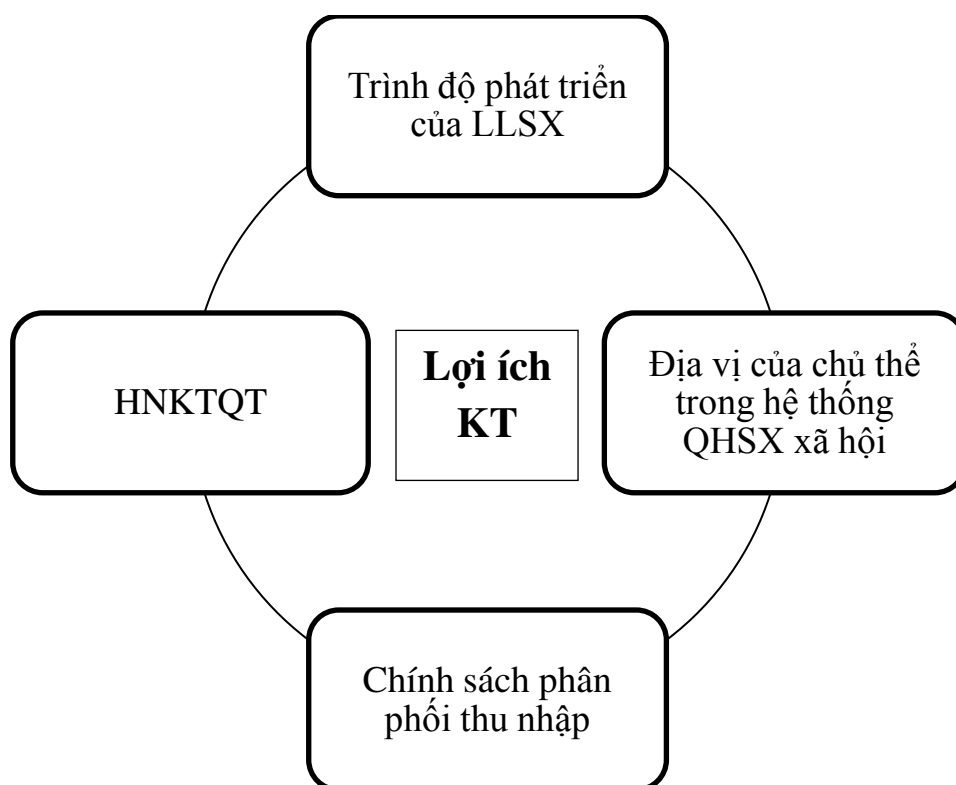
“Quan hệ lợi ích kinh tế là sự thiết lập những tương tác giữa con người với con người, giữa các cộng đồng người, giữa các tổ chức kinh tế giữa các bộ phận hợp thành nền kinh tế, giữa con người với tổ chức kinh tế, giữa quốc gia với phần còn lại của thế giới nhằm mục tiêu xác lập các lợi ích kinh tế trong mối liên hệ với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của một giai đoạn phát triển xã hội nhất định”<sup>9</sup>

#### **b. Mối tương quan giữa các lợi ích kinh tế**



#### **c. Các yếu tố ảnh hưởng đến LIKT**

<sup>9</sup> Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, 2019, tr.127.



*d. Một số quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường*

Quan hệ lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động

Quan hệ lợi ích giữa những người sử dụng lao động

Quan hệ lợi ích giữa những người lao động

Quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội

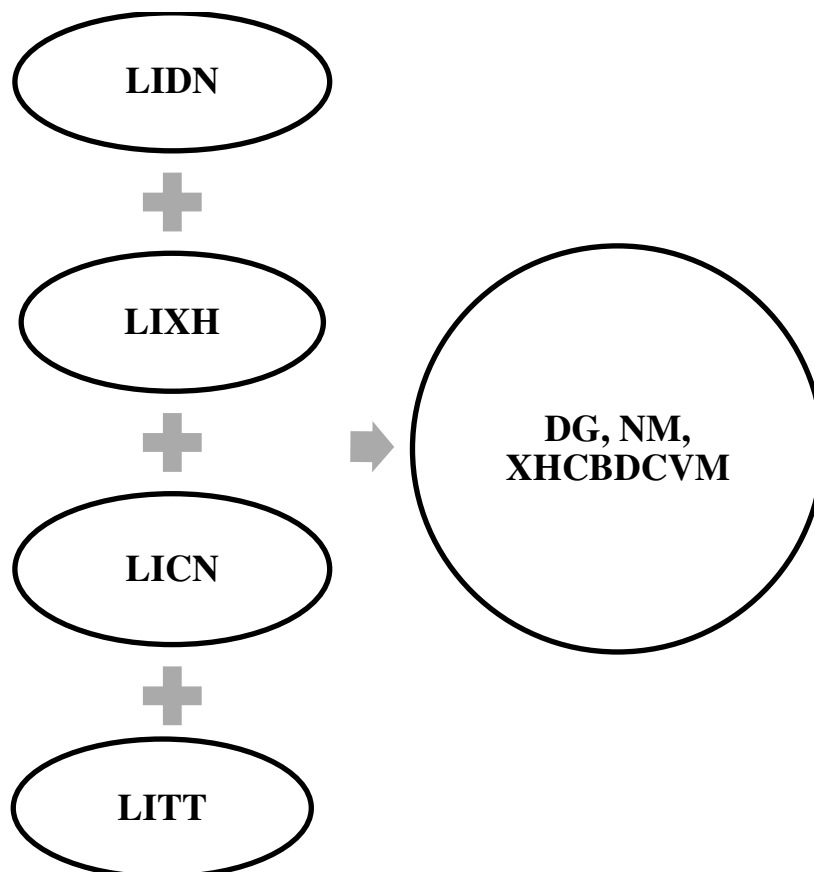
*5.3.2 Vai trò của nhà nước trong bảo đảm hài hòa các lợi ích kinh tế*

Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm các chủ thể kinh tế

Điều hòa lợi ích giữa cá nhân - doanh nghiệp - xã hội

Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội

Giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế



## **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là gì?
2. Vì sao phải phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam?
3. Trình bày nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam?
4. Nhà nước có vai trò gì trong đảm bảo hài hòa các lợi ích kinh tế?

## Chương 6

# CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

## MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

MỤC ĐÍCH	YÊU CẦU
<p>-Hiểu được phương thức cụ thể để thực hiện CNH, HĐH ở Việt Nam gắn với bối cảnh phát triển mới.</p> <p>- Nắm được cơ sở lý luận để hình thành tư duy về giải quyết các quan hệ lợi ích giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới thông qua hội nhập kinh tế quốc tế - một nội dung quan trọng nhất của hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới.</p>	<p>- Nắm được các tri thức về hội nhập kinh tế quốc tế, tác động của hội nhập kinh tế quốc tế và việc xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập - Tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế.</p>

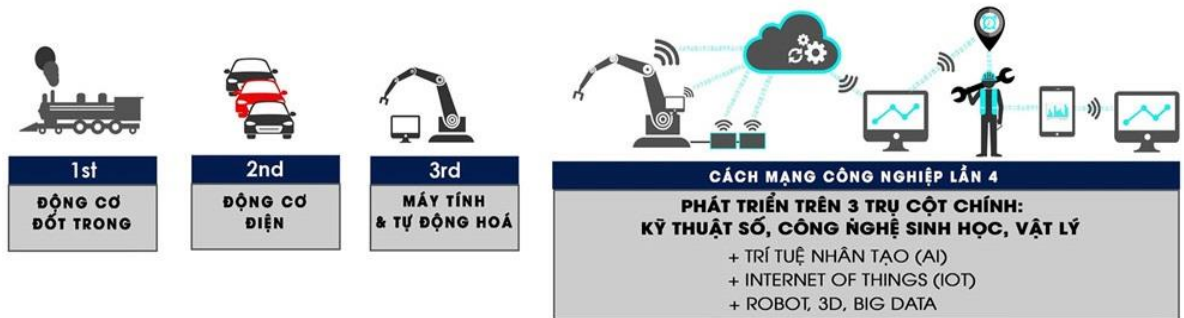
### 6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

#### 6.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và CNH

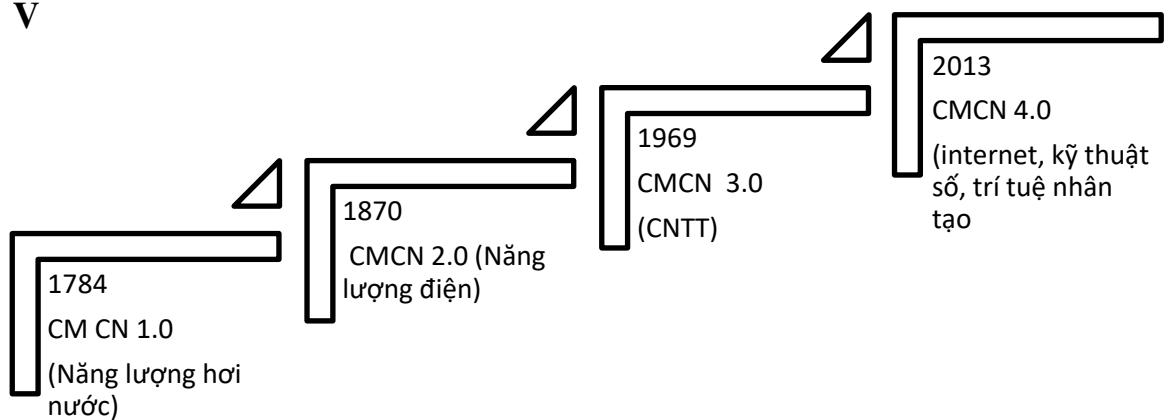
##### 6.1.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp

##### 6.1.1.2. Các cuộc cách mạng công nghiệp

## LỊCH SỬ 4 CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP



V



### Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển

Thúc đẩy lực lượng sản xuất, cải biến về chất của nền kinh tế

Thúc đẩy hoàn thiện QHSX

Thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển

Cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên đến với sự ra đời của cơ khí hóa, năng lượng hơi nước và năng lượng nước.

Tiếp theo là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai, xoay quanh các dây chuyền sản xuất và lắp ráp hàng loạt sử dụng điện.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba đến với thiết bị điện tử, I.T. hệ thống và tự động hóa, đã dẫn đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn liền với các hệ thống vật lý mạng.

### **Công nghệ Công nghiệp 4.0**

Nói chung, Công nghiệp 4.0 mô tả xu hướng ngày càng tăng đối với tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ và quy trình trong ngành sản xuất. Sự tự động hóa này tạo ra một hệ thống sản xuất theo đó máy móc trong các nhà máy được tăng cường kết nối không dây và cảm biến để theo dõi và hình dung toàn bộ quy trình sản xuất và đưa ra các quyết định tự chủ

#### **6.1.1.2. CNH và các mô hình CNH trên thế giới**

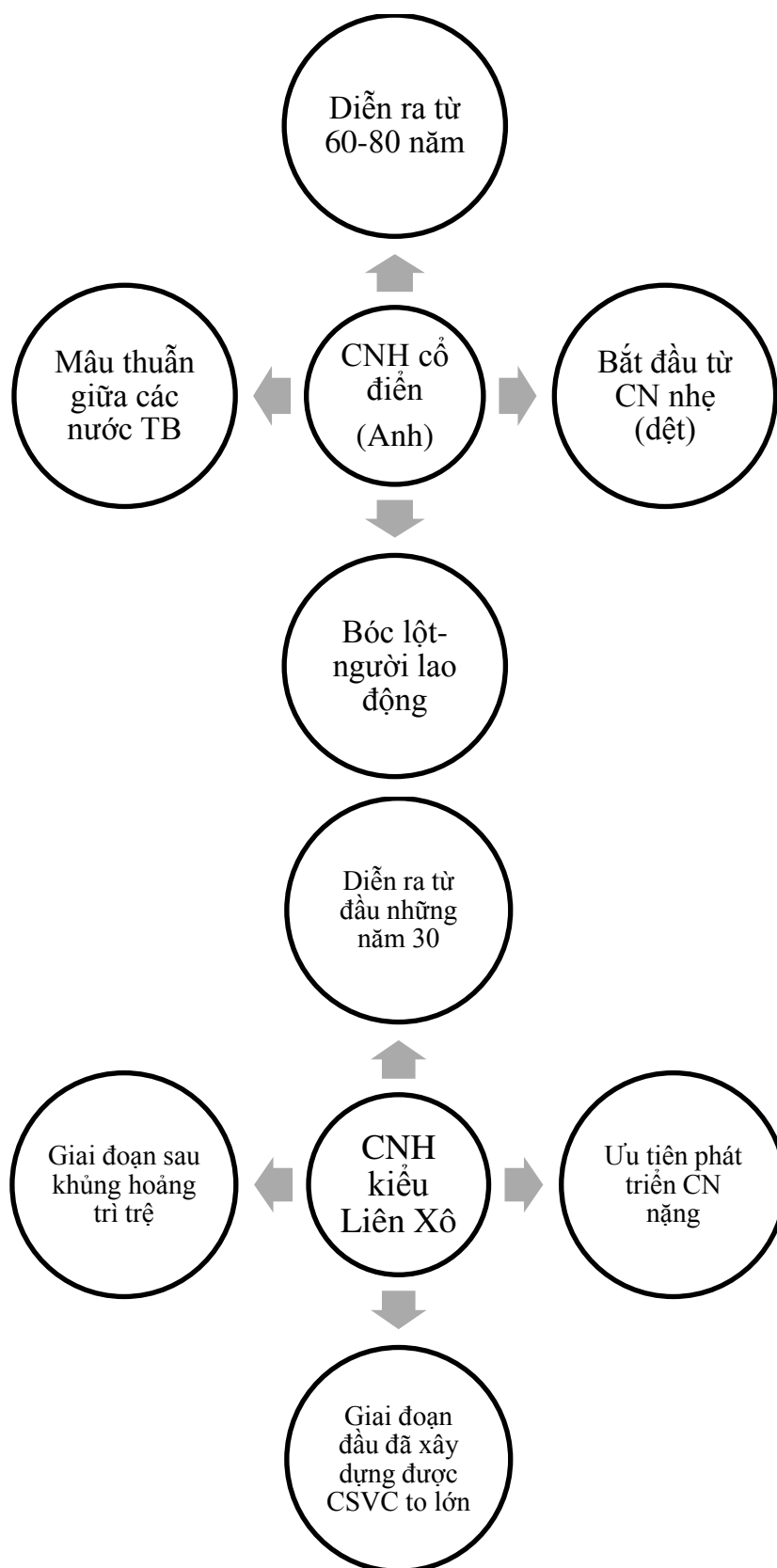
**Khái niệm Công nghiệp hóa:** *“CNH là quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ dựa trên lao động thủ công là chính sang nền sản xuất xã hội dựa chủ yếu trên lao động bằng máy móc nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao”<sup>10</sup>*

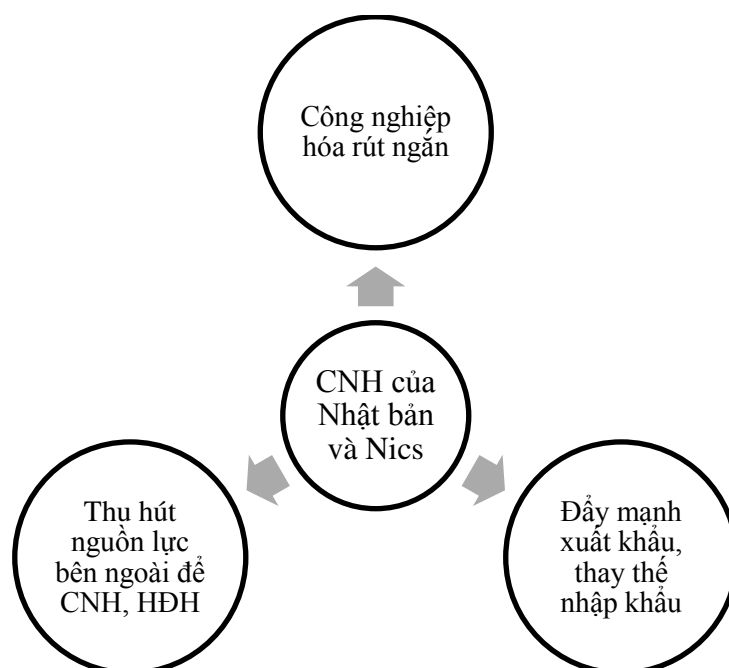
#### **Các mô hình CNH tiêu biểu trên thế giới**

---

<sup>10</sup> Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, 2019, tr. 152.







### 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của CNH, HĐH ở Việt Nam

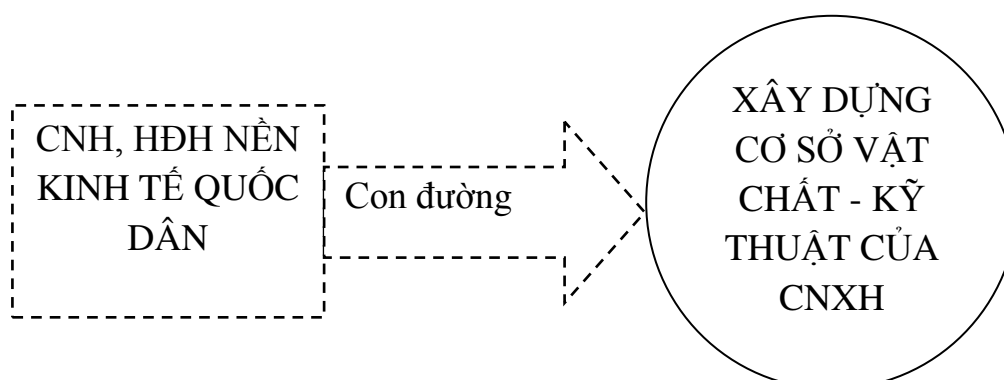
<b>CSVCKT của một PTSX</b>	Bao gồm các yếu tố vật chất của LLSX: - TLLĐ: + Công cụ lao động + Phương tiện phục vụ lao động - ĐTLĐ
----------------------------	--

Các PTSX trước CNTB đều dựa trên CSVCKT với công cụ lao động ở trình độ TC, LH, năng suất thấp.

CSVCKT của CNTB là nền đại CN và CN hiện đại, có NSLĐ cao hơn PTSX phong kiến.

CSVCKT của CNXH là nền CN lớn hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, trình độ xã hội hóa cao, dựa trên nền tảng KHCN tiên tiến, được hình thành có kế hoạch trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

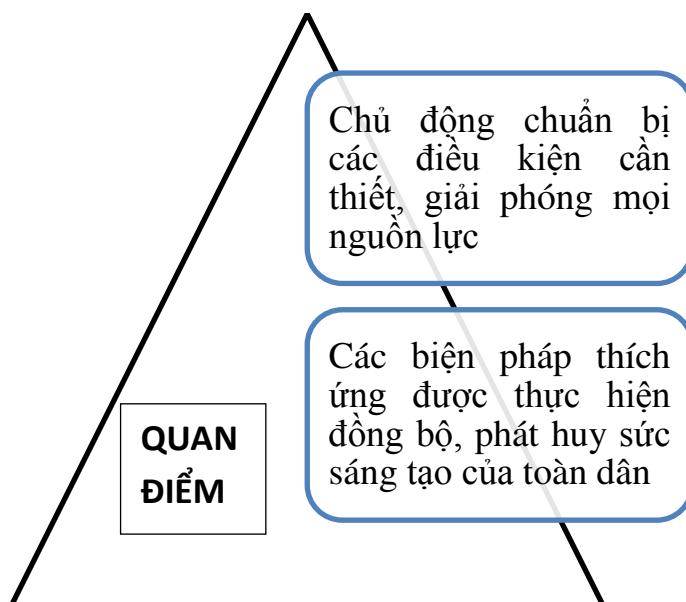
V.I.Lênin: *Cơ sở duy nhất và thực sự để làm tăng của cải của chúng ta, để xây dựng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể là đại công nghiệp... không có một nền đại công nghiệp tổ chức cao, thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội nói chung được, mà lại càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội đối với một nước nông nghiệp được... 11.*



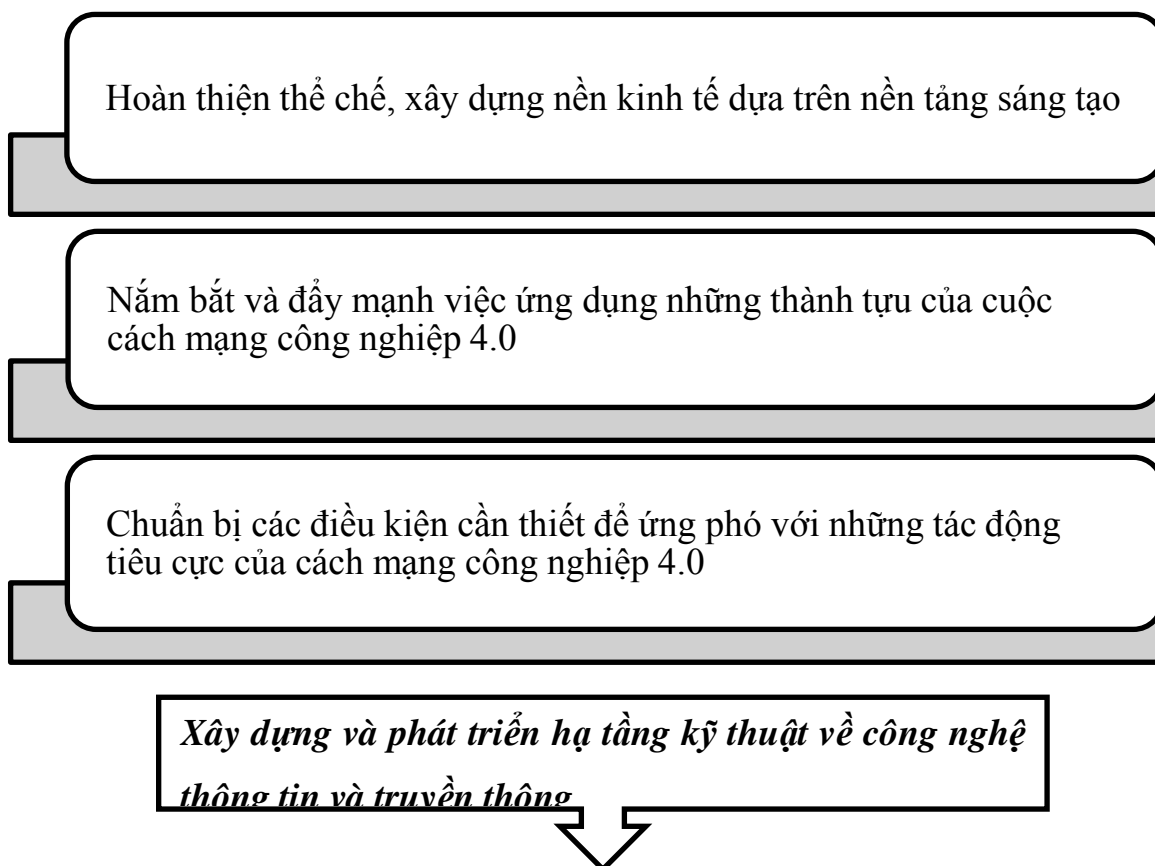
11 V.I.Lênin, Toàn tập, tập 32, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 528-529, 531-532.

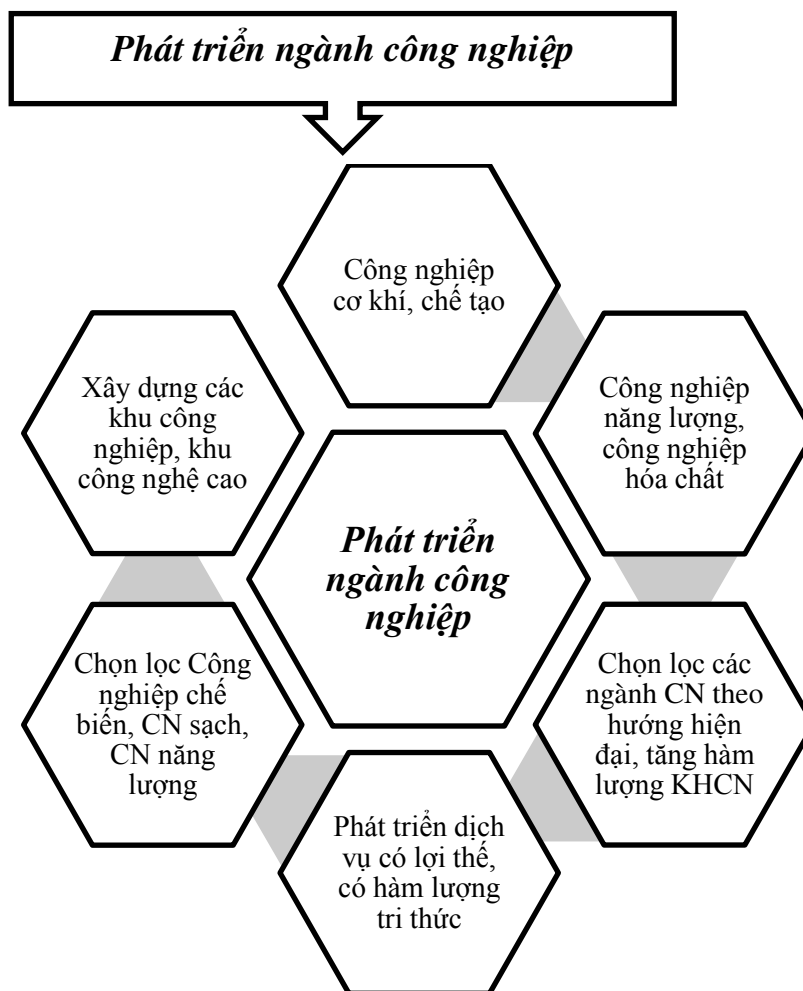
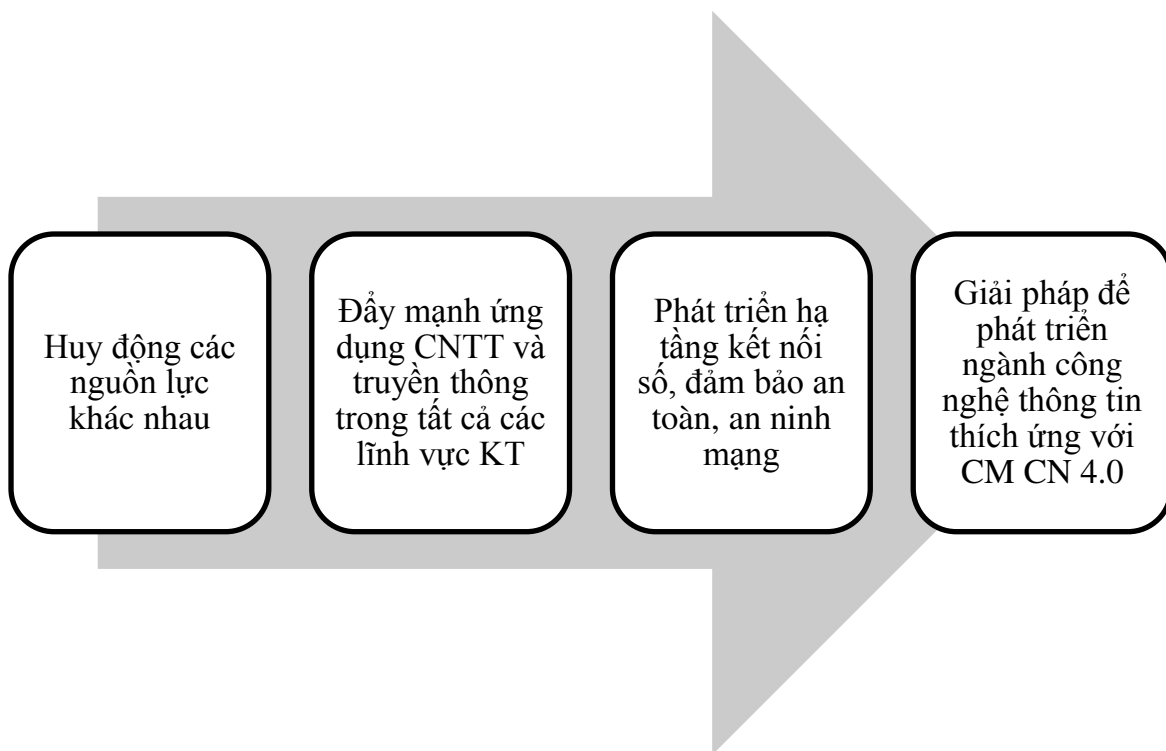
### 6.1.3. Công nghiệp hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

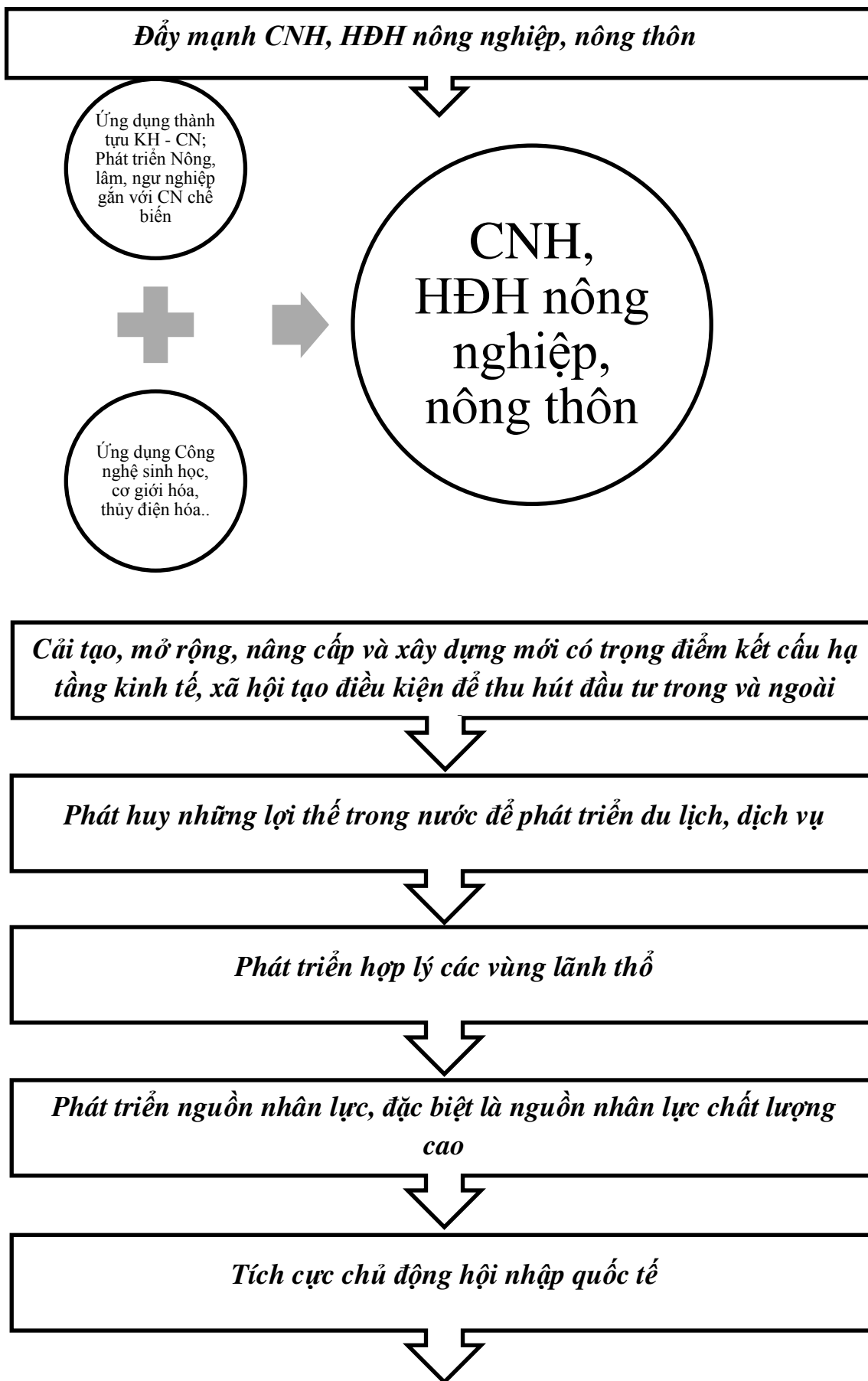
#### 6.1.3.1. Quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4



#### 6.1.3.2. CNH, HĐH ở Việt Nam thích ứng với cách mạng CN lần thứ 4







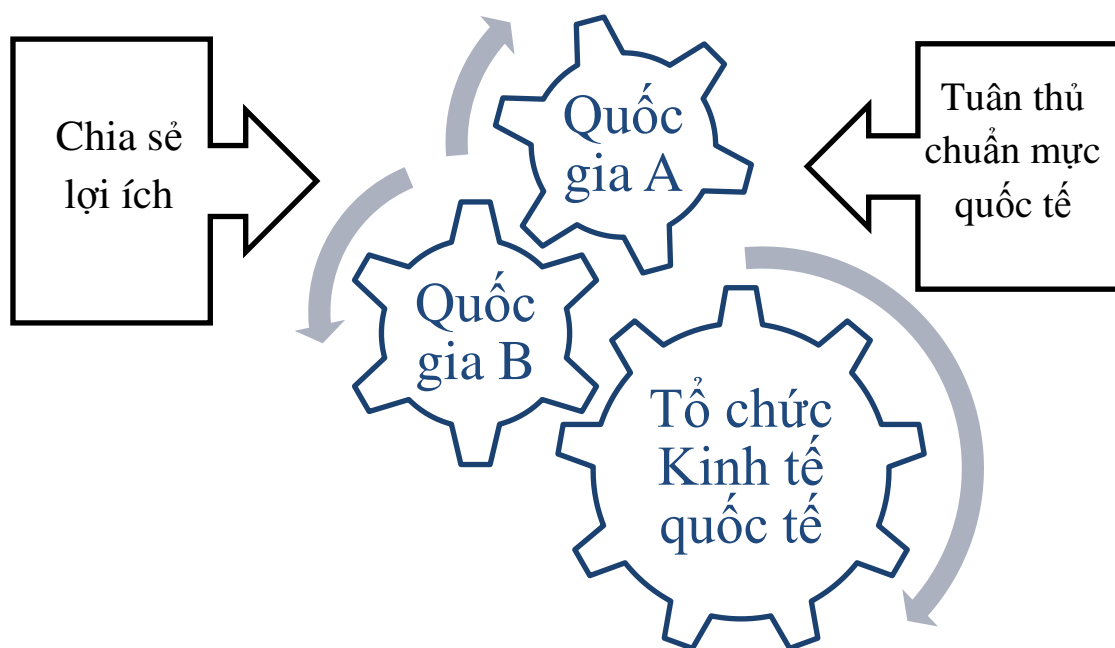
## 6.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

### 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

#### 6.2.1.1. Khái niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế

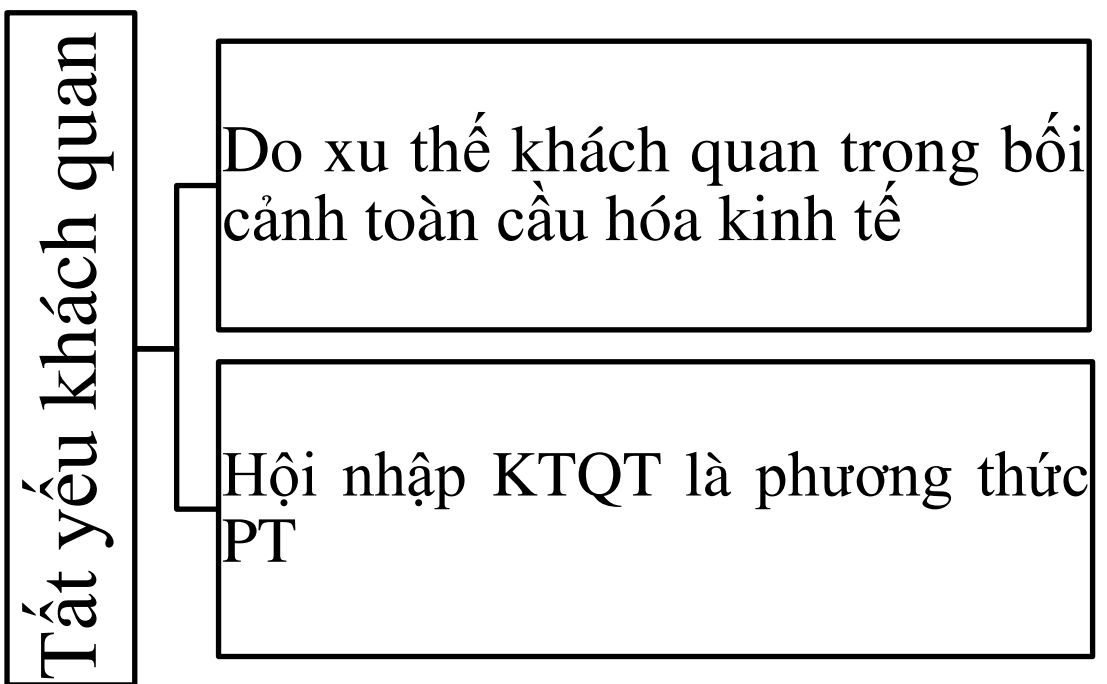
##### - Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế

“Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung”<sup>12</sup>.



##### - Tính tất yếu khách quan của HNKTQT

<sup>12</sup> Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, 2019, tr. 167.



#### **6.2.1.2. Nội dung HNKTQT**

Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện hội nhập hiệu quả, thành công

Thực hiện đa dạng các hình thức, các mức độ hội nhập kinh tế quốc tế

#### **6.2.2. Tác động của HNKTQT đến Việt Nam**

##### **6.2.2.1. Tác động tích cực**



Tận dụng lợi thế so sánh QG

Chuyển dịch lĩnh vực KT mũi nhọn

Nâng cao trình độ KHCN quốc gia.

Đổi mới sản xuất

Cải thiện hoạt động trong tiêu dùng

Tạo điều kiện hoạch định CS

Tiền đề cho hội nhập VH

Tác động hội nhập chính trị

Tạo điều kiện để mỗi nước

Đảm bảo an ninh QG

#### ***6.2.2.2. Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế***

Gia tăng sự cạnh tranh tạo khó khăn cho doanh nghiệp và ngành kinh tế trong nước

Gia tăng phụ thuộc của nền KT quốc gia vào TT bên ngoài

Phân phối không công bằng lợi ích và rủi ro cho các nước và các nguồn khác nhau trong xã hội, nguy cơ làm tăng khoảng cách giàu nghèo

Có nguy cơ trở thành bãi thải công nghiệp và công nghệ thấp, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường

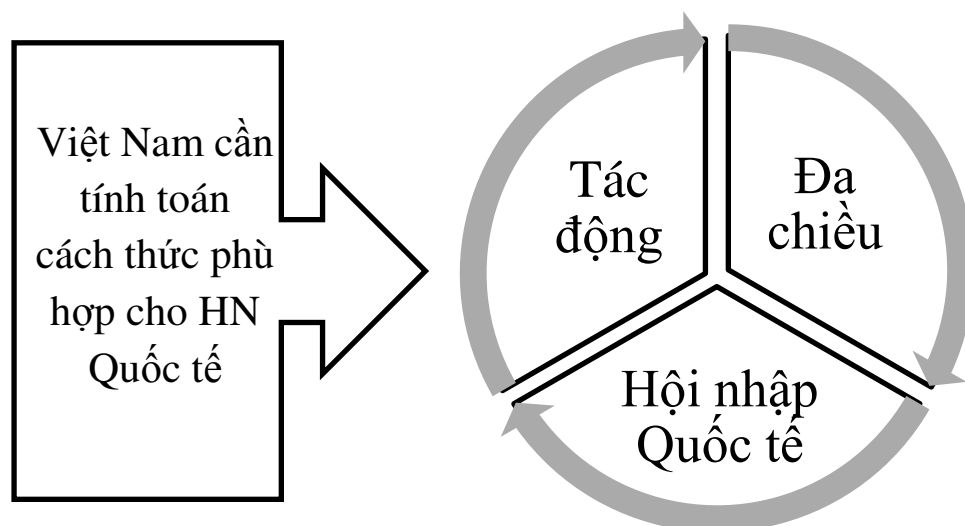
Quyền lực NN, chủ quyền QG

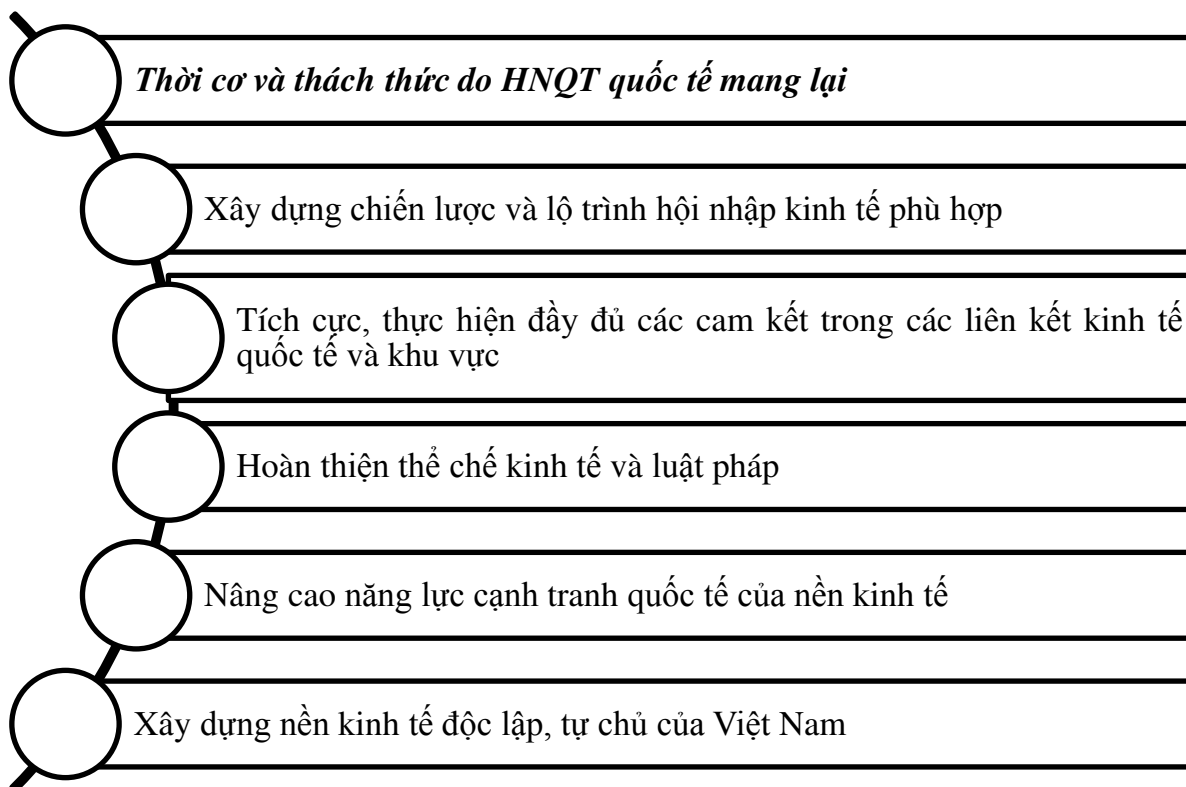
Nguy cơ xói mòn BSDT và VHTT Việt Nam

Gia tăng nguy cơ tình trạng khủng bố, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia

### 6.2.3. Phương hướng tăng hiệu quả HNKTQT trong phát triển của

VN





### CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày một số các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới?
2. Vì sao phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam?
3. Trình bày các tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế đến Việt Nam?
4. Trình bày các tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đến Việt Nam?
5. Nêu các phương hướng để tăng cường hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong giai đoạn tới?

## Chương 6

# CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

## MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

MỤC ĐÍCH	YÊU CẦU
<p>-Hiểu được phương thức cụ thể để thực hiện CNH, HĐH ở Việt Nam gắn với bối cảnh phát triển mới.</p> <p>- Nắm được cơ sở lý luận để hình thành tư duy về giải quyết các quan hệ lợi ích giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới thông qua hội nhập kinh tế quốc tế - một nội dung quan trọng nhất của hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới.</p>	<p>- Nắm được các tri thức về hội nhập kinh tế quốc tế, tác động của hội nhập kinh tế quốc tế và việc xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập - Tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế.</p>

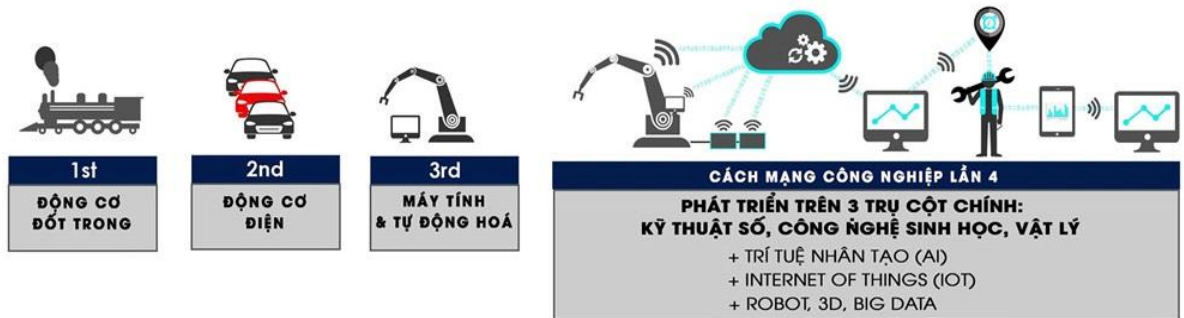
### 6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

#### 6.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và CNH

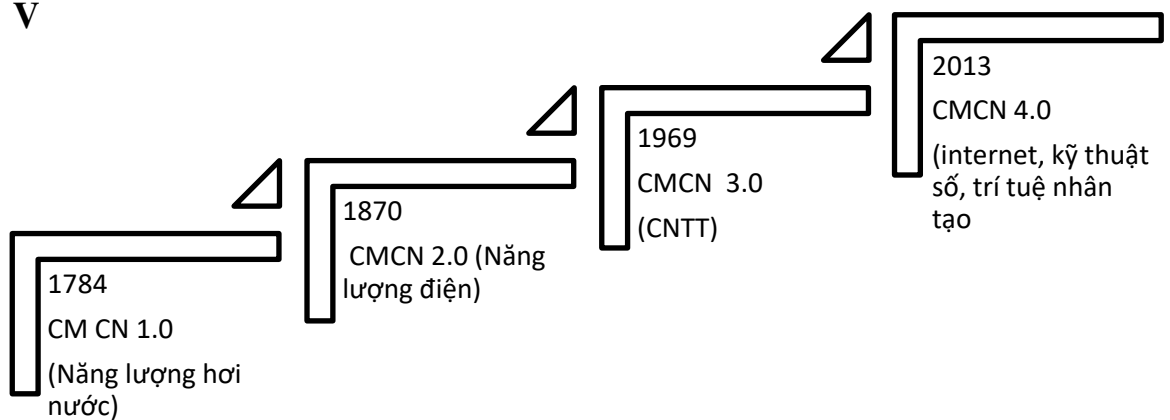
##### 6.1.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp

##### 6.1.1.2. Các cuộc cách mạng công nghiệp

## LỊCH SỬ 4 CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP



V



### Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển

Thúc đẩy lực lượng sản xuất, cải biến về chất của nền kinh tế

Thúc đẩy hoàn thiện QHSX

Thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển

Cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên đến với sự ra đời của cơ khí hóa, năng lượng hơi nước và năng lượng nước.

Tiếp theo là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai, xoay quanh các dây chuyền sản xuất và lắp ráp hàng loạt sử dụng điện.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba đến với thiết bị điện tử, I.T. hệ thống và tự động hóa, đã dẫn đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn liền với các hệ thống vật lý mạng.

### **Công nghệ Công nghiệp 4.0**

Nói chung, Công nghiệp 4.0 mô tả xu hướng ngày càng tăng đối với tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ và quy trình trong ngành sản xuất. Sự tự động hóa này tạo ra một hệ thống sản xuất theo đó máy móc trong các nhà máy được tăng cường kết nối không dây và cảm biến để theo dõi và hình dung toàn bộ quy trình sản xuất và đưa ra các quyết định tự chủ

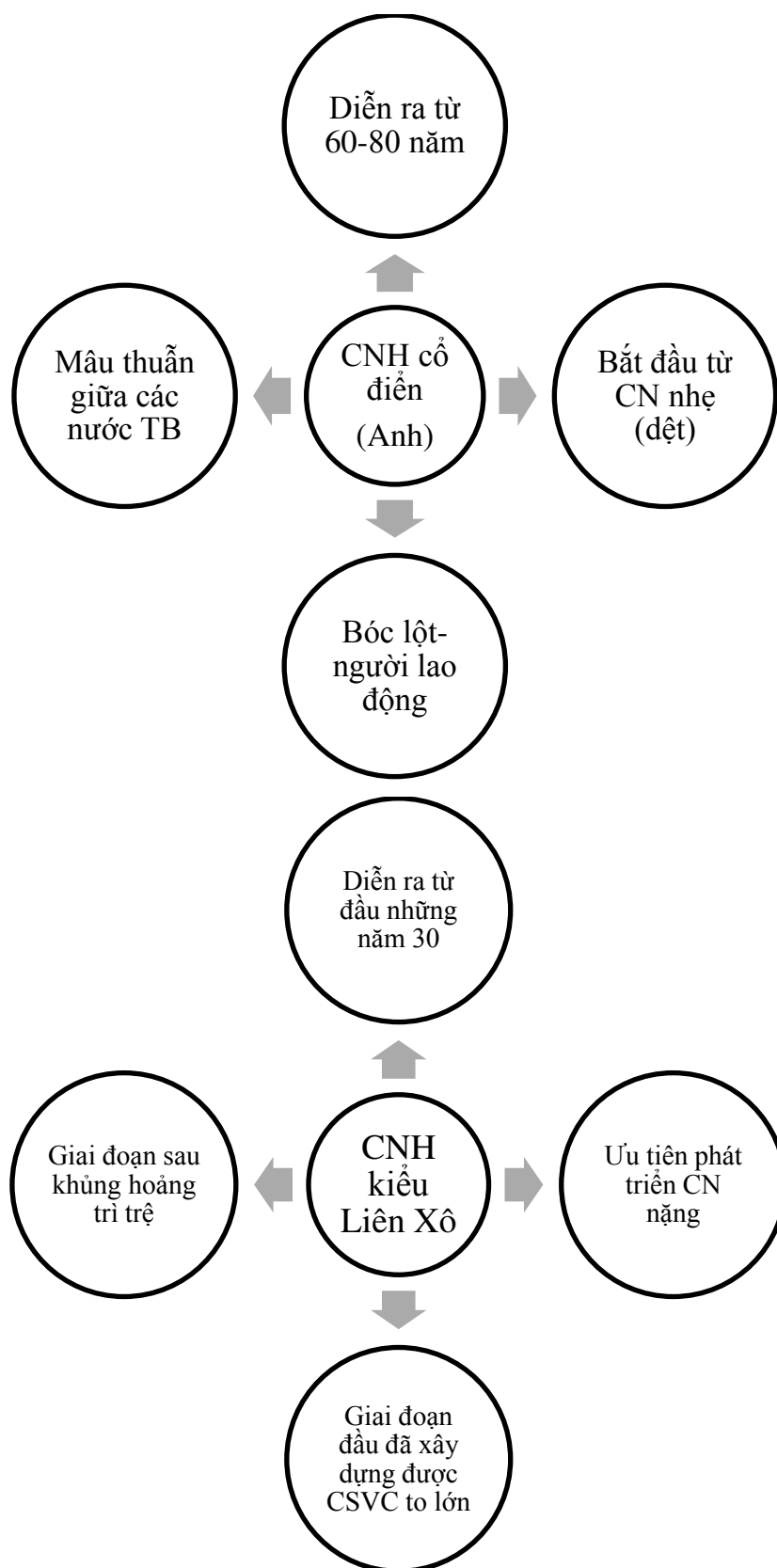
#### ***6.1.1.2. CNH và các mô hình CNH trên thế giới***

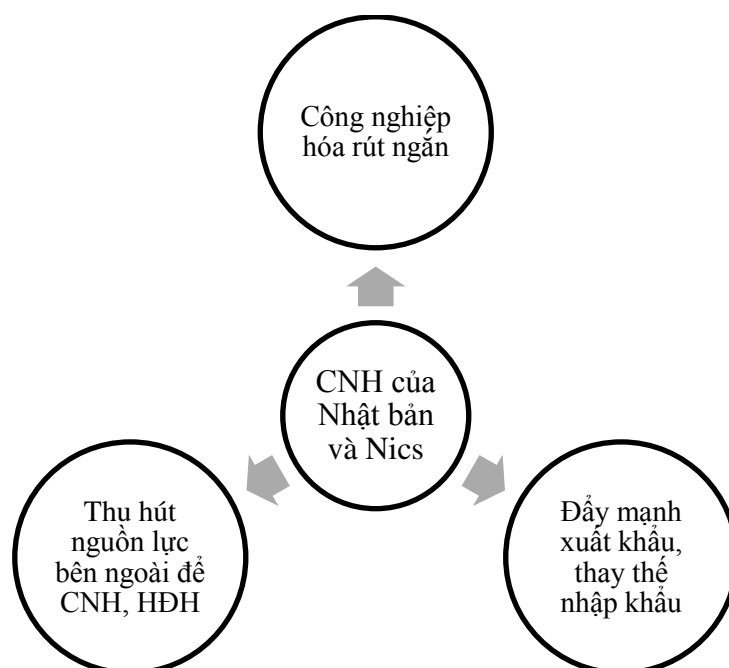
**Khái niệm Công nghiệp hóa:** *“CNH là quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ dựa trên lao động thủ công là chính sang nền sản xuất xã hội dựa chủ yếu trên lao động bằng máy móc nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao”<sup>13</sup>*

#### **Các mô hình CNH tiêu biểu trên thế giới**

---

<sup>13</sup> Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, 2019, tr. 152.





### 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của CNH, HĐH ở Việt Nam

<b>CSVCKT của một PTSX</b>	Bao gồm các yếu tố vật chất của LLSX: - TLLĐ: + Công cụ lao động + Phương tiện phục vụ lao động - ĐTLĐ
----------------------------	--

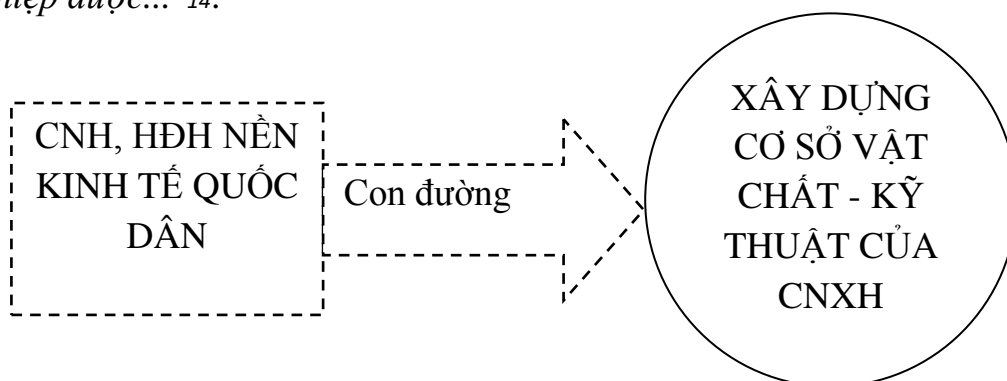


Các PTSX trước CNTB đều dựa trên CSVCKT với công cụ lao động ở trình độ TC, LH, năng suất thấp.

CSVCKT của CNTB là nền đại CN và CN hiện đại, có NSLĐ cao hơn PTSX phong kiến.

CSVCKT của CNXH là nền CN lớn hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lí, trình độ xã hội hóa cao, dựa trên nền tảng KHCN tiên tiến, được hình thành có kế hoạch trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

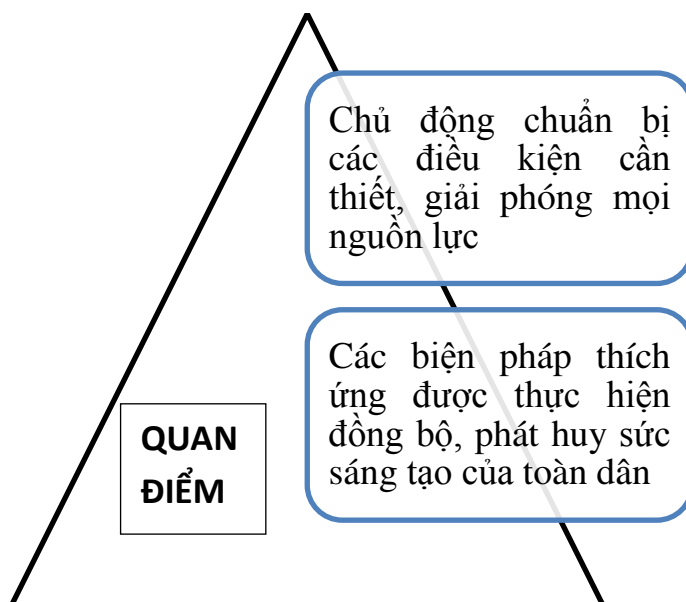
V.I.Lênin: *Cơ sở duy nhất và thực sự để làm tăng của cải của chúng ta, để xây dựng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể là đại công nghiệp... không có một nền đại công nghiệp tổ chức cao, thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội nói chung được, mà lại càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội đối với một nước nông nghiệp được... 14.*



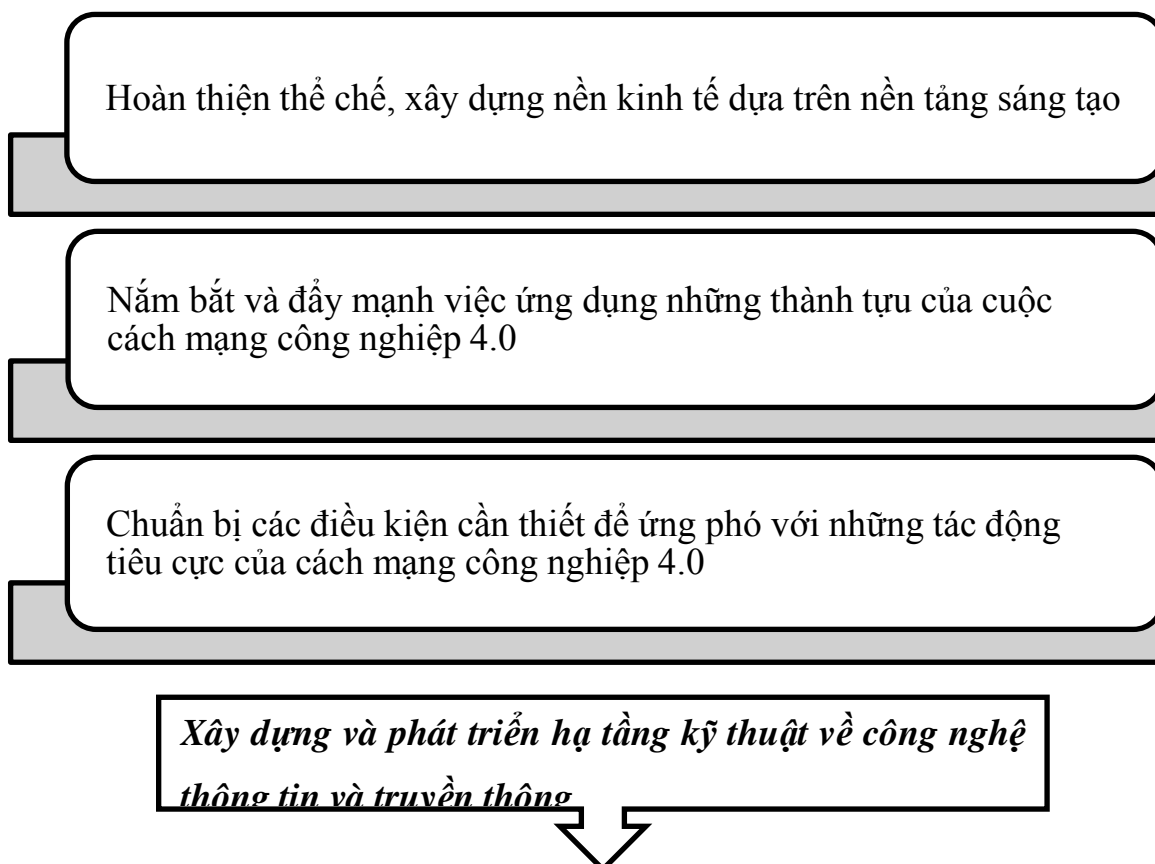
14 V.I.Lênin, Toàn tập, tập 32, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 528-529, 531-532.

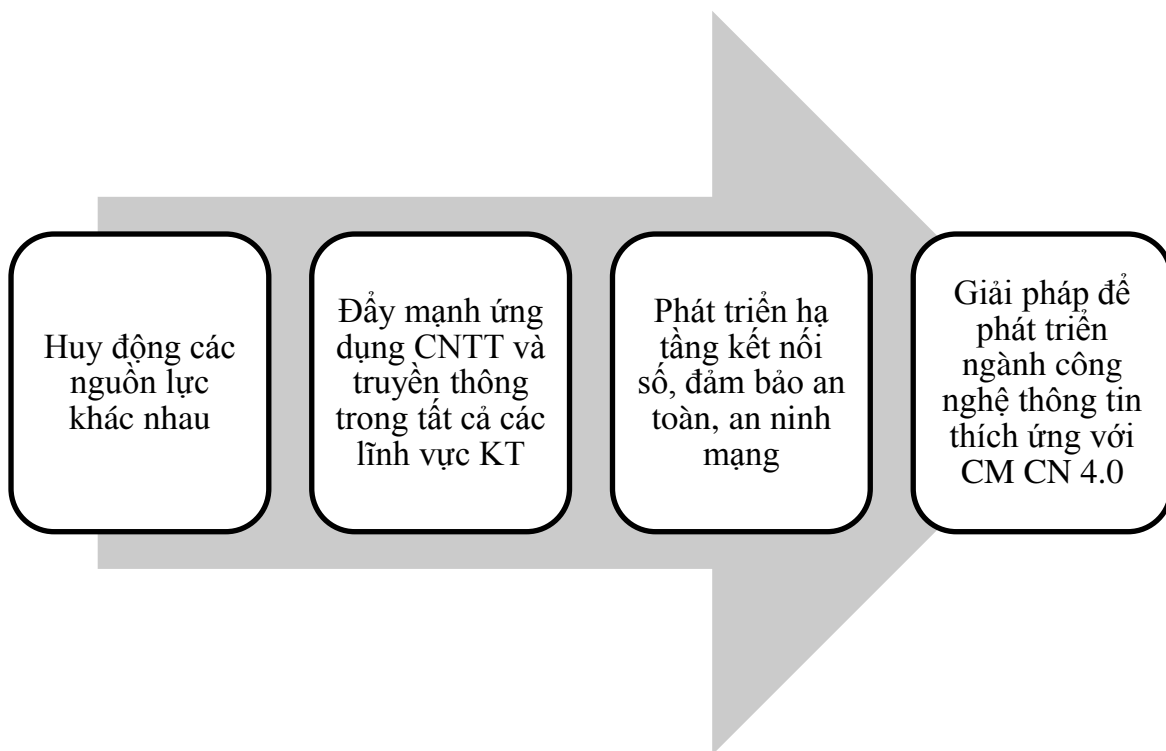
### 6.1.3. Công nghiệp hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

#### 6.1.3.1. Quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4

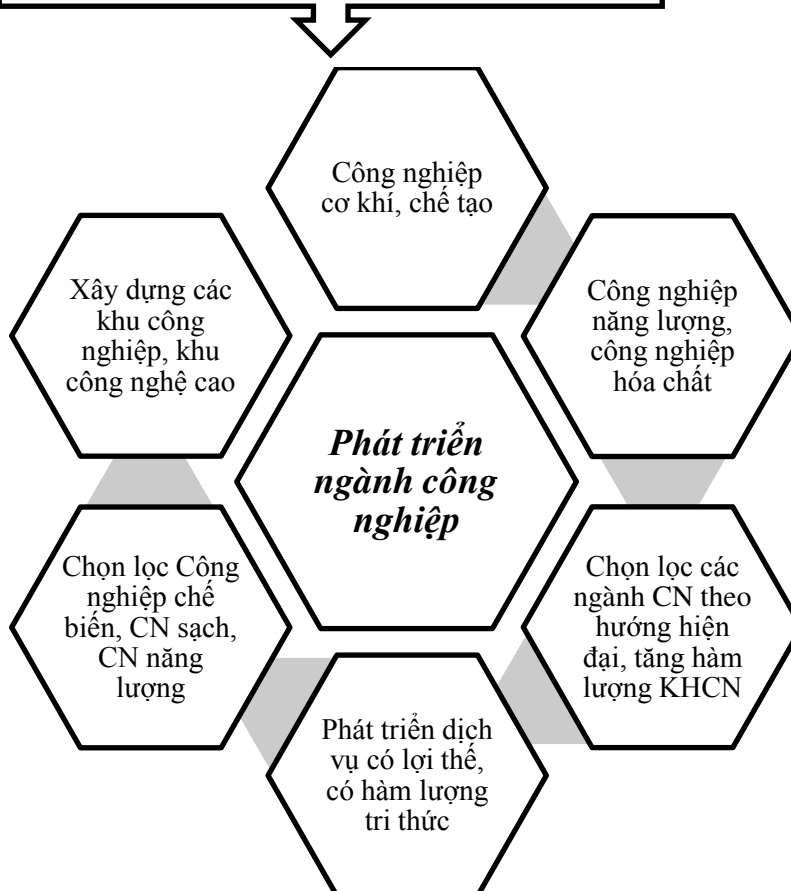


#### 6.1.3.2. CNH, HĐH ở Việt Nam thích ứng với cách mạng CN lần thứ 4

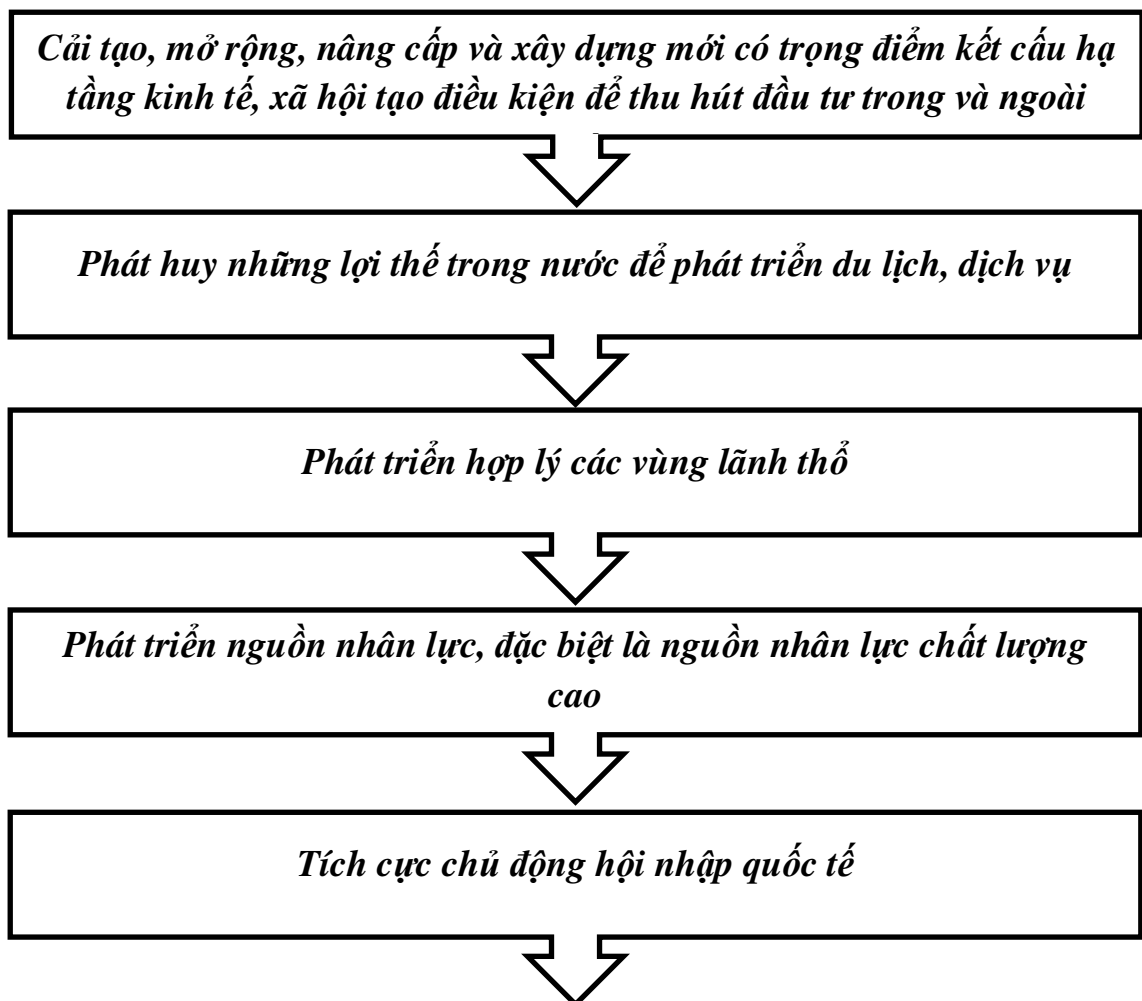
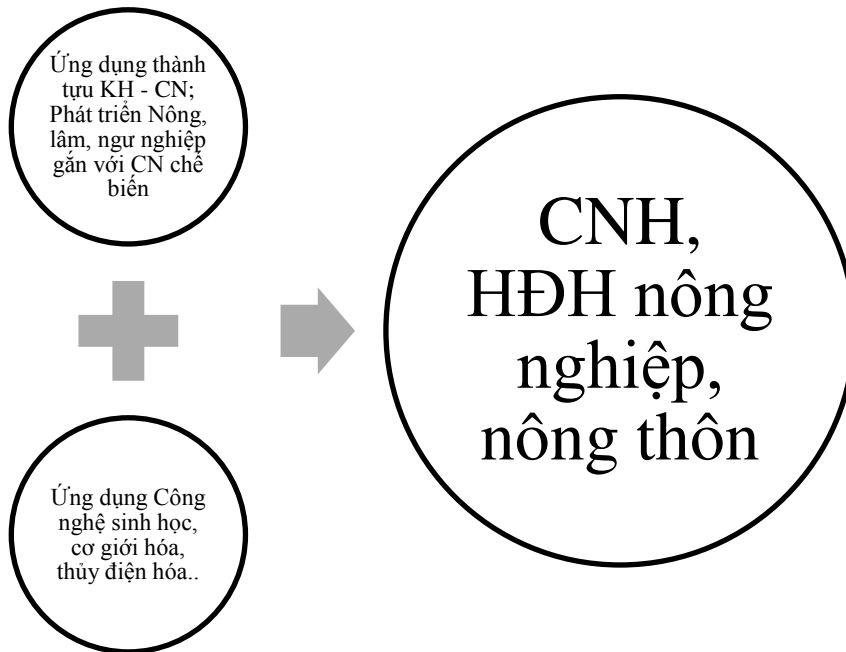




***Phát triển ngành công nghiệp***



***Đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn***



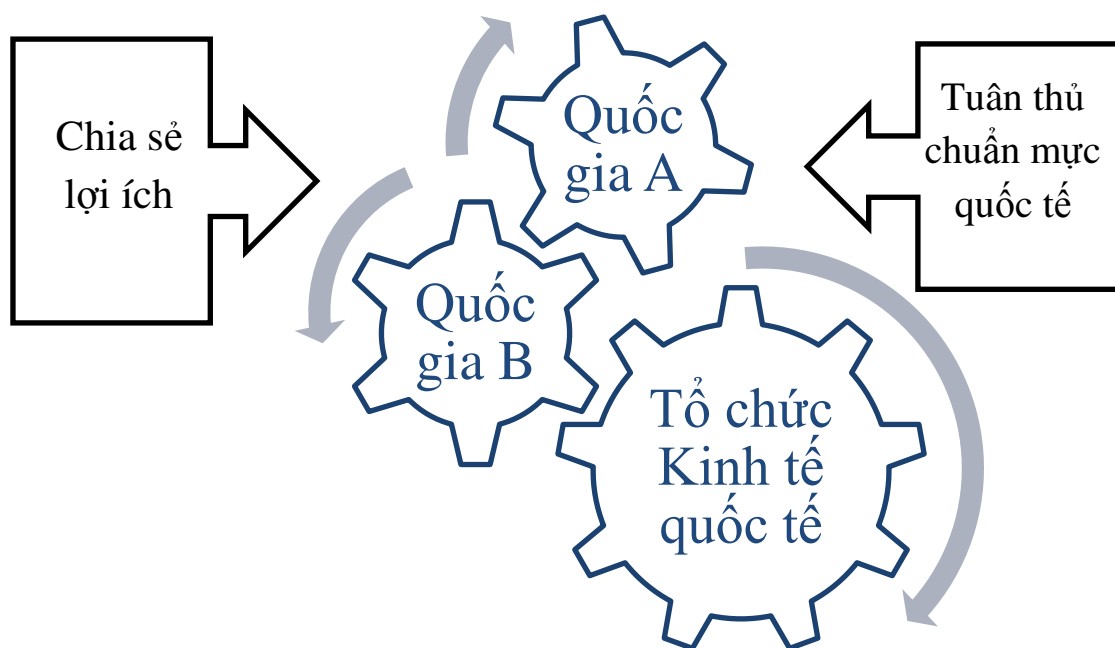
## 6.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

### 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

#### 6.2.1.1. Khái niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế

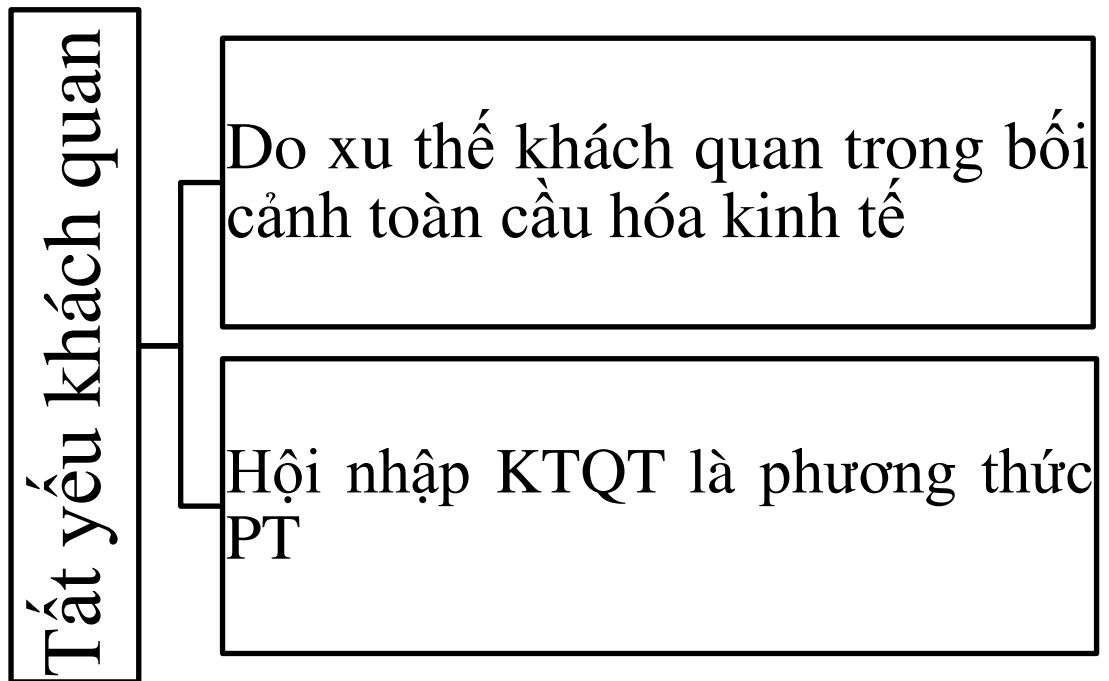
##### - Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế

“Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung”<sup>15</sup>.



##### - Tính tất yếu khách quan của HNKTQT

<sup>15</sup> Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội, 2019, tr. 167.



#### ***6.2.1.2. Nội dung HNKTQT***

Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện hội nhập hiệu quả, thành công

Thực hiện đa dạng các hình thức, các mức độ hội nhập kinh tế quốc tế

#### **6.2.2. Tác động của HNKTQT đến Việt Nam**

##### ***6.2.2.1. Tác động tích cực***

	Tận dụng lợi thế so sánh QG
	Chuyển dịch lĩnh vực KT mũi nhọn
	Nâng cao trình độ KHCN quốc gia.
	Đổi mới sản xuất
	Cải thiện hoạt động trong tiêu dùng
	Tạo điều kiện hoạch định CS
	Tiền đề cho hội nhập VH
	Tác động hội nhập chính trị
	Tạo điều kiện để mỗi nước
	Đảm bảo an ninh QG

#### ***6.2.2.2. Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế***

Gia tăng sự cạnh tranh tạo khó khăn cho doanh nghiệp và ngành kinh tế trong nước

Gia tăng phụ thuộc của nền KT quốc gia vào TT bên ngoài

Phân phối không công bằng lợi ích và rủi ro cho các nước và các nguồn khác nhau trong xã hội, nguy cơ làm tăng khoảng cách giàu nghèo

Có nguy cơ trở thành bãi thải công nghiệp và công nghệ thấp, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường

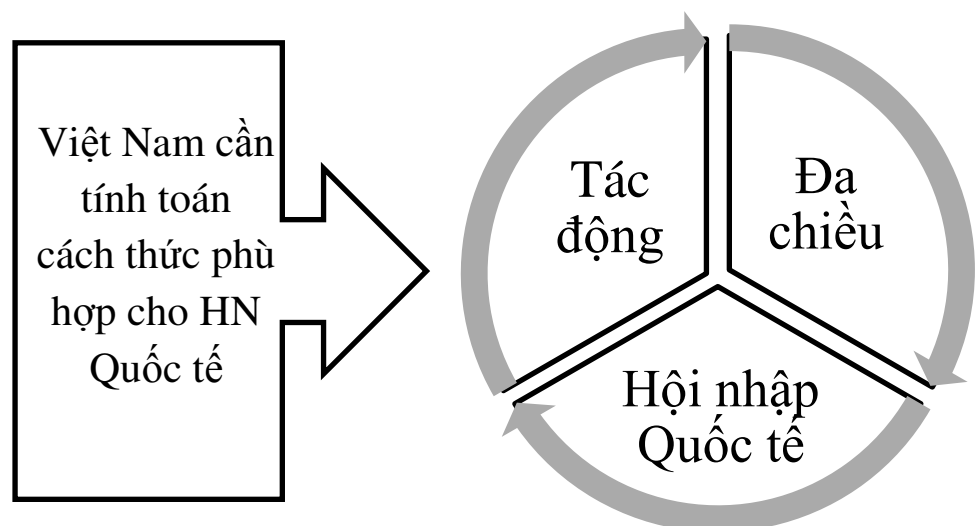
Quyền lực NN, chủ quyền QG

Nguy cơ xói mòn BSDT và VHTT Việt Nam

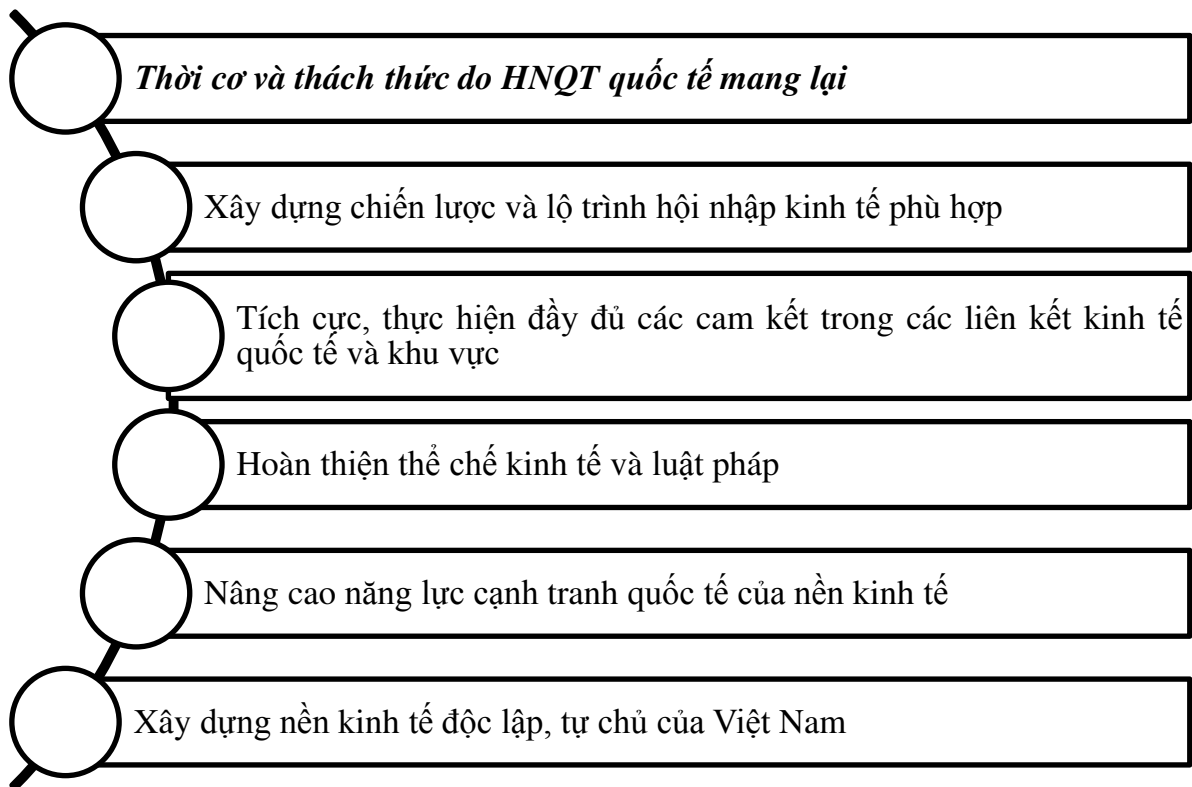
Gia tăng nguy cơ tình trạng khủng bố, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia

### 6.2.3. Phương hướng tăng hiệu quả HNKTQT trong phát triển của

VN







### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Trình bày một số các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới?
2. Vì sao phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam?
3. Trình bày các tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế đến Việt Nam?
4. Trình bày các tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đến Việt Nam?
5. Nêu các phương hướng để tăng cường hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong giai đoạn tới